



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN PHÚ THỌ

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2025**

Phú Thọ, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	2
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	3
1. Thông tin chung.....	3
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	3
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự.....	4
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo	7
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	8
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	9
1. Đặt vấn đề.....	9
2. Tổng quan chung	9
2.1. Căn cứ tự đánh giá.....	10
2.2. Mục đích.....	10
2.3. Yêu cầu.....	10
2.4. Phương pháp.....	10
2.5. Các bước tiến hành.....	11
3. Tự đánh giá	11
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	11
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	18
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP.....	Error! Bookmark not defined.
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.....	88
PHỤ LỤC	
1. Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng.	
2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	
3. Bảng mã minh chứng.	

CÁC TỪ VIẾT TẮT

GV	Giảng viên
XD	Xây dựng
KTX	Ký túc xá
CBGV	Cán bộ giảng viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
CBVC	Cán bộ viên chức
VHXX	Văn hóa xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CTĐT	Chương trình đào tạo
HSSV	Học sinh sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
TCHC	Tổ chức - Hành chính
TCKT	Tài chính - Kế toán
KĐCL	Kiểm định chất lượng
CNTT	Công nghệ thông tin
NCKH	Nghiên cứu khoa học
KBNN	Kho bạc nhà nước
CTMT	Chương trình mục tiêu
GVCN	Giảng viên chủ nhiệm
PPDH	Phương pháp dạy học
MH/MĐ	Môn học/Mô đun
AT VSTP	An toàn vệ sinh thực phẩm
CT HSSV	Công tác học sinh sinh viên
LĐ-TBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
ĐT & HTQT	Đào tạo và Hợp tác quốc tế
TS & GTVL	Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm
NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
KT & KĐCL	Khảo thí và Kiểm định chất lượng
VHVN, TDTT	Văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường: Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ.
- Tên tiếng Anh: PhuTho College of Electro Mechanics.
- Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Địa chỉ trường: Số 217, đường Đào Giã, xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Số điện thoại: (02106)589 629.
- Email: pcem1973@gmail.com.
- Website: <https://www.pcem.edu.vn>.
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: 1973.
 - + Năm đổi tên trường thành trường cao đẳng nghề: 2007.
 - + Năm đổi tên trường thành trường cao đẳng: 2017.
- Loại hình trường: Công lập ☒ ; Tư thực ☐

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT

2.1. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ tiền thân là Trường Công nhân Cơ điện I được thành lập theo Quyết định số 352/LTTP-TCLĐ ngày 31/7/1973 của Bộ trưởng Bộ Lương thực - Thực phẩm (nay là Bộ NN & PTNT). Trường đóng trên địa bàn thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Với nhiệm vụ chính ban đầu là đào tạo công nhân kỹ thuật bậc 2/7, cung cấp nguồn thợ sửa chữa cho các nhà máy chè trong khu vực. Quy mô đào tạo ban đầu là 150 học sinh/năm, với 7 nghề: Tiện, Ngươi, Gò, Hàn, Rèn, Sửa chữa điện xí nghiệp, Sửa chữa ô tô.

Tại Công văn số 1826/BNN-TCCB ngày 21/7/2005 Bộ NN & PTNT đã có đề nghị Bộ LĐTBXH quy hoạch Trường Công nhân Cơ điện I vào mạng lưới các trường dạy nghề trọng điểm để tập trung đầu tư, phát triển thành trường dạy nghề chất lượng cao vào năm 2010.

Đến năm 2007, Bộ trưởng Bộ LĐ-TBXH đã có Quyết định số 73/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/01/2007 về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ trên cơ sở nâng cấp Trường Công nhân Cơ điện I.

Tháng 4/2009 Nhà trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ trực thuộc Bộ NN & PTNT theo Quyết định số 454/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/04/2009 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TBXH.

Theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ là 1 trong 45 trường được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng cao thuộc Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020.

Ngày 20/06/2017 Bộ trưởng Bộ LĐ-TBXH ban hành Quyết định số 906/QĐ-LĐTBXH về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ thành Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ trực thuộc Bộ NN & PTNT.

Trải qua trên 47 năm xây dựng và phát triển, cho đến nay Nhà trường đã đào tạo hàng chục nghìn lao động kỹ thuật lành nghề cho ngành NN & PTNT nói riêng, toàn xã hội nói chung.

2.2. THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ NN & PTNT, Tổng cục GDNN và sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể CBGV và HSSV, Nhà trường đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tập thể Nhà trường liên tục được công nhận danh hiệu tiên tiến xuất sắc của Bộ; được Đảng, Nhà nước và các đoàn thể Trung ương tặng nhiều phần thưởng cao quý:

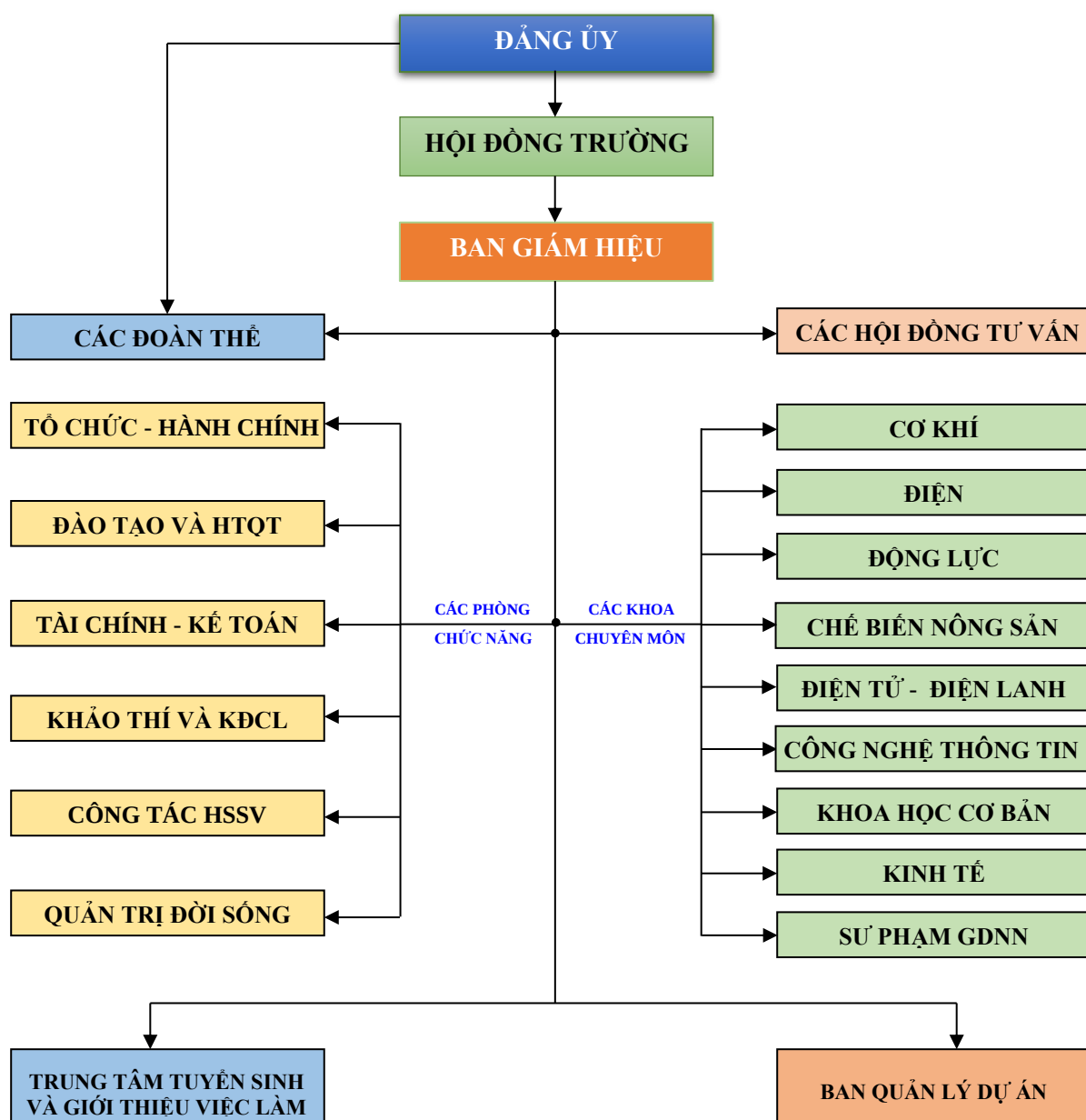
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1983; 2023
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1998;
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2008;
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2013;
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ NN & PTNT các năm: 1997, 2001, 2010, 2018; 2024.
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ LĐ-TBXH năm 2008;
- Cờ dẫn đầu phong trào thi đua cấp tỉnh khối các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp 3 năm (2004 - 2007) của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Nhiều năm liền được tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Trung ương đoàn Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Danh hiệu Nhà giáo: 06 Nhà giáo ưu tú; 01 Nhà giáo nhân dân; 08 Nhà giáo được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; 04 Nhà giáo được trao tặng giải thưởng Nguyễn Văn Trỗi;
- Nhiều tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của các Bộ ngành Trung ương và tỉnh Phú Thọ.
- Nhà giáo dạy giỏi cấp Toàn quốc: 01 giải Nhất; 02 giải Nhì; 06 giải Ba;
- Thiết bị dạy nghề cấp Toàn quốc: 02 giải Nhất; 04 giải Nhì; 02 giải Ba;
- Học sinh giỏi các cấp: 01 học sinh đạt huy chương đồng ASEAN; nhiều lượt học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi nghề cấp Toàn quốc, cấp Bộ và cấp Tỉnh;
- Đảng bộ và các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên các năm đều được công nhận trong sạch vững mạnh.

Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã triển khai một số giải pháp để tiếp tục duy trì các hoạt động dạy học, đặc biệt là đảm bảo tiến độ đào tạo như: chuyển đổi số trong lĩnh vực quản trị, điều hành; triển khai dạy học trực tuyến, đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông; tuyển sinh, giới thiệu việc làm... Chính vì vậy, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng trong năm 2020, Nhà trường vẫn đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: có 03 nhà giáo tham gia Hội giảng nhà giáo GDNN cấp tỉnh (02 giải nhất, 01 giải nhì); Có 05 nhà giáo tham gia Hội giảng nhà giáo

GDNN cấp Bộ (01 giải nhất, 02 giải nhì, 02 giải ba); 02 học sinh được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tại hội thi kỹ năng nghề toàn quốc; 04 tập thể nhận Bằng khen của Bộ trưởng; 03 cá nhân nhận Bằng khen của Bộ trưởng và Công đoàn ngành; 01 cá nhân nhận được Bằng khen tuyên dương về “Cán bộ, công chức trẻ tiêu biểu 2020” lần thứ VII của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC



3.2. DANH SÁCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA TRƯỜNG

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Trần Thị Thúy Lan	1969	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Lê Đức Vũ	1965	Thạc sĩ	P.Hiệu trưởng
	Lê Đức Minh	1982	Tiến sĩ	P.Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng bộ	Trần Thị Thúy Lan	1969	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ Tổng hợp	Nguyễn Chí Kiên	1973	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ Quản lý - đào tạo	Nguyễn Ngọc Thành	1980	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ KHCB - CBNS - Kinh tế	Nguyễn Chức Vụ	1970	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ Điện, Điện tử -Điện lạnh, CNTT	Nguyễn Đăng Thọ	1973	Kỹ sư	Bí thư
Chi bộ Cơ khí - Động lực	Trương Đình Luân	1979	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ Khảo thí - Trung tâm TS	Hoàng Văn Tiến	1979	Thạc sĩ	Bí thư
Công đoàn	Bùi Quốc Huy	1982	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Huy Tiến	1989	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC	Trương Thuỳ Dương	1984	Thạc sĩ	P.Trưởng phòng
Phòng Đào tạo và HTQT	Phạm Hồng Hải	1966	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng KT&KĐCL	Bùi Trung Hiếu	1986	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Ngọc Thành	1980	Đại học	Trưởng phòng
Phòng TCKT	Nguyễn T.Kim Liên	1985	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng QTĐS	Nguyễn Chí Kiên	1973	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa (khoa Sư phạm không có trưởng khoa)				
Khoa Cơ khí	Trương Đình Luân	1979	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Động lực	Nguyễn Văn Huệ	1962	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện	Nguyễn Văn Đào	1975	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện tử - điện lạnh	Nguyễn Đăng Thọ	1973	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa CBNS	Nguyễn Thị Lưu	1982	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa KHCB	Nguyễn Chức Vụ	1970	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Nguyễn Thị Hoa	1984	Thạc sĩ	P.Trưởng khoa
Khoa CNTT	Nguyễn Hữu Đông	1978	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Bùi Trung Hiếu	1986	Thạc sĩ	Phụ trách Khoa
5. Trưởng các đơn vị trực thuộc				
Trung tâm TS>VL	Nguyễn Thái Việt	1973	Thạc sĩ	Giám đốc

3.3. CÁN BỘ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Tổng số CBGV, nhân viên	90	95	96
2. Tổng số GV cơ hữu theo trình độ đào tạo	76	76	78
- Tiến sĩ		01	01
- Thạc sĩ	41	41	41
- Đại học	33	34	36
- Cao đẳng	-	-	-
- Trung cấp	-	-	-
- Trình độ khác	-	-	-
3. Tổng số GV dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số GV của trường	64	64	64

4. NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HS SV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HS SV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HS SV
1.	Điện công nghiệp	CĐ	60	38	60	39	35	36
		TC	35	58	35	103	60	143
2.	Điện dân dụng	CĐ	30		30	0	18	0
		TC	30		30	0	35	0
3.	Điện tử công nghiệp	CĐ	20	19	20	27	35	47
		TC	30	86	30	82	35	96
4.	Điện tử dân dụng	CĐ	20		20	0	18	0
		TC	30		30	0	35	0
5.	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	CĐ	15	21	15	29	18	29
		TC	20	50	20	78	35	30
6.	Hàn	CĐ	70	2	70	6	18	10
		TC	70	27	70	46	55	3
7.	Công nghệ ô tô	CĐ	90	37	90	55	35	52
		TC	60	77	60	71	95	50
8.	Cắt gọt kim loại	CĐ	35		35	0	18	4
		TC	35	7	35	0	20	0
9.	Quản trị mạng máy tính	CĐ	30		30	7	10	7
		TC	30	18	30	31	55	8
10.	Tin học	CĐ	35	6	35	0	10	10

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng HS SV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HS SV	Quy mô tuyển sinh	Số lượng HS SV
	văn phòng	TC	70	31	70	21	75	15
11.	Kế toán doanh nghiệp	CD	240	8	240	0	15	0
		TC	35	16	35	25	35	69
12.	Công nghệ chế biến chè	CD	35	38	35	0	10	0
		TC	35	58	35	0	30	0
13.	Cơ điện nông thôn	CD	25		25	0	10	17
		TC	30		30	0	55	38

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Diện tích hạng mục công trình (m²)	35.392,4	33.939	38.381
- Khu hiệu bộ	1.698	1.698	1.698
- Phòng học lý thuyết	5.606	5.606	3.475,4
- Xưởng thực hành	6093	6093	14.064
- Khu phục vụ			21.061
+ Thư viện	1.297	1.297	1.834
+ Ký túc xá	5.597	3.969	3.969
+ Nhà ăn	1.093	1.093	1.093
+ Trạm y tế	50	50	0,032
+ Khu thể thao	12.543	12.543	14.133
- Nhà thể chất	1.590	1.590	1.590
2. Tổng số đầu sách	1.528	1.528	1.528
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành</i>	<i>1.436</i>	<i>1.436</i>	<i>1.074</i>
3. Tổng số máy tính	225	225	201
- Dùng cho văn phòng	50	50	44
- Dùng cho học sinh học tập	175	175	157
4. Tổng nguồn kinh phí			
4.1. Nguồn NSNN			31.457.176.000
4.2. Tổng thu học phí			1.609.035.000
4.3. Nguồn khác			158.541.200
4.4. Tổng kinh phí quyết toán			33.224.752.200

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Ngày nay, xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống – xã hội, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia, mỗi lĩnh vực, mỗi ngành/ngành mà ngay cả đối với mỗi cơ sở GDNN. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở GDNN ngày càng trở nên quyết liệt hơn, gay gắt hơn và lợi thế sẽ thuộc về cơ sở có chất lượng cao.

Chính vì vậy, chất lượng đào tạo đã và đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Đối với Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ, kiểm định chất lượng GDNN có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài, giúp Nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ để tiến tới xây dựng trường trở thành một trong những cơ sở GDNN có thương hiệu về đào tạo được xã hội biết đến và thừa nhận.

Ý thức được vấn đề đó, Nhà trường đã tiến hành thực hiện tự đánh giá nhằm kiểm nghiệm lại mọi hoạt động đào tạo diễn ra trong trường một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá. Trên cơ sở đó chỉ ra được những điểm mạnh, xác định rõ các tồn tại để xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu GDNN đã đề ra.

1.2. VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng, cụ thể:

- Đối với xã hội, tự đánh giá chất lượng GDNN là sự bảo đảm trước xã hội về chất lượng sản phẩm của cơ sở GDNN, là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của người học. Thông qua hoạt động kiểm định, Nhà trường sẽ chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao hiệu quả đầu tư cho đào tạo nghề.

- Đối với người học, bảo đảm chất lượng GDNN là mục đích cung cấp các dịch vụ cho người học nhằm đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các CTĐT. Vì thế, đánh giá chất lượng GDNN sẽ bảo đảm độ tin cậy đối với cơ sở GDNN hay một CTĐT mà người học đang theo học để có thể yên tâm vì nhu cầu học tập được đáp ứng một cách tốt nhất.

- Đối với các cơ sở GDNN, tự đánh giá giúp cho cơ sở GDNN có điều kiện kiểm nghiệm lại mình một cách toàn diện, đầy đủ để tiến tới xây dựng trường trở thành một cơ sở GDNN có chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín, được xã hội biết đến và thừa nhận.

- Đối với cơ quan quản lý các cấp, bảo đảm chất lượng GDNN được coi là một công cụ đánh giá một cách khách quan về cơ sở GDNN, phát hiện những nhân tố mới

trong số các cơ sở GDNN đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng đào tạo sẽ thúc đẩy các cơ sở GDNN khác cải tiến nâng cao chất lượng.

- Đối với người sử dụng lao động, HSSV tốt nghiệp từ các cơ sở GDNN hoặc CTĐT đã được KĐCL giúp họ yên tâm hơn về chất lượng đào tạo.

- Đối với Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ, hoạt động tự đánh giá chất lượng không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Từ kết quả tự đánh giá, lãnh đạo Nhà trường cùng toàn thể CBVC sẽ nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ đáp ứng chất lượng các hoạt động, cũng như các hạn chế, tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề của thị trường lao động.

2. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. CĂN CỨ TỰ ĐÁNH GIÁ

- Căn cứ Luật GDNN số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;

- Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

- Căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường.

2.2. MỤC ĐÍCH

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CBGV, nhân viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, qua đó huy động tất cả các đơn vị và cá nhân cùng tham gia thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nhà trường dựa vào hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số tự đánh giá chất lượng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được. Đồng thời phát hiện và khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt hoặc cần cải thiện. Từ đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu.

2.3. YẾU CẦU

- Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng đã ban hành theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

- Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm tiêu chuẩn.

- Trung thực, khách quan, minh bạch và công khai trong quá trình tự đánh giá chất lượng so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn.

2.4. PHƯƠNG PHÁP

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL.

- Thảo luận, đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường.

2.5. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Căn cứ vào kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường thực hiện theo các trình tự sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN);

- Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá của Nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá;

- Thu thập thông tin và hồ sơ minh chứng để chứng minh;

- Xử lý phân tích mức độ mà Nhà trường đã đạt theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề;

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá;

- Công bố công khai kết quả tự đánh giá trong nội bộ Nhà trường và cấp có thẩm quyền.

3. TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CS GDNN

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100 điểm	96 điểm
1	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	10 điểm	10 điểm
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.	2 điểm	2 điểm
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng,	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.		
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.	2 điểm	2 điểm
1.4	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.	2 điểm	2 điểm
1.5	Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.	2 điểm	2 điểm
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	16 điểm	16 điểm
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.	2 điểm	2 điểm
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.	2 điểm	2 điểm
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.	2 điểm	2 điểm
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).	2 điểm	2 điểm
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	2 điểm	2 điểm
2.8	Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.	2 điểm	2 điểm
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	14 điểm	14 điểm
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.	2 điểm	2 điểm
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2 điểm	2 điểm
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.	2 điểm	2 điểm
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2 điểm	2 điểm
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	2 điểm	2 điểm
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2 điểm	2 điểm
4	Tiêu chí 4 - Chương trình đào tạo, giáo trình	14 điểm	14 điểm
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.	2 điểm	2 điểm
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	2 điểm	2 điểm
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.	2 điểm	2 điểm
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.	2 điểm	2 điểm
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.	2 điểm	2 điểm
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
4.7	Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	16 điểm	14 điểm
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.	2 điểm	2 điểm
5.2	b) Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	2 điểm	2 điểm
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.	2 điểm	2 điểm
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.	2 điểm	2 điểm
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.	2 điểm	0 điểm
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2 điểm	2 điểm
5.7	Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
5.8	Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.	2 điểm	2 điểm
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	8 điểm	6 điểm
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.	2 điểm	2 điểm
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.	2 điểm	2 điểm
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.	2 điểm	2 điểm
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	2 điểm	0 điểm
7	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10 điểm	10 điểm
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.	2 điểm	2 điểm
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2 điểm	2 điểm
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực	2 điểm	2 điểm
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.	2 điểm	2 điểm
8	Tiêu chí 8 - Giám sát, đánh giá chất lượng	12 điểm	12 điểm
8.1	Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.	2 điểm	2 điểm
8.2	Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	2 điểm	2 điểm
8.3	Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2 điểm	2 điểm
8.4	Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2 điểm	2 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
8.5	Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2 điểm	2 điểm
8.6	Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2 điểm	2 điểm

3.2. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu: Sứ mệnh, mục tiêu của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ được xác định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành theo Quyết định số 944/QĐ-CDPT ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ và chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 là “*Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực cơ điện, tự động hóa, chế biến nông sản kết hợp với NCKH, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ. Góp phần nâng cao chất lượng nhân lực phát triển ngành NN & PTNT, kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, thúc đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước*”. Trong đó mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2025 “*Xây dựng trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ thành trường chất lượng cao theo tiêu chí của Nhà nước. Vào năm 2025, trường có đủ năng lực đào tạo 16-18 nghề, trong đó có 07 nghề trọng điểm (03 nghề cấp độ quốc tế, 01 nghề cấp độ khu vực ASEAN, 03 nghề cấp độ quốc gia); Nâng cao chất lượng đào tạo và triển khai ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Vận hành quản trị Nhà trường theo mô hình 5S hướng tới xanh hóa môi trường học tập và làm việc*”.

Quyết định số 4310/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, 06 phòng chức năng, 09 khoa và 01 trung tâm. Hoạt động của Nhà trường có sự lãnh chỉ đạo của BCH Đảng bộ và sự tham gia của các tổ chức đoàn thể đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của trường và hoạt động có hiệu quả.

Trong tổ chức và quản lý, Nhà trường thực hiện theo Luật GDNN năm 2014; Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và nhiều văn bản pháp quy khác.

Cấp ủy Đảng luôn thể hiện rõ được vai trò lãnh đạo, có phân công nhiệm vụ cụ thể, tập trung chỉ đạo theo nghị quyết; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả, góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên, định kỳ; quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai các vấn đề đã tạo niềm tin cho CBVC, người lao động.

Bên cạnh đó, việc thường xuyên rà soát và xây dựng một số quy chế nội bộ giúp cơ cấu tổ chức và quản lý hoạt động thống nhất, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

- Mục tiêu và sứ mạng được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành.

- Nhà trường có đầy đủ các quy chế nội bộ, có cơ cấu tổ chức hiệu quả; hoạt động theo đúng các quy định về chức năng nhiệm vụ của trường cao đẳng; các hoạt động được thực hiện công khai và dân chủ.

- Các quy chế nội bộ hằng năm được rà soát, điều chỉnh kịp thời, phù hợp thực tiễn, bám sát mọi hoạt động và được công bố công khai.

- Các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, hoạt động đồng bộ, hiệu quả; có sự phối hợp gắn kết, chặt chẽ, góp phần không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể tập hợp được đông đảo quần chúng, phát huy được sức mạnh tập thể; nội bộ đoàn kết thống nhất, lãnh đạo thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ, đưa Nhà trường từng bước phát triển bền vững.

- Nhà trường thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá; thường xuyên cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phát huy được quy chế dân chủ ở cơ sở.

*** Những tồn tại:** Không có.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Tiếp tục rà soát mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn và từng giai đoạn phát triển.

- Đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát và cải tiến phương pháp và công cụ kiểm tra, giám sát.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	10 điểm
Tiêu chuẩn 1.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 1.5	2 điểm

Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong

các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ là cơ sở GDNN công lập trực thuộc Bộ NN & PTNT, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường được quy định cụ thể tại Quyết định số 4310/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT. Năm 2018, thực hiện Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động trong đó chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định của Bộ NN & PTNT. Mục tiêu, sứ mạng của trường được xác định cụ thể trong Quy chế tổ chức, hoạt động và Chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn và được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của ngành NN & PTNT, cũng như xu hướng phát triển trong tương lai.

- Tại quyết định số 488/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/2/2009 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT phê duyệt chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ giai đoạn 2009-2015, tầm nhìn đến năm 2020, đã xác định sứ mạng của Nhà trường như sau: *“Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ sẽ xây dựng và phát triển thành một trung tâm đào tạo đa ngành, đa cấp độ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ và có khả năng hội nhập khu vực và quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành NN & PTNT và các ngành kinh tế khác, trong đó lấy đào tạo nhân lực các lĩnh vực cơ điện, máy nông nghiệp, chế biến nông sản làm trọng điểm”.*

- Thực hiện Công văn số 4706/BNN-TCCB ngày 15/7/2020 của Bộ NN & PTNT về việc xây dựng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Nhà trường đã xác định rõ sứ mạng *“Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực cơ điện, tự động hóa, chế biến nông sản kết hợp với NCKH, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ. Góp phần nâng cao chất lượng nhân lực phát triển ngành NN & PTNT, kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, thúc đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước”.*

Với mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2025 *“Xây dựng Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ thành trường chất lượng cao theo tiêu chí của Nhà nước. Vào năm 2025, trường có đủ năng lực đào tạo 16-18 nghề, trong đó có 07 nghề trọng điểm (03 nghề cấp độ quốc tế, 01 nghề cấp độ khu vực ASEAN, 03 nghề cấp độ quốc gia); Nâng cao chất lượng đào tạo và triển khai ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Vận hành quản trị Nhà trường theo mô hình 5S hướng tới xanh hóa môi trường học tập và làm việc”.* (1.1.01-Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ giai đoạn 2009 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020/Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; 1.1.02-Quy chế tổ chức và hoạt động).

Mục tiêu, sứ mạng của trường trong từng giai đoạn cụ thể được công bố công khai tới toàn thể CBVC, người lao động thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động gửi tới các

đơn vị, trong Hội nghị CBVC hằng năm và trên trang thông tin điện tử Nhà trường tại địa chỉ <https://www.pcem.edu.vn>. (1.1.06-Thống kê các hình thức công bố mục tiêu, sứ mạng của trường - website <http://pcem.edu.vn>). Từ dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của ngành NN & PTNT, số lao động cần đào tạo giai đoạn 2016 - 2020 và Đề án quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận như Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang... mà Nhà trường đã tập hợp, nghiên cứu và những thông báo tuyển dụng được gửi tới Trung tâm TS & GTVL của doanh nghiệp trong những năm gần đây có thể khẳng định được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành. Điều này cũng phù hợp với kết quả khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý mà phòng TCHC thực hiện định kỳ hằng năm.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, hiện nay Nhà trường đang đào tạo 13 ngành nghề trình độ Cao đẳng, 13 ngành nghề trình độ Trung cấp và 13 ngành nghề trình độ Sơ cấp. Hằng năm, trường giao nhiệm vụ cho Trung tâm TS & GTVL tiến hành thực hiện thu thập các thông tin tuyển dụng, phân tích đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh Phú Thọ và 1 số tỉnh vùng núi phía Bắc. Cụ thể nhu cầu lao động của Phú Thọ và một số tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030 như sau:

- Tỉnh Phú Thọ: mục tiêu giai đoạn 2025 - 2030 toàn tỉnh sẽ có thêm gần 239 nghìn người được đào tạo mới; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo lĩnh vực nông, lâm nghiệp đạt 65%; công nghiệp, xây dựng đạt 85%, dịch vụ đạt 90%.

- Tỉnh Hà Giang: phấn đấu đến 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75% và hơn 85% vào năm 2030. Giải quyết việc làm cho khoảng 18.000 lao động/năm, tỷ lệ học nghề, cao đẳng, đại học đạt 75 - 80% vào năm 2030.

- Tỉnh Lào Cai: từ nay đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 65%; số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là trên 493.000 người, trong đó 66% lao động là người dân tộc thiểu số ở các vùng nông thôn mới.

- Tỉnh Lai Châu: mỗi năm đào tạo nghề khoảng hơn 6.000 lao động, tạo việc làm mới cho hơn 7.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo: trên 50% (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là trên 37%).

- Ngành NN & PTNT dự báo: đến năm 2030 sẽ có khoảng 100.000 doanh nghiệp nông nghiệp, 30.000 hợp tác xã, 70.000 tổ hợp tác và 70.000 trang trại nông nghiệp và sẽ có từ 4,5 - 6 triệu lao động có nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp.

Kết quả phân tích đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành, của các địa phương kết hợp với việc đi khảo sát trực tiếp học sinh tại các trường THPT, THCS cho thấy một số ngành nghề dự báo trong thời gian tới sẽ có nhiều người học như: Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, Công nghệ Ô tô, Điện tử công nghiệp... hoặc một số địa phương có nhu cầu đào tạo nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp như: Trồng chè, Công nghệ chế biến chè... dưới dạng đặt hàng. Từ đó hằng năm Nhà trường có cơ sở chính xác dự báo nhu cầu tuyển sinh chi tiết đến số lượng, ngành nghề phù hợp và đăng ký với Bộ NN & PTNT để Bộ giao chỉ tiêu tuyển sinh và lập kế hoạch tuyển sinh.

(1.1.03 - Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020 số 27/2011/QĐ-UBND Phú Thọ ngày 28/12/2011; 1.1.04 - Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành NN & PTNT giai đoạn 2014 - 2020; 1.1.05 - Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội/nguồn nhân lực 1 số tỉnh; 1.1.06 - Kế hoạch khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực; 1.1.07 - Phiếu khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực; 1.1.08-Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực; 1.1.09 - Thông báo tuyển dụng lao động của doanh nghiệp; 1.1.10 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN; 1.1.11-Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của trường hằng năm; 1.1.12-Thông báo nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh GDNN hằng năm; 1.1.13 - Hồ sơ khảo sát hằng năm; 1.1.14-Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1 tiêu chí 1: 2 điểm.**

Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.

Nhằm đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các phòng/khoa/trung tâm, Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản được cụ thể hoá về tổ chức, cơ chế quản lý, quy chế hoạt động và các mặt công tác, đảm bảo quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; có quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với quy định tại Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐ đối với trường cao đẳng. Nhà trường đã ban hành quy chế tổ chức, bộ máy hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và được Bộ trưởng Bộ NN & PTNT phê duyệt tại Quyết định số 4310/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017, trong đó quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ. Theo nội dung quyết định này, cơ cấu tổ chức của Nhà trường hiện nay gồm có 06 phòng, 09 khoa chuyên môn và 01 trung tâm. *(1.2.01 - Quyết định thành lập trường, các quyết định đổi tên trường; 1.2.02 - Quyết định thành lập các phòng/khoa/trung tâm; 1.2.03 - Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ).*

Để bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các phòng/khoa/trung tâm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản: Quy chế tổ chức và hoạt động; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế văn thư lưu trữ; Quy chế đào tạo; Quy chế tổ chức kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; Quy chế tuyển sinh; Quy chế học sinh, sinh viên; Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học,...

Nội dung các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đều được toàn thể CBVC nhất trí thông qua, thể hiện qua ý kiến đồng thuận tại Hội nghị CBVC hằng năm; Báo

cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hằng năm cho thấy các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đáp ứng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. **(1.2.04-Các quy chế nội bộ của trường; 1.2.05 - Các quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường; 1.1.13-Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TBXH về quy định hệ thống ĐBCL của cơ sở GDNN, Nhà trường thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL gồm Ban Giám hiệu và các thành viên là trưởng đơn vị, giảng viên. **(1.3.01-Quyết định thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL).** Hệ thống ĐBCL của Nhà trường tập trung vào việc xây dựng hệ thống tài liệu, gồm: chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, sổ tay chất lượng, đặc biệt là bộ quy trình ĐBCL.

- Xây dựng hệ thống ĐBCL:

+ Đối với việc xây dựng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, sổ tay chất lượng: Nhà trường giao Phòng KT & KĐCL là đầu mối xây dựng, dự thảo, lấy ý kiến của các cá nhân, đơn vị liên quan, họp Ban xây dựng thống nhất và ban hành. **(1.3.02-Sổ tay/Chính sách/Mục tiêu chất lượng; 1.3.03-Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng).**

+ Đối với xây dựng các quy trình ĐBCL: Phòng KT & KĐCL là đơn vị tham mưu đề xuất các đơn vị phụ trách xây dựng quy trình theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công. Năm 2018 Nhà trường ban hành và đưa vào sử dụng 39 quy trình quản lý chất lượng tại Quyết định số 554/QĐ-CDPT ngày 26/11/2018, trong đó Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các quy trình bắt buộc theo Thông tư 28 thuộc các lĩnh vực: đào tạo, tuyển sinh, khảo thí, công tác HSSV (chế độ chính sách, ký túc xá,...), tài chính, tổ chức, khoa chuyên môn (trang thiết bị, cấp phát vật tư).

Năm 2020, tiếp tục rà soát và chỉnh sửa các biểu mẫu trong một số quy trình cho phù hợp với thực tế đào tạo của Nhà trường như quy trình tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun; quy trình cấp phát vật tư... **(1.3.04-Quyết định thành lập Phòng KT & KĐCL/Quy định về chức năng, nhiệm vụ; 1.3.05-Quyết định ban hành và các quy trình hệ thống ĐBCL).**

- Vận hành hệ thống ĐBCL:

Để thực hiện nhiệm vụ phụ trách hệ thống ĐBCL, ngoài việc thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL để kiểm tra, đánh giá, cải tiến hệ thống, Nhà trường còn giao phòng KT & KĐCL là đơn vị phụ trách về công tác KĐCL là đơn vị thường trực xây dựng kế hoạch để các đơn vị tổ chức thực hiện tự đánh giá hằng năm, đảm bảo cho hệ thống bảo đảm chất lượng vận hành có hiệu quả.

Từ khi đưa vào vận hành hệ thống ĐBCL, Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy trình quản lý chất lượng và phản hồi những điểm không phù

hợp để lãnh đạo nhà trường xem xét, quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh. (1.3.06-*Thông báo rà soát các quy chế, quy định hằng năm*).

Việc ban hành và thực hiện các nội dung của hệ thống ĐBCL đã giúp cho công tác quản lý, quản trị của trường đi vào nề nếp, được phần lớn CBVC đồng tình, ủng hộ, thể hiện qua việc thông qua báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa trung tâm; nghị quyết Hội nghị CBVC và kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. (1.1.13-*Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động*; 1.3.07-*Báo cáo hệ thống ĐBCL*; 1.3.08-*Báo cáo tổng kết hằng năm của trường*; 1.3.09-*Báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa/trung tâm*; 1.3.10 - *Hệ thống tài liệu ĐBCL của Trường*).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác ĐBCL của Nhà trường không chỉ dừng lại ở việc xây dựng và áp dụng, mà còn đặc biệt chú trọng đến chu trình cải tiến liên tục. Hoạt động đánh giá và cải tiến hệ thống ĐBCL được thực hiện thường niên và trở thành một nhiệm vụ định kỳ (1.4.01 - *Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm*).

Hàng năm, trên cơ sở tổng hợp kết quả hoạt động của các đơn vị và các thông tin phản hồi, Phòng Khảo thí và KĐCL có trách nhiệm chủ trì, thực hiện việc xem xét, đánh giá toàn diện sự vận hành của hệ thống ĐBCL. Kết quả của quá trình này được tổng hợp thành Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng theo đúng mẫu quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH. Việc này cho thấy hệ thống ĐBCL đang vận hành hiệu quả, gắn liền với thực tiễn và luôn hướng tới sự cải tiến (1.4.02 – *Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống ĐBCL hằng năm*).

Thông qua hoạt động đánh giá định kỳ, nhiều quy trình, công cụ đã được bổ sung, chỉnh sửa để phù hợp hơn với thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành chung của Nhà trường. Dựa trên kết quả đánh giá, Nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng cho năm tiếp theo, đảm bảo các vấn đề tồn tại được giải quyết một cách có kế hoạch (1.4.03-*Các quyết định phê duyệt hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng hằng năm*; 1.4.04-*Danh sách các quy trình ĐBCL được cập nhật chỉnh sửa, bổ sung hằng năm*).

Như vậy, hệ thống ĐBCL của Trường được xây dựng với một nền tảng vững chắc, có sự tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và được vận hành, cải tiến không ngừng, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ cấu tổ chức quản trị của Nhà trường được xây dựng và hoàn thiện theo đúng quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị.

Hội đồng trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định, là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà trường. Hội đồng trường thực hiện chức năng quyết nghị về phương hướng, chiến lược phát triển, ban hành các quy chế, quy định quan trọng, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và hoạt động của Ban Giám hiệu, đảm bảo Nhà trường phát triển đúng định hướng đã đề ra (**1.5.01-Quyết định thành lập Hội đồng trường; 1.5.02-Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường**).

Tổ chức Đảng mà hạt nhân là Đảng ủy Nhà trường giữ vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động. Đảng ủy thực hiện việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thông qua các chủ trương, định hướng lớn, đặc biệt là trong việc xây dựng Chiến lược phát triển Nhà trường. Các Nghị quyết của Đảng ủy là cơ sở chính trị quan trọng để Hội đồng trường và Ban Giám hiệu cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình hành động (**1.5.03 - Các Nghị quyết của Đảng ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị theo từng giai đoạn**).

Bên cạnh đó, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các hội đồng tư vấn (Hội đồng Khoa học, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng...) được thành lập theo quy định, hoạt động hiệu quả, phát huy vai trò tập hợp, đại diện cho quyền lợi của cán bộ, nhà giáo, người lao động, người học, đồng thời tham mưu tích cực cho Ban Giám hiệu trong các lĩnh vực chuyên môn (**1.5.04 - Hồ sơ đại hội các tổ chức đoàn thể; 1.5.05 - Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn của Trường**).

Điểm nổi bật nhất thể hiện vai trò của các tổ chức này là trong quá trình xây dựng và phê duyệt Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Văn kiện này đã được Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, được các hội đồng tư vấn tham gia góp ý sâu rộng và được Hội đồng trường thảo luận, thông qua bằng Nghị quyết (**1.5.06 - Nghị quyết của Hội đồng trường về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường...**). Điều này cho thấy cơ cấu quản trị của Nhà trường đang vận hành một cách đồng bộ, phát huy được trí tuệ tập thể trong việc thiết lập định hướng chiến lược, đảm bảo chiến lược được xây dựng phù hợp và nhất quán với sứ mạng, mục tiêu của Trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2

Mở đầu: Hoạt động đào tạo được xác định là một hoạt động trọng tâm, quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo phải luôn hướng tới việc đạt được mục tiêu đào tạo. Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo để tổ chức thực hiện.

Các hoạt động của trường trong những năm vừa qua được tổ chức theo quy trình chặt chẽ, linh hoạt, phát huy được tính tích cực, chủ động của người học, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng đào tạo một cách toàn diện. Nhà trường luôn chú trọng cung cấp kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cho người học; bổ sung và cập nhật chương trình, giáo trình và đổi mới PPDH đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.

Trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, khoa học, phù hợp với các điều kiện thực tế; đề cao việc ứng dụng CNTT trong quản lý giám sát, đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo tính khách quan, đánh giá đúng năng lực học tập của HSSV, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học/mô đun đào tạo. Đồng thời cũng có những chính sách khuyến khích CBVC nghiên cứu khoa học. Chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất. Hầu hết HSSV của trường đào tạo ra đáp ứng tốt yêu cầu của các doanh nghiệp.

Công tác tuyển sinh, quản lý, dạy và học được Nhà trường thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả, việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế.

*** Những điểm mạnh:**

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh, quản lý quá trình dạy học, kết quả học tập giúp cho công tác quản lý, tra cứu điểm của người học được thuận tiện.

- Kế hoạch, tiến độ đào tạo khoa học, cụ thể cho từng lớp, từng khóa học theo học kỳ, năm học đúng quy định, phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo.

- Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cho từng CTĐT và công bố công khai để người học và xã hội biết.

- Việc thực hiện quy chế tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐ-TBXH, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyển sinh và thí sinh.

- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung CTĐT đã phê duyệt; có sự phối hợp với doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

- Phương pháp đào tạo tích hợp, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm của người học.

- Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, khách quan, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù môn học, ngành nghề và mục tiêu đào tạo. Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định về

kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

- Tổ chức đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

* *Những tồn tại:* Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Nghiên cứu, thu thập lấy ý kiến người học và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để mở thêm phương thức đào tạo phù hợp.

- Tăng cường đổi mới công tác tư vấn hướng nghiệp, quảng bá hình ảnh, hoạt động các ngành/ngành và mở rộng địa bàn tuyển sinh.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16 điểm
Tiêu chuẩn 2.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.7	2 điểm
Tiêu chuẩn 2.8	2 điểm

Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được đặc biệt quan tâm. Hoạt động tuyển sinh được tổ chức dựa trên một hệ thống văn bản được xây dựng đầy đủ, tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế.

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh trên cơ sở cụ thể hóa các quy định trong Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Văn bản này là cơ sở pháp lý cao nhất, quy định các nguyên tắc chung, đối tượng, hình thức và chính sách trong công tác tuyển sinh của Trường (**2.1.01-Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh hằng năm**).

Để triển khai Quy chế, Hội đồng tuyển sinh được thành lập và tiến hành xây dựng Kế hoạch tuyển sinh chi tiết cho từng năm học. Kế hoạch xác định rõ chỉ tiêu cho từng ngành, nghề, thời gian, phương thức tuyển sinh và được Hiệu trưởng phê duyệt. Việc xác định chỉ tiêu được căn cứ vào năng lực đào tạo thực tế của các Khoa chuyên môn

và chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo sự phù hợp giữa quy mô tuyển sinh và chất lượng của các chương trình đào tạo (**2.1.02-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hằng năm; 2.1.03-Kế hoạch tuyển sinh hằng năm**).

Công tác triển khai được thực hiện một cách công khai, minh bạch. Mọi thông tin tuyển sinh đều được thể hiện trong các Thông báo tuyển sinh và được công bố rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử, fanpage của Trường và các phương tiện truyền thông khác, giúp thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin chính xác và đầy đủ (**2.1.04- Các thông báo tuyển sinh hằng năm**).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh một cách nghiêm túc, đảm bảo tính công bằng, khách quan và hiệu quả.

Quy trình tuyển sinh được thực hiện chặt chẽ dưới sự điều hành của Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký. Công tác tiếp nhận hồ sơ được tổ chức linh hoạt qua nhiều hình thức (trực tiếp, trực tuyến, qua bưu điện). Căn cứ vào chỉ tiêu và các tiêu chí đã công bố, Hội đồng tuyển sinh họp, xét duyệt và quyết định điểm chuẩn, danh sách thí sinh trúng tuyển. Toàn bộ quy trình xét tuyển đều được ghi nhận bằng biên bản, đảm bảo tính minh bạch và khách quan (**2.2.01 - Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh hằng năm; 2.2.02 - Các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hằng năm**).

Công tác tuyển sinh của Trường luôn được kiểm tra, giám sát. Sau mỗi mùa tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm. Hoạt động này được thể hiện qua các Biên bản kiểm tra, đánh giá công tác tuyển sinh, trong đó phân tích những mặt làm được, những khó khăn, vướng mắc và đề ra giải pháp khắc phục cho các năm tiếp theo. Việc duy trì hoạt động này cho thấy một cơ chế giám sát và cải tiến đang được vận hành. Kết quả của quá trình tuyển sinh và hoạt động kiểm tra, đánh giá được tổng hợp đầy đủ trong các Báo cáo công tác tuyển sinh để gửi tới cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định. Đến nay, Nhà trường không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến công tác tuyển sinh, khẳng định quy trình được thực hiện nghiêm túc, công bằng và đúng quy chế (**2.2.03 - Hồ sơ kiểm tra, đánh giá công tác tuyển sinh hằng năm; 2.2.04 - Báo cáo công tác tuyển sinh hằng năm**).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thống nhất và nâng cao chất lượng quản lý hoạt động dạy và học, Nhà trường đã xây dựng và ban hành một hệ thống quy chế, quy định đầy đủ, làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức, triển khai và đánh giá toàn bộ quá trình đào tạo.

Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, được xây dựng dựa trên các quy định khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường. Quy chế này quy định chi tiết về việc tổ chức lớp học, kế hoạch giảng dạy, các hình thức kiểm tra, điều kiện dự thi, cách tính điểm, tiêu chuẩn xét tốt nghiệp và được áp dụng thống nhất cho tất cả các ngành, nghề, trình độ đào tạo (2.3.01 - *Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp*).

Về hình thức và phương thức tổ chức đào tạo, Nhà trường triển khai đa dạng các loại hình nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, bao gồm đào tạo chính quy tập trung, đào tạo liên thông và vừa làm vừa học. Việc tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, mô-đun cho phép người học chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn và xây dựng kế hoạch học tập cá nhân (2.3.02 - *Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024; 2024-2025, 2025-2026; 2.3.03 - Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025*).

Về phương pháp đào tạo, Nhà trường luôn khuyến khích giảng viên đổi mới, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Các phương pháp như dạy học theo dự án, dạy học giải quyết vấn đề, tăng cường thảo luận nhóm được áp dụng ngày càng phổ biến. Đặc biệt, Nhà trường chú trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, tăng thời lượng thực hành tại xưởng, phòng thí nghiệm của Trường và tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp. Điều này đảm bảo các phương pháp được áp dụng luôn phù hợp với mục tiêu và nội dung của từng chương trình đào tạo, giúp người học hình thành năng lực nghề nghiệp một cách hiệu quả (1.1.13-Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động; 1.3.07-Báo cáo hệ thống ĐBCL; 1.3.08-Báo cáo tổng kết hằng năm của trường; 1.3.09-Báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa/trung tâm).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo luôn được Trường xác định là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra đã công bố. Nhận thức sâu sắc điều đó, Nhà trường đã xây dựng một quy trình chặt chẽ, khoa học và linh hoạt trong việc lập kế hoạch đào tạo, từ cấp độ toàn khóa đến chi tiết từng năm học, học kỳ và từng lớp học cụ thể.

Hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo đã được ban hành cho từng, nghề (2.4.01 - *Chương trình đào tạo các nghề của Trường và quyết định ban hành*), Phòng Đào tạo giữ vai trò chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các Khoa chuyên môn để xây dựng kế hoạch đào tạo cho các năm học (2.3.02 - *Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*; 2.4.02 - *Kế hoạch đào tạo toàn khóa các nghề trình độ Cao đẳng, Trung cấp tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025*). Quy trình này được thực hiện một cách bài bản: các Khoa dựa trên nguồn lực giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và mục tiêu của từng học phần đề xuất kế hoạch giảng dạy, sau đó Phòng Đào tạo tổng hợp, cân đối và hoàn thiện thành kế hoạch đào tạo tổng thể của toàn trường, trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi năm học mới bắt đầu.

Kế hoạch đào tạo năm học được xây dựng chi tiết, bao gồm tổng số giờ/tín chỉ cho từng môn học, mô-đun; phân bổ rõ ràng thời lượng cho lý thuyết, thực hành tại xưởng và thực tập tại doanh nghiệp; đồng thời xác định thời gian bắt đầu, kết thúc các học kỳ và các kỳ thi. Trên cơ sở kế hoạch năm học đã được duyệt, Phòng Đào tạo tiếp tục cụ thể hóa thành Thời khóa biểu cho từng lớp, từng học kỳ (2.4.03- *Thời khóa biểu các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*). Thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, tối ưu hóa việc sử dụng phòng học, xưởng thực hành và trang thiết bị, đảm bảo tính liên tục và logic của chương trình, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cả giảng viên và người học.

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo được Nhà trường giám sát chặt chẽ. Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn thường xuyên theo dõi tiến độ giảng dạy thông qua sổ lên lớp, hồ sơ giảng dạy của nhà giáo và các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy (2.4.04 - *Sổ lên lớp các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*; 2.4.05 - *Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*; 2.4.06 - *Các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy*; 2.4.07- *Sổ theo dõi tiến độ giảng dạy của các Khoa chuyên môn*). Mọi sự điều chỉnh, thay đổi trong thời khóa biểu (nếu có) đều phải được sự đồng ý của Phòng Đào tạo và thông báo kịp thời đến các bên liên quan, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tiến độ chung và quyền lợi của người học. Kế hoạch thực hành, thực tập tại doanh nghiệp cũng được xây dựng chi tiết, có sự phối hợp đồng bộ

giữa Nhà trường và đơn vị sử dụng lao động, giúp HSSV vận dụng kiến thức lý thuyết vào môi trường làm việc thực tế, qua đó củng cố và hoàn thiện năng lực theo chuẩn đầu ra (**2.4.08** - *Kế hoạch và Lịch thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp cho HSSV các lớp cuối khóa*).

Trường tự đánh giá công tác lập và thực hiện kế hoạch đào tạo của Nhà trường đã đi vào nề nếp, có hiệu quả cao. Các kế hoạch được xây dựng một cách toàn diện, chi tiết và có tính khả thi, đảm bảo 100% các lớp, các khóa học đều có kế hoạch đào tạo cụ thể. Việc thực thi kế hoạch được quản lý và giám sát nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo tiến độ và chất lượng đào tạo, giúp người học tích lũy đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng tốt các yêu cầu của chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn xác định việc tuân thủ nghiêm ngặt chương trình đào tạo và tăng cường kết nối với doanh nghiệp là hai yếu tố then chốt để đảm bảo chất lượng và thực hiện thành công mục tiêu đào tạo. Mọi hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường đều được triển khai một cách có hệ thống, bám sát mục tiêu và nội dung của các CTĐT đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Để đảm bảo tính thống nhất từ chương trình tổng thể đến bài giảng cụ thể, ngay từ đầu năm học, Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các Khoa chuyên môn triển khai việc xây dựng đề cương chi tiết cho từng môn học, mô-đun. Các đề cương này cụ thể hóa mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung lý thuyết, thực hành, phương pháp đánh giá và tài liệu học tập theo từng tuần, từng buổi học, là tài liệu pháp lý để giảng viên soạn giáo án và tổ chức giảng dạy (**2.5.01** - *Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo*). Hoạt động giảng dạy của giảng viên được giám sát chặt chẽ thông qua việc kiểm tra kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp và đặc biệt là hoạt động dự giờ, thăm lớp định kỳ và đột xuất của Ban Giám hiệu, lãnh đạo Phòng Đào tạo và các Trưởng khoa (**2.4.04** - *Sổ lên lớp các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*; **2.4.05** - *Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*; **2.4.06** - *Các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy*). Kết quả của các hoạt động giám sát này là cơ sở để điều chỉnh, rút kinh nghiệm kịp thời, đảm bảo việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng cho người học luôn đi đúng định hướng của CTĐT (**2.5.02** - *Các biên bản sinh hoạt chuyên môn của Trường và của các Khoa hằng năm*).

Song song với việc đảm bảo chất lượng giảng dạy nội bộ, Nhà trường đặc biệt chú trọng đến hoạt động phối hợp với đơn vị sử dụng lao động để tổ chức thực hành, thực tập, xem đây là cầu nối quan trọng giúp HSSV tiếp cận thực tế sản xuất và nâng cao năng lực nghề nghiệp. **(2.5.03 - Hợp đồng hợp tác, biên bản ghi nhớ về đào tạo và tuyển dụng với các doanh nghiệp).**

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch đào tạo, Phòng Đào tạo, Trung tâm tuyển sinh phối hợp với các Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập chi tiết cho các lớp cuối khóa **(2.5.04 - Kế hoạch tổ chức thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026)**. Kế hoạch này không chỉ phân bổ HSSV về các doanh nghiệp phù hợp mà còn quy định rõ về thời gian, mục tiêu, nội dung thực tập và cơ chế phối hợp giữa giảng viên hướng dẫn của trường và cán bộ kỹ thuật tại doanh nghiệp. Trong suốt quá trình thực tập, HSSV được giám sát, hỗ trợ và đánh giá một cách bài bản thông qua nhật ký thực tập, phiếu nhận xét của doanh nghiệp và báo cáo cuối kỳ **(2.5.05 - Danh sách HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp và các biểu mẫu đánh giá kết quả thực tập)**.

Nhà trường tự đánh giá đã triển khai các hoạt động đào tạo một cách nghiêm túc, bài bản, tuân thủ CTĐT đã được phê duyệt. Đồng thời, công tác hợp tác với doanh nghiệp trong việc tổ chức thực tập cho HSSV đã đi vào chiều sâu, có những mô hình đột phá, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra của người học.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhận thức rõ vai trò then chốt của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, Trường đã và đang đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) một cách toàn diện vào công tác quản lý và tổ chức đào tạo, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa nguồn lực và tạo môi trường học tập hiện đại, linh hoạt cho người học.

Về công tác quản lý, Nhà trường đã triển khai và vận hành hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo tập trung. Hệ thống này cho phép số hóa và quản lý đồng bộ các hoạt động cốt lõi như: quản lý hồ sơ người học, xây dựng chương trình đào tạo, xếp thời khóa biểu, quản lý điểm, và tạo lập báo cáo thống kê **(2.6.01 - Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường)**. Đặc biệt, hệ thống này được tích hợp lên website chính thức, xây dựng các ứng dụng cho phép giảng viên và HSSV có thể chủ động, dễ dàng tra cứu thời khóa biểu cá nhân và kết quả học tập một cách nhanh chóng, minh bạch. Việc ứng dụng phần mềm không chỉ giúp giảm tải công việc hành chính, đảm bảo tính chính xác

của dữ liệu mà còn hỗ trợ đắc lực cho việc theo dõi, giám sát tiến độ giảng dạy của các Khoa chuyên môn (**2.4.7 - Sổ theo dõi tiến độ giảng dạy của các Khoa chuyên môn**).

Trong tổ chức đào tạo và hỗ trợ giảng dạy, Nhà trường đã thực hiện một bước tiến vượt bậc khi số hóa 100% giáo trình, tài liệu giảng dạy và xây dựng hệ thống học liệu điện tử. Toàn bộ tài nguyên này được cung cấp miễn phí cho người học, đảm bảo các em có thể truy cập ở bất cứ đâu và bất cứ thời gian nào thông qua cổng thông tin của trường (**2.6.02 - Hệ thống thư viện số và học liệu điện tử của Nhà trường**). Song song đó, Nhà trường đẩy mạnh việc xây dựng các bài giảng điện tử, video clip hướng dẫn thực hành nghề để người học dễ dàng tra cứu, tự học và củng cố kiến thức khi cần thiết, góp phần cá nhân hóa lộ trình học tập (**2.6.03 - Hệ thống bài giảng điện tử và video clip học tập**; **2.6.04 - Các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học**; **2.6.05 - Danh sách MĐ/MH có ứng dụng phần mềm theo từng nghề đào tạo**).

Để đảm bảo năng lực khai thác và vận hành hiệu quả các nền tảng công nghệ, Nhà trường đặc biệt chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực. Hằng năm, trường thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số hoặc cử cán bộ, nhà giáo đi học, tập huấn các khóa học về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng CNTT để từ đó nhân rộng đến toàn bộ cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động trong Trường. Hoạt động này đảm bảo đội ngũ của trường luôn cập nhật được các xu hướng công nghệ mới và có đủ kỹ năng để ứng dụng vào thực tiễn công việc, từ đó phát huy tối đa hiệu quả các khoản đầu tư vào công nghệ (**2.6.06 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo**).

Nhà trường cũng đã chứng tỏ năng lực thích ứng cao trong việc triển khai các hình thức đào tạo linh hoạt. Khi cần thiết, các nội dung lý thuyết được tổ chức giảng dạy hiệu quả thông qua việc sử dụng các ứng dụng đào tạo từ xa phổ biến như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams. Kinh nghiệm này không chỉ giúp Nhà trường duy trì hoạt động đào tạo liên tục trong mọi hoàn cảnh mà còn mở ra hướng tiếp cận mới trong việc kết hợp đào tạo trực tiếp và trực tuyến. Các kênh truyền thông như Website (**2.6.07 - Website chính thức của Trường**) và mạng xã hội (**2.6.08 - Hệ thống các kênh mạng xã hội (Facebook, Zalo) phục vụ đào tạo và truyền thông**) tiếp tục là cầu nối thông tin nhanh chóng, hiệu quả giữa Nhà trường, giảng viên và HSSV.

Trường tự đánh giá: việc ứng dụng CNTT tại Trường đã đi vào chiều sâu, được triển khai một cách toàn diện và thiết thực. Từ việc quản lý thông minh, minh bạch hóa thông tin, đến việc xây dựng kho học liệu số phong phú và làm chủ công nghệ đào tạo từ xa, Nhà trường đã tạo ra một môi trường giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong kỷ nguyên số.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được Nhà trường xác định là một khâu trọng yếu và được duy trì thường niên trong quy trình đảm bảo chất lượng. Hoạt động này được Nhà trường triển khai một cách bài bản, có hệ thống trong suốt năm học, tạo thành một vòng lặp chất lượng khép kín: Kế hoạch - Thực hiện - Báo cáo - Cải tiến.

Hàng năm, ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng và lịch trình kiểm tra chi tiết (2.7.01 - *Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc tổ chức thực hiện giám sát được triển khai đa dạng và hiệu quả. Các hoạt động giám sát trực tiếp, thường xuyên được thực hiện thông qua hoạt động dự giờ, thăm lớp của lãnh đạo các cấp (2.4.06 - *Các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*). Để tăng cường hiệu quả và tính khách quan, Nhà trường đã đầu tư lắp đặt hệ thống camera giám sát tại hầu hết các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành. Hệ thống này không chỉ giúp giám sát liên tục các hoạt động dạy và học mà còn có chức năng quản lý, bảo vệ tài sản chung. Đặc biệt, nhờ hệ thống này, nhiều hoạt động kiểm tra đã không cần phải thực hiện trực tiếp mà chỉ cần thông qua hệ thống camera giám sát, giúp công tác quản lý trở nên linh hoạt và hiệu quả hơn (2.7.05 - *Hệ thống camera giám sát tại các phòng học, xưởng thực hành và quy chế quản lý, sử dụng*).

Bên cạnh các hoạt động giám sát thường xuyên, một hình thức kiểm tra quan trọng được duy trì nền nếp là việc thành lập các tổ/ban kiểm tra, đánh giá hồ sơ giảng dạy của nhà giáo vào cuối mỗi năm học. Hoạt động này được thực hiện nghiêm túc, có quyết định thành lập, biên bản kiểm tra chi tiết và báo cáo tổng hợp đầy đủ (2.7.04 - *Các quyết định thành lập tổ/ban và báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ giảng dạy hàng năm*).

Khi kết thúc các năm học, Nhà trường đều có các báo cáo tổng kết, phân tích kết quả từ tất cả các hoạt động kiểm tra, giám sát (2.7.02 - *Các báo cáo tổng hợp kết quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các năm học 2023-2024, 2024-2025*). Dựa trên các báo cáo này, nhiều biện pháp điều chỉnh kịp thời đã được thực hiện và ghi nhận trong các biên bản họp chuyên môn (2.7.03 - *Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung về việc điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023-2024, 2024-2025*). Đặc biệt, kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy được trình bày công khai tại Hội nghị sinh hoạt nghiệp vụ nhà giáo đầu mỗi năm học mới, làm cơ sở cho

toàn thể nhà giáo tiếp thu, rút kinh nghiệm và cải tiến hoạt động chuyên môn cho năm học tiếp theo

Trường tự đánh giá đã xây dựng và vận hành một cơ chế kiểm tra, giám sát và cải tiến liên tục hoạt động dạy và học một cách bền vững, hiệu quả. Sự kết hợp giữa các phương pháp truyền thống và ứng dụng công nghệ đã tạo ra một hệ thống giám sát đa chiều, toàn diện, đảm bảo việc thực thi kế hoạch đào tạo đi đúng hướng và thúc đẩy một văn hóa chất lượng không ngừng cải tiến trong toàn trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định hoạt động kiểm tra, đánh giá là khâu then chốt để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học, đồng thời là nguồn thông tin phản hồi quan trọng để cải tiến hoạt động giảng dạy. Do đó, một quy trình thiết kế, thực hiện và cải tiến công tác đánh giá đã được xây dựng và vận hành một cách chặt chẽ, khoa học trong năm học.

Hoạt động đánh giá được quy định thống nhất trong toàn trường thông qua Quy chế đào tạo (2.8.01 - Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường), trong đó quy định rõ quy chế về công tác thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập cho người học. Để cụ thể hóa và chuẩn hóa việc thực thi quy chế, Nhà trường đã xây dựng và ban hành một hệ thống các quy trình chi tiết nhằm đảm bảo chất lượng ở mọi khâu. Hệ thống này bao gồm: Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học/mô-đun; Quy trình tổ chức học lại, thi lại; Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; và Quy trình tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp... Các quy trình này quy định rõ từng bước thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân và các biểu mẫu đi kèm, đảm bảo sự thống nhất và minh bạch trong toàn bộ quá trình (2.8.02 - Hệ thống các quy trình BDCL liên quan đến hoạt động đào tạo). Các hình thức, phương pháp đánh giá cho từng môn học, mô-đun được thiết kế phù hợp và quy định rõ trong đề cương chi tiết các MĐ/MH của các nghề Trường đào tạo (2.5.01 - Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo).

Để đảm bảo tính khách quan và công bằng, Nhà trường đã xây dựng và không ngừng cập nhật hệ thống ngân hàng đề thi cho hầu hết các môn học (2.8.03 - Hệ thống ngân hàng câu hỏi, đề thi các môn học, mô-đun). Quy trình ra đề, duyệt đề, sao in và bảo mật đề thi được thực hiện nghiêm ngặt theo đúng quy trình đã ban hành. Các kỳ thi được tổ chức tập trung, nghiêm túc dưới sự giám sát chặt chẽ của Phòng Khảo thí &

Kiểm định chất lượng và các cán bộ coi thi (**2.8.04 - Hồ sơ coi, chấm thi tốt nghiệp các nghề của Trường**).

Đối với việc rà soát, đánh giá và cải tiến: Sau mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí Kiểm định chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo chủ trì, cùng các Khoa chuyên môn tiến hành phân tích, thống kê kết quả học tập của HSSV. Các số liệu này, cùng với ý kiến phản hồi từ giảng viên và người học, được đưa ra thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Khoa và Hội đồng khoa học đào tạo (**2.8.05 - Các biên bản họp xét kết quả học tập, rèn luyện của Hội đồng đào tạo**). Dựa trên các phân tích này, Nhà trường đã thực hiện nhiều cải tiến qua các năm như: điều chỉnh cấu trúc đề thi, bổ sung câu hỏi mới vào ngân hàng đề, thay đổi hình thức thi đối với một số môn học. Toàn bộ hoạt động này được tổng kết trong các báo cáo cuối năm, thể hiện rõ chu trình cải tiến liên tục (**2.3.03 - Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025**).

Trường tự đánh giá đã thiết lập và vận hành hiệu quả một hệ thống đánh giá kết quả học tập của người học, được chuẩn hóa từ quy chế chung đến các quy trình thực hiện chi tiết, đảm bảo tính phù hợp, chính xác, công bằng và khách quan. Hệ thống này luôn được rà soát và cải tiến một cách có hệ thống, dựa trên dữ liệu và minh chứng cụ thể, qua đó không chỉ đánh giá đúng năng lực người học mà còn góp phần tích cực vào việc định hướng và nâng cao chất lượng đào tạo chung.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, Tiêu chí 2: 2 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Mở đầu:

Nhà trường xác định đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động là nguồn lực quý giá nhất, là nhân tố quyết định đến chất lượng và sự phát triển bền vững của Nhà trường. Do đó, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ luôn được quan tâm toàn diện, từ việc ban hành và thực thi các quy trình quản lý khoa học, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, đến việc xây dựng các cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện cho toàn thể đội ngũ không ngừng học hỏi, nâng cao năng lực. Nhà trường đã và đang xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, nơi mỗi cá nhân được tôn trọng, được tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực và cống hiến cho sự nghiệp chung.

**** Những điểm mạnh:***

- Hệ thống quản lý đội ngũ được quy trình hóa, bài bản: Nhà trường đã xây dựng và vận hành một hệ thống quy trình quản lý nhân sự khép kín, từ tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo đến đánh giá, và có cơ chế cải tiến liên tục hàng năm thông qua hệ thống đảm bảo chất lượng chung.

- Chất lượng đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn và có trình độ chuyên môn cao: 100% nhà giáo đạt chuẩn nghiệp vụ, có tỷ lệ trình độ sau đại học cao (trên 50% Thạc sĩ), đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ được chú trọng và thực thi hiệu quả: Nhà trường có chính sách rõ ràng và triển khai hiệu quả việc khuyến khích, tạo điều kiện cho toàn thể đội ngũ (nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức) học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là hoạt động thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ mới.

- Việc tuân thủ quy định chuyên môn được giám sát chặt chẽ: Hoạt động giảng dạy của nhà giáo luôn bám sát chương trình đào tạo và các quy định liên quan, được giám sát và đánh giá thường xuyên, đảm bảo tính thống nhất và chất lượng trong toàn trường.

* *Những tồn tại:* Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Nâng cao tỷ lệ nhà giáo có trình độ Tiến sĩ: Xây dựng chính sách hỗ trợ đặc biệt và lộ trình cụ thể để khuyến khích, cử các nhà giáo có năng lực đi làm nghiên cứu sinh, đáp ứng chiến lược phát triển dài hạn.

- Tăng cường năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế: Tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ chuyên ngành và tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia các hội thảo, khóa học ngắn hạn ở nước ngoài.

- Số hóa công tác quản lý nhân sự: Nâng cấp phần mềm quản lý nhân sự, tích hợp các modul về theo dõi quá trình phát triển cá nhân, đánh giá năng lực và quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

- Mở rộng mạng lưới chuyên gia thỉnh giảng: Tăng cường mời các chuyên gia đầu ngành từ các doanh nghiệp lớn, các viện nghiên cứu tham gia sâu hơn vào quá trình giảng dạy và hướng dẫn dự án cho HSSV.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14 điểm
Tiêu chuẩn 3.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 3.7	2 điểm

Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhận thức được đội ngũ là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo, Trường đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển đội ngũ một cách bài bản và được quản lý chặt chẽ thông qua một hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng đồng bộ. Nhà trường đã xây dựng, ban hành và vận hành hiệu quả các quy trình liên quan đến công tác đội ngũ. Các quy trình này tạo thành một bộ khung pháp lý và chuyên môn hoàn chỉnh, đảm bảo mọi hoạt động được thực hiện một cách nhất quán, minh bạch và hiệu quả (**3.1.01 - Hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo và đánh giá đội ngũ**).

Công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, công bằng. Công tác quy hoạch được thực hiện một cách chiến lược, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Nhà trường, thể hiện qua (**3.1.02 - Đề án vị trí việc làm**). Dựa trên quy hoạch và nhu cầu thực tế, việc đào tạo, bồi dưỡng được triển khai hằng năm. Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng chi tiết và lưu trữ đầy đủ, thể hiện tính liên tục trong 03 năm gần đây (**3.1.03 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLD các năm học 2023, 2024, 2025**), bao gồm cả các chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số (**2.6.06 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo**).

Hoạt động rà soát, đánh giá và cải tiến các quy trình về công tác đội ngũ được Nhà trường thực hiện một cách bài bản, định kỳ hằng năm và được lồng ghép trong quy trình đánh giá hệ thống BĐCL chung. Vào cuối mỗi năm học, kết quả từ việc đánh giá viên chức (**3.1.04 - Hồ sơ và báo cáo tổng kết công tác đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hằng năm**) cùng các báo cáo tổng kết công tác tuyển dụng, đào tạo được tổng hợp, trở thành đầu vào quan trọng cho đợt đánh giá hệ thống BĐCL thường niên. Trong đợt đánh giá này, tính hiệu quả và sự phù hợp của các quy trình được xem xét, phân tích kỹ lưỡng và ghi nhận trong các báo cáo đánh giá hệ thống hằng năm (**3.1.05 - Các báo cáo đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng hằng năm**). Dựa trên kết quả đó, Nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng cho năm học tiếp theo, trong đó có các hạng mục cải tiến cụ thể cho các quy trình về công tác đội ngũ (**3.1.06 - Kế hoạch cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng sau đánh giá hằng năm**). Khi có sự thay đổi lớn, Nhà trường sẽ ban hành các quyết định cập nhật, sửa đổi quy trình để áp dụng cho năm mới (**3.1.07 - Các quy trình liên quan đến công tác nhân sự đã được cải tiến**). Quy trình khép kín này đảm bảo rằng các quy định của Nhà trường không chỉ được áp dụng mà còn luôn được làm mới, cải tiến để nâng cao hiệu quả qua từng năm.

Như vậy, Nhà trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả một chu trình khép kín, được chuẩn hóa bằng các quy trình cụ thể trong công tác quản lý và phát triển đội ngũ.

Việc áp dụng các quy trình đảm bảo chất lượng này không chỉ giúp các hoạt động được triển khai một cách chuyên nghiệp, nhất quán mà còn tạo ra một cơ chế rà soát, cải tiến liên tục, đảm bảo chất lượng đội ngũ không ngừng được nâng cao.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho đội ngũ luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường xem là nhiệm vụ quan trọng, là nền tảng để xây dựng một tập thể đoàn kết, tận tâm và cống hiến. Nhà trường cam kết thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ.

Về việc thực hiện chính sách, chế độ: Mọi chế độ về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ làm việc, nghỉ ngơi... đều được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch. Các nội dung này được thể chế hóa trong các văn bản quan trọng như Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm, được xây dựng dựa trên sự đồng thuận của người lao động (3.2.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm). Phòng Tài chính Kế toán thực hiện chi trả các chế độ cho đội ngũ luôn đảm bảo kịp thời, chính xác, được lưu trữ đầy đủ qua các hồ sơ, chứng từ hằng năm (3.2.02 - Hồ sơ, chứng từ thực hiện các chế độ lương, thưởng, BHXH, BHYT hằng năm). Ngoài các chế độ bắt buộc, Nhà trường còn quan tâm, chăm lo đời sống của đội ngũ thông qua các hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ do Công đoàn tổ chức, góp phần tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết (3.2.03 - Các báo cáo tổng kết công tác Công đoàn hằng năm).

Về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện chức năng nâng cao chất lượng đội ngũ, hằng năm, Nhà trường đều tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng một cách bài bản. Kế hoạch này được xây dựng dựa trên Đề án vị trí việc làm và nhu cầu thực tiễn của các đơn vị, sau đó được tổng hợp và trình Hiệu trưởng (cấp có thẩm quyền tại đơn vị) phê duyệt để triển khai thực hiện. Hoạt động này được thực hiện liên tục và có hệ thống trong suốt 03 năm học gần đây, thể hiện rõ cam kết của Nhà trường trong việc chuẩn hóa và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ (3.1.03 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLD các năm học 2023, 2024, 2025). Kết quả thực hiện kế hoạch được minh chứng rõ qua danh sách cán bộ, nhà giáo, viên chức, người lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng hằng năm với các nội dung đa dạng từ chuyên môn,

ng nghiệp vụ đến các kỹ năng mềm cần thiết (3.2.04 - *Thống kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm*).

Kết quả của việc thực hiện tốt các chính sách và công tác đào tạo được thể hiện rõ qua sự ổn định của đội ngũ và kết quả đánh giá hằng năm, nơi hầu hết viên chức, người lao động đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đây là một điểm mạnh được Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy (3.2.05 - *Báo cáo tổng kết năm công tác 2023, 2024*).

Qua phân tích, có thể thấy Nhà trường không chỉ thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật mà còn có những quy định nội bộ thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến đời sống và sự phát triển của đội ngũ. Việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được thực hiện nghiêm túc, có hệ thống, là minh chứng rõ ràng cho nỗ lực chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý của Nhà trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn xác định chất lượng đội ngũ nhà giáo là nhân tố quyết định hàng đầu đến chất lượng đào tạo. Do đó, công tác xây dựng, phát triển đội ngũ luôn được quan tâm nhằm đảm bảo đội ngũ vừa đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, vừa đạt chuẩn và không ngừng nâng cao về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ.

Về chất lượng đội ngũ: đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Đề án vị trí việc làm của Trường (3.1.02 - *Đề án vị trí việc làm*). Bên cạnh đó, 100% nhà giáo đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định và nhiều nhà giáo còn có các chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, tin học, ngoại ngữ, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy trong bối cảnh mới (3.3.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo toàn trường*; 3.3.02 - *Hồ sơ quản lý nhà giáo nhà trường*).

Về số lượng và cơ cấu: Nhà trường đã ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo để làm cơ sở cho việc phân công và quản lý lao động (3.3.03 - *Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo hằng năm*). Dựa trên Thống kê khối lượng giảng dạy hằng năm (3.3.04 - *Thống kê khối lượng giảng dạy của nhà giáo hằng năm*) và Báo cáo tỷ lệ nhà giáo/HSSV (3.3.05 - *Các quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp các năm học* 3.3.06 - *Bảng quy đổi tỷ lệ nhà giáo/người học*), Nhà trường luôn giám sát và đảm bảo tỷ lệ HSSV/nhà giáo toàn trường cũng như tại các ngành, nghề đào tạo luôn ở mức hợp lý, đáp ứng yêu cầu của quy mô đào tạo và quy định hiện hành (3.3.07 - *Thống kê vượt giờ của nhà giáo hằng năm*). Về cơ cấu, sự phân bổ nhà giáo theo các ngành,

ngành đào tạo là hợp lý, đảm bảo mỗi nhóm ngành đều có nhà giáo trình độ thạc sĩ đúng chuyên ngành (3.3.08 - *Bảng phân công nhà giáo dạy các nghề của Trường*).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc tuân thủ nghiêm ngặt CTĐT và các quy định chuyên môn là trách nhiệm và nghĩa vụ hàng đầu của mỗi nhà giáo, là yếu tố nền tảng để đảm bảo tính thống nhất và chất lượng trong hoạt động giảng dạy. 100% nhà giáo của trường đều thực hiện công tác giảng dạy theo đúng mục tiêu, nội dung và yêu cầu đã được quy định trong CTĐT.

Cơ sở để nhà giáo triển khai bài giảng là hệ thống đề cương chi tiết môn học, mô-đun đã được phê duyệt (2.5.01 - *Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo*). Dựa trên đề cương, nhà giáo xây dựng hồ sơ giảng dạy cá nhân, bao gồm lịch trình giảng dạy, giáo án/bài giảng chi tiết, đảm bảo mỗi nội dung truyền đạt đều bám sát chuẩn đầu ra của môn học và của cả chương trình (2.4.05 - *Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Bên cạnh việc tuân thủ nội dung, nhà giáo còn thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức đào tạo. Việc lên lớp được thực hiện đúng thời khóa biểu, tiến độ giảng dạy được ghi nhận đầy đủ trong sổ lên lớp và được các Khoa chuyên môn giám sát chặt chẽ thông qua (2.4.07 - *Sổ theo dõi tiến độ giảng dạy của các Khoa chuyên môn*). Hoạt động kiểm tra, đánh giá người học được nhà giáo thực hiện theo đúng (2.8.01 - *Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường*).

Hoạt động tuân thủ của nhà giáo được Nhà trường giám sát thường xuyên và có hệ thống. Lãnh đạo các cấp định kỳ dự giờ, thăm lớp (2.5.02 - *Các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*) và kiểm tra hồ sơ giảng dạy (2.7.04 - *Các quyết định thành lập tổ/ban và báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ giảng dạy hằng năm*) để đánh giá, góp ý và hỗ trợ nhà giáo kịp thời. Kết quả của các hoạt động giám sát này, cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của nhà giáo, được tổng hợp và ghi nhận trong các báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị và của toàn trường. Đây là minh chứng cho thấy nhiệm vụ giảng dạy – nhiệm vụ trọng tâm của nhà giáo – đã được hoàn thành tốt, đồng nghĩa với việc các yêu cầu về nội dung, chương trình đã được tuân thủ (2.3.03 - *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025; 1.1.3 - Hồ sơ khảo sát hằng năm*). Hơn nữa, việc thực hiện xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy còn là một trong những tiêu chí quan trọng để xét thi đua, khen thưởng hằng năm (3.4.01 - *Các quyết định thi đua, khen thưởng đối với nhà giáo hằng năm*).

Qua phân tích, có thể khẳng định rằng toàn bộ đội ngũ nhà giáo của Trường đều có ý thức và trách nhiệm cao trong việc giảng dạy theo đúng nội dung, mục tiêu của CTĐT và chấp hành nghiêm túc các quy định chuyên môn. Hoạt động này không chỉ được quản lý, giám sát chặt chẽ mà còn được ghi nhận, đánh giá trong hệ thống tổng kết chung của Nhà trường, tạo thành một cơ chế vận hành đồng bộ, đảm bảo chất lượng đào tạo được duy trì ổn định và thống nhất.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc không ngừng học tập, bồi dưỡng và đổi mới của đội ngũ nhà giáo là động lực cốt lõi để nâng cao chất lượng đào tạo. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và thực thi một hệ thống chính sách, biện pháp đồng bộ nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích nhà giáo tích cực nâng cao trình độ và cải tiến phương pháp giảng dạy.

Về chính sách khuyến khích học tập, bồi dưỡng: Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong đó quy định rõ các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ đi học tập nâng cao trình độ. Cụ thể, các nhà giáo được cử đi học theo quy hoạch sẽ được hỗ trợ kinh phí, được sắp xếp, bố trí thời gian và khối lượng công việc hợp lý để có thể vừa học, vừa làm (**3.2.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm; 3.5.01 - Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức**). Việc thực thi chính sách này được thể hiện rõ qua việc hằng năm Nhà trường đều cử nhiều nhà giáo tham gia các khóa học dài hạn (sau đại học) và ngắn hạn (bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ) theo (**3.1.03 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLĐ các năm học 2023, 2024, 2025**). Danh sách và kết quả học tập của các nhà giáo được cử đi học đều được lưu trữ và báo cáo đầy đủ (**3.2.04 - Thống kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm**).

Về đổi mới phương pháp giảng dạy, Nhà trường có biện pháp thúc đẩy mạnh mẽ thông qua việc tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường hằng năm, tạo ra một diễn đàn chuyên môn để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm (**3.5.02 - Kế hoạch và Báo cáo tổng kết tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường hằng năm**). Chính sách khen thưởng của trường cũng có các tiêu chí rõ ràng để ghi nhận, động viên các cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đổi mới phương pháp giảng dạy (**3.5.03 - Các quyết định khen thưởng nhà giáo có thành tích trong nghiên cứu khoa học và đổi mới phương pháp giảng dạy**).

Về biện pháp khuyến khích: Các chính sách và biện pháp nêu trên không chỉ tồn tại trên văn bản mà còn được triển khai mạnh mẽ trong thực tiễn. Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, Nhà trường đã cử nhiều lượt nhà giáo tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được minh chứng rõ qua danh sách và các quyết định cụ thể (**3.2.04 - Thống kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm**). Phong trào thi đua dạy tốt được thể hiện qua hoạt động Hội giảng cấp trường được tổ chức đều đặn, thu hút sự tham gia của đông đảo nhà giáo. Nhiều nhà giáo sau khi đạt giải cao ở cấp trường đã tiếp tục đạt thành tích tốt tại Hội giảng cấp cao hơn. Công tác khen thưởng cho các nhà giáo có nhiều đổi mới, sáng tạo cũng được thực hiện kịp thời trong các kỳ tổng kết năm học (**3.5.04 – Những hình ảnh nhà giáo tham gia Hội giảng các cấp**). Qua phân tích, có thể khẳng định Nhà trường đã xây dựng được một môi trường khuyến học hiệu quả. Các chính sách hỗ trợ học tập được văn bản hóa rõ ràng và thực thi một cách nhất quán. Các biện pháp thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy được triển khai đa dạng, có sức lan tỏa. Tất cả những điều đó đã tạo động lực mạnh mẽ để mỗi nhà giáo không ngừng nỗ lực tự hoàn thiện, qua đó góp phần trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc duy trì và nâng cao năng lực thực tiễn cho đội ngũ nhà giáo, đảm bảo kiến thức và kỹ năng của nhà giáo luôn bắt kịp với sự phát triển của công nghệ và yêu cầu sản xuất là một nhiệm vụ tối quan trọng. Hoạt động cử nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng và đặc biệt là thực tập tại doanh nghiệp được duy trì nền nếp, có kế hoạch và chính sách hỗ trợ rõ ràng.

Cơ sở để triển khai hoạt động này là Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm (**3.1.03 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLĐ các năm học 2023, 2024, 2025**), trong đó luôn có hạng mục dành cho việc cử nhà giáo đi thực tế tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Nhà trường đã xây dựng Quy định về việc cử nhà giáo đi thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp, trong đó nêu rõ mục tiêu, quyền lợi, trách nhiệm của nhà giáo và cơ chế hỗ trợ của Nhà trường (**3.6.01 - Quy định về việc cử nhà giáo đi thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp**).

Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch, các Khoa chuyên môn đề xuất danh sách nhà giáo đi thực tập tại các doanh nghiệp đối tác, phù hợp với chuyên ngành giảng dạy. Hoạt

động này được triển khai đều đặn và được minh chứng rõ qua các quyết định cử đi thực tế trong 03 năm học gần đây (**3.6.02 - Các quyết định cử nhà giáo đi thực tập, thực tế tại doanh nghiệp hằng năm**). Qua các đợt thực tập này, nhà giáo có cơ hội được tiếp cận trực tiếp với các công nghệ mới, quy trình sản xuất hiện đại và nâng cao kỹ năng thực hành, từ đó tích lũy kinh nghiệm quý báu để cập nhật, làm phong phú thêm nội dung bài giảng. Đội ngũ nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất và rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bằng các hình thức sau:

- Cử nhà giáo đến doanh nghiệp thực hành, thực tập;
- Cử nhà giáo thực hiện các hợp đồng liên kết tại doanh nghiệp;
- Cử nhà giáo đi tham quan, học hỏi kinh nghiệm tại doanh nghiệp, đơn vị bạn;
- Cử nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp kết hợp quản lý HSSV thực tập sản xuất.

Sau mỗi đợt đi thực tế, nhà giáo đều có trách nhiệm viết báo cáo thu hoạch, tổng kết lại những kiến thức, kỹ năng đã học hỏi được. Các báo cáo này được chia sẻ trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa, tạo sự lan tỏa và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong đội ngũ. Quan trọng hơn, những kiến thức mới này là cơ sở để nhà giáo đề xuất cải tiến nội dung chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, đảm bảo việc đào tạo luôn gắn liền với thực tiễn (**3.6.03 - Báo cáo kết quả và hình ảnh của nhà giáo sau các đợt đi thực tập tại doanh nghiệp**).

Qua phân tích, có thể khẳng định Nhà trường đã có cơ chế và triển khai hiệu quả hoạt động bồi dưỡng, thực tập định kỳ cho nhà giáo tại doanh nghiệp. Hoạt động này không chỉ giúp cá nhân nhà giáo nâng cao năng lực mà còn là một kênh quan trọng để cập nhật, đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo, qua đó góp phần nâng cao chất lượng và khả năng đáp ứng thị trường lao động của HSSV sau khi tốt nghiệp.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), viên chức và người lao động (VC-NLĐ) là lực lượng nòng cốt, đóng vai trò quan trọng trong việc vận hành và đảm bảo các hoạt động của Nhà trường diễn ra hiệu quả, đồng bộ. Do đó, công tác xây dựng đội ngũ này luôn được chú trọng cả về số lượng, chất lượng và công tác bồi dưỡng định kỳ.

Về đội ngũ cán bộ quản lý: 100% CBQL của Trường đều có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Quyền hạn và trách nhiệm của từng vị trí quản lý được quy định rõ ràng trong Quy chế tổ chức và hoạt động và Bản mô tả vị trí việc làm của Nhà trường (**3.7.01 - Sơ đồ cơ cấu tổ chức, 1.2.05 - Các quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường; 3.1.02 - Đề án vị trí việc làm**). Việc thực thi nhiệm vụ của CBQL được thể hiện qua kết quả hoạt động của các đơn vị, được tổng hợp trong các báo cáo tổng kết hằng năm, cho thấy các đơn vị đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**3.7.02 - Báo cáo tổng kết công tác hằng năm của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm**).

Về đội ngũ viên chức, người lao động: Số lượng VC-NLĐ của Nhà trường được bố trí đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc của các đơn vị. Năng lực chuyên môn của đội ngũ được đảm bảo thông qua quy trình tuyển dụng chặt chẽ và được khẳng định qua kết quả đánh giá, phân loại hằng năm, trong đó đa số VC-NLĐ đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (**3.1.04 - Hồ sơ và báo cáo tổng kết công tác đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hằng năm**).

Về công tác bồi dưỡng định kỳ: Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường triển khai cho toàn thể đội ngũ, không phân biệt là nhà giáo, CBQL hay VC-NLĐ. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm (**3.1.03 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLĐ các năm học 2023, 2024, 2025**) luôn bao gồm các nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng vị trí việc làm. Việc thực hiện kế hoạch được minh chứng qua danh sách CBQL, VC-NLĐ được cử đi học các lớp bồi dưỡng về quản lý, chuyên môn, kỹ năng mềm, chuyển đổi số... (**3.2.04 - Thống kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm; 2.6.06 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo;**).

Qua phân tích, có thể khẳng định đội ngũ CBQL, VC-NLĐ của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu của tiêu chuẩn. Đội ngũ CBQL đạt chuẩn, thực hiện đúng chức trách. Đội ngũ VC-NLĐ đủ về số lượng, đảm bảo về năng lực. Toàn thể đội ngũ đều được quan tâm, tạo điều kiện để bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ một cách định kỳ, góp phần vào sự vận hành hiệu quả và chuyên nghiệp của Nhà trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 3: 2 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, GIÁO TRÌNH

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Mở đầu:

Nhà trường xác định chương trình đào tạo (CTĐT) và giáo trình là hai yếu tố học thuật cốt lõi, định hình toàn bộ quá trình và chất lượng đào tạo. Nhận thức được điều đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một hệ thống quản lý khoa học, đồng bộ đối với vòng đời của CTĐT và giáo trình. Toàn bộ các khâu từ xây dựng mới, thẩm định, ban hành, cho đến rà soát, cập nhật định kỳ đều được chuẩn hóa bằng các quy trình đảm bảo chất lượng cụ thể, với sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan, nhằm đảm bảo nội dung đào tạo luôn có tính cập nhật, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra đã cam kết.

** Những điểm mạnh:*

- Nhà trường đã ban hành và áp dụng hiệu quả một hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng để quản lý toàn diện vòng đời của cả chương trình đào tạo và giáo trình, từ khâu xây dựng mới đến khâu chỉnh sửa, bổ sung.

- Quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT, giáo trình luôn có sự tham gia tích cực và thực chất của các đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu HSSV và các bên liên quan thông qua các hoạt động khảo sát, hội thảo và tham gia hội đồng thẩm định.

- 100% các ngành, nghề được cấp phép đều có CTĐT và chuẩn đầu ra (CĐR) được ban hành đầy đủ. Các CĐR này vừa tuân thủ Khung trình độ quốc gia, vừa được công bố công khai trên website, thể hiện trách nhiệm giải trình của Nhà trường.

- Nhà trường duy trì nền nếp việc rà soát, cập nhật CTĐT và giáo trình một cách định kỳ. Hoạt động này đảm bảo nội dung đào tạo luôn song hành, đáp ứng kịp thời sự thay đổi của quy định nhà nước và yêu cầu từ thị trường lao động.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phát triển học liệu số: Đẩy mạnh việc biên soạn và đưa vào sử dụng các loại học liệu mới như bài giảng điện tử, video mô phỏng, sách điện tử (e-book) để đa dạng hóa nguồn tài nguyên học tập cho HSSV.
- Tăng cường tham khảo các chương trình quốc tế: Chủ động nghiên cứu, đối sánh các CTĐT của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới để học hỏi, cập nhật và thí điểm áp dụng các nội dung, phương pháp đào tạo hiện đại.
- Tối ưu hóa quy trình lấy ý kiến phản hồi: Ứng dụng công nghệ để rút ngắn thời gian và tăng hiệu quả của việc thu thập, phân tích ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, giúp quá trình cập nhật CTĐT và giáo trình diễn ra nhanh chóng hơn.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	14 điểm
Tiêu chuẩn 4.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 4.7	2 điểm

Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định CTĐT là xương sống của hoạt động đào tạo, do đó, công tác quản lý vòng đời của CTĐT được thực hiện chặt chẽ thông qua một hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng (BĐCL) bài bản, với sự tham gia tích cực của các bên liên quan, đặc biệt là đơn vị sử dụng lao động.

Về việc ban hành và áp dụng quy trình: Nhà trường đã ban hành và áp dụng hệ thống quy trình để quản lý việc xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa và bổ sung chương trình đào tạo. Các quy trình được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cập nhật nhằm đáp ứng sự thay đổi giữa thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH và TT 01/2024-BLĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình (**4.1.01 - Hệ thống quy trình về quản lý chương trình đào tạo**). 100% các CTĐT hiện hành của Nhà trường đều được xây dựng và rà soát theo đúng các quy trình này, được minh chứng qua hồ sơ lưu trữ của từng chương trình qua các năm (**4.1.02 - Hồ sơ xây dựng và chỉnh sửa các chương trình đào tạo các năm**).

Về sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo: Một yêu cầu bắt buộc trong cả hai quy trình QT01 và QT03 là phải có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động. Hằng năm, khi xây dựng mới hoặc cập nhật CTĐT, Nhà trường đều tổ chức các buổi hội thảo hoặc gửi phiếu khảo sát để lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp đối tác về chuẩn đầu ra và nội dung CTĐT (**4.1.03 - Các biên bản hội thảo, phiếu khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo hằng năm**). Thành phần Hội đồng thẩm định CTĐT của

trường luôn có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm từ các doanh nghiệp, đảm bảo CTĐT sau khi ban hành có tính ứng dụng cao, đáp ứng sát với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (**4.1.04 - Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có thành phần là đại diện doanh nghiệp**).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Hoạt động đào tạo của trường được triển khai trên cơ sở các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (GDNN) do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp. (**4.2.01 - Hệ thống các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường**).

Căn cứ trên các GCN này, Nhà trường đã tiến hành xây dựng, thẩm định và ban hành đầy đủ 100% chương trình đào tạo (CTĐT) tương ứng với các ngành, nghề được cấp phép ở các trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Mỗi CTĐT được ban hành đều đi kèm với chuẩn đầu ra (CĐR) chi tiết, mô tả rõ ràng những kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp. (**2.4.01 - Chương trình đào tạo các nghề của Trường và quyết định ban hành; 4.2.02 - Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành nghề đào tạo của Trường; 4.2.03 - Cổng thông tin điện tử của Nhà trường có công khai chuẩn đầu ra**).

Qua phân tích và đối chiếu, có thể khẳng định Nhà trường đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm pháp lý và học thuật trong việc ban hành CTĐT. Có sự đối khớp hoàn toàn giữa danh mục ngành, nghề được cấp phép trong các GCN và hệ thống CTĐT, CĐR đã được ban hành và công khai. Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc xây CĐR không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là cam kết về chất lượng đối với người học và xã hội. Do đó, CĐR của tất cả các CTĐT đều

được xây dựng một cách khoa học, đảm bảo tuân thủ các quy định và đáp ứng tốt các yêu cầu thực tiễn.

Về sự phù hợp của CĐR với Khung trình độ quốc gia và mục tiêu giáo dục nghề nghiệp: Khi xây dựng CTĐT theo quy trình (**4.1.01 - Hệ thống quy trình về quản lý chương trình đào tạo**), Nhà trường luôn bám sát các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. CĐR của các chương trình trình độ Cao đẳng được thiết kế tương ứng với Bậc 5, trình độ Trung cấp tương ứng với Bậc 4, trình độ sơ cấp tương ứng với Bậc 1 đến 3. Điều này đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có được năng lực phù hợp với bậc trình độ đào tạo, đáp ứng mục tiêu chung của giáo dục nghề nghiệp (**4.3.01 - Bảng đối chiếu chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam**).

Về sự phù hợp với yêu cầu ngành, nghề và tính công khai: Để đảm bảo CĐR luôn phù hợp với yêu cầu thực tế, Nhà trường đã thực hiện việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan một cách có hệ thống thông qua các hoạt động khảo sát định kỳ (**1.1.13 Hồ sơ khảo sát hằng năm**). Kết quả từ các cuộc khảo sát này là cơ sở quan trọng để Nhà trường xây dựng và cải tiến CĐR. Sau khi hoàn thiện, CĐR của tất cả các ngành, nghề đào tạo được ban hành chính thức thông qua các quyết định của Hiệu trưởng (**4.2.02 - Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành nghề đào tạo của Trường**). Toàn bộ CĐR sau khi ban hành đều được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, giúp người học, phụ huynh và xã hội dễ dàng tiếp cận, giám sát (**4.2.03 - Cổng thông tin điện tử của Nhà trường có công khai chuẩn đầu ra**).

Có thể khẳng định, chuẩn đầu ra của tất cả các chương trình đào tạo tại trường được xây dựng bài bản, đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn. Việc xây dựng CĐR tuân thủ nghiêm ngặt Khung trình độ quốc gia, được cải tiến liên tục dựa trên ý kiến đa chiều từ các bên liên quan, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ với thực tiễn. Toàn bộ CĐR đều được ban hành chính thức và công khai minh bạch, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Nhà trường về chất lượng và trách nhiệm giải trình với xã hội.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc rà soát, cập nhật và cải tiến CTĐT là một hoạt động bắt buộc và định kỳ, nhằm đảm bảo nội dung đào tạo luôn phù hợp với sự thay đổi của công nghệ, yêu cầu của thị trường lao động và các quy định của Nhà nước.

Hoạt động này được Trường thực hiện một cách có hệ thống theo **(4.1.01 - Hệ thống quy trình về quản lý chương trình đào tạo)**. Theo quy định, các CTĐT của trường phải được rà soát, đánh giá lại ít nhất 1 lần trong vòng 3 năm. Nhà trường đã tuân thủ nghiêm ngặt, thậm chí thực hiện với tần suất cao hơn, thể hiện qua các đợt rà soát, cập nhật và ban hành lại CTĐT **(4.4.01 - Các chương trình đào tạo đã ban hành)**.

Quá trình rà soát, cập nhật luôn có sự tham gia đóng góp ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, nhà giáo thông qua các hoạt động khảo sát, hội thảo **(4.1.03 - Các biên bản hội thảo, phiếu khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo hằng năm; 4.1.02 - Hồ sơ xây dựng và chỉnh sửa các chương trình đào tạo các năm)**, đảm bảo các CTĐT sau khi cải tiến luôn bám sát thực tiễn.

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập và vận hành một cơ chế rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT một cách hiệu quả và định kỳ. Việc cập nhật CTĐT không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thời gian mà còn chủ động điều chỉnh theo các quy định mới và yêu cầu từ thị trường lao động, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định giáo trình là học liệu cốt lõi, có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học. Do đó, công tác quản lý vòng đời của giáo trình, từ biên soạn mới đến cập nhật, bổ sung, được thực hiện một cách nghiêm túc, chặt chẽ thông qua một hệ thống quy trình BDCL bài bản.

Về việc ban hành và áp dụng quy trình: Nhà trường đã ban hành và áp dụng hệ thống quy trình để quản lý việc xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa và bổ sung giáo trình đào tạo. **(4.5.01 - Hệ thống quy trình về quản lý giáo trình đào tạo)**.

Về sự tham gia của chuyên gia và các bên liên quan trong quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo: Các quy trình của Nhà trường quy định rất rõ về tiêu chuẩn của nhân sự tham gia vào quá trình biên soạn và thẩm định giáo trình.

Hội đồng thẩm định được thành lập với số lượng thành viên là số lẻ, bao gồm các chuyên gia, nhà quản lý có kinh nghiệm trong và ngoài trường. Đối với tất cả các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp của Trường, các giáo trình được biên soạn đều có những thành phần như sau:

- **Tổ/nhóm biên soạn giáo trình:** Do Hiệu trưởng quyết định thành lập, bao gồm các nhà giáo có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm giảng dạy trong ngành, nghề cần biên soạn và có kinh nghiệm thực tế về biên soạn giáo trình.

- **Hội đồng thẩm định giáo trình:** Có số lượng thành viên là số lẻ, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên là nhà giáo, chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm. Các thành viên phải có trình độ đại học trở lên và ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn (Trong đó có 01 nhà giáo chuyên ngành thuộc cơ sở GDNN khác và 01 người là đại diện đơn vị sử dụng lao động có liên quan đến nghề).

Việc tuân thủ các quy định này đảm bảo rằng quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình luôn có sự tham gia của các chuyên gia, nhà quản lý giàu kinh nghiệm, giúp cho giáo trình có chất lượng chuyên môn cao và phù hợp với thực tiễn. Hoạt động này được minh chứng qua các quyết định và hồ sơ làm việc qua các năm (**4.5.02 - Các quyết định thành lập Tổ biên soạn giáo trình đào tạo các năm; 4.5.03 - Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình các năm; 4.5.04 - Hồ sơ biên soạn, thẩm định giáo trình của các ngành, nghề**).

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập và vận hành một cơ chế quản lý giáo trình chặt chẽ, được chuẩn hóa bằng các quy trình BDCL cụ thể. Việc quy định rõ tiêu chuẩn và thành phần tham gia biên soạn, thẩm định, có sự tham gia của các bên liên quan, đã đảm bảo mỗi giáo trình được ban hành đều có chất lượng cao, đáp ứng tốt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định giáo trình là học liệu cốt lõi, là công cụ chính để nhà giáo và HSSV triển khai hoạt động dạy và học theo đúng CTĐT. Do đó, Nhà trường đảm bảo ban hành đầy đủ và quản lý chặt chẽ chất lượng của hệ thống giáo trình.

Về việc ban hành đầy đủ giáo trình: Căn cứ vào các CTĐT đã được phê duyệt, Nhà trường đã tổ chức biên soạn và ban hành đầy đủ giáo trình cho 100% MĐ/MH. Việc này được thực hiện một cách có hệ thống, tương ứng với các đợt cập nhật, ban hành CTĐT qua các năm, đảm bảo không có MĐ/MH nào trong CTĐT mà không có giáo trình chính thức đi kèm (**4.6.01 - Các quyết định ban hành giáo trình MĐ/MH của từng chương trình đào tạo các năm; 4.6.02 - Danh mục giáo trình MĐ/MH theo chương trình đào tạo ban hành các năm; 4.6.03 - Hệ thống giáo trình của từng chương trình đào tạo các năm**).

Về sự phù hợp của giáo trình: Mỗi giáo trình được biên soạn đều bám sát và cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng đã được quy định trong đề cương chi tiết của MĐ/MH và chuẩn đầu ra của CTĐT (**2.5.01 - Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo; 4.2.02 - Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành nghề đào tạo của Trường**). Cấu trúc giáo trình thường bao gồm cả phần lý thuyết và hướng dẫn thực hành, được thiết kế để phù hợp với các phương pháp dạy học tích cực mà Nhà trường đang khuyến khích áp dụng. Để đảm bảo và kiểm chứng sự phù hợp này, Nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các đợt khảo sát hằng năm. Kết quả khảo sát từ nhà giáo, HSSV và đơn vị sử dụng lao động là nguồn thông tin quan trọng giúp Nhà trường đánh giá mức độ đáp ứng của giáo trình so với yêu cầu giảng dạy, học tập và thực tiễn sản xuất (**1.1.3 - Hồ sơ khảo sát hằng năm**).

Có thể khẳng định, Nhà trường đã thực hiện tốt việc trang bị đầy đủ giáo trình cho tất cả các MĐ/MH thuộc CTĐT. Quan trọng hơn, Nhà trường đã có cơ chế để đảm bảo nội dung giáo trình luôn bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra và phù hợp với phương pháp giảng dạy, thông qua việc đối chiếu với CTĐT và thu thập ý kiến phản hồi định kỳ, qua đó góp phần đảm bảo chất lượng và tính thống nhất trong hoạt động đào tạo.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc rà soát, cập nhật giáo trình là một hoạt động tất yếu, song hành cùng với quá trình cải tiến CTĐT. Hoạt động này đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán giữa mục tiêu, nội dung của CTĐT và học liệu giảng dạy chính thức, giúp nhà giáo và HSSV luôn tiếp cận được những kiến thức, kỹ năng phù hợp nhất.

Cơ sở để thực hiện hoạt động này là hệ thống các quy trình BDCL liên quan đến biên soạn, chỉnh sửa giáo trình đào tạo (**4.5.01 - Hệ thống quy trình về quản lý giáo trình đào tạo**). Quy trình quy định rõ, khi có sự thay đổi trong CTĐT, các giáo trình liên quan phải được rà soát và cập nhật tương ứng.

Trên thực tế, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc hoạt động này. Nhà trường đều đồng thời triển khai quy trình rà soát và cập nhật lại hệ thống giáo trình. Các tổ/nhóm biên soạn và Hội đồng thẩm định được thành lập để đối chiếu nội dung giáo trình cũ với CTĐT mới, từ đó đưa ra các điều chỉnh, bổ sung cần thiết. Kết quả là các bộ giáo trình mới, phù hợp với CTĐT cải tiến đã được ban hành và đưa vào sử dụng kịp thời (**4.6.01 - Các quyết định ban hành giáo trình MĐ/MH của từng chương trình đào tạo các năm**).

Như vậy, Nhà trường cho thấy việc rà soát và cập nhật giáo trình được thực hiện một cách nghiêm túc và định kỳ. Việc rà soát và cập nhật giáo trình không chỉ là hoạt động mang tính tuân thủ mà đã trở thành một mắt xích quan trọng, đảm bảo nội dung học liệu luôn song hành và phục vụ hiệu quả cho chương trình đào tạo sau mỗi lần cải tiến..

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 4: 2 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Mở đầu:

Nhà trường xác định cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu là ba trụ cột nền tảng, tạo nên điều kiện vật chất cốt lõi để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức được điều đó, Nhà trường đã đầu tư một cách bài bản, đồng bộ và có chiến lược vào việc xây dựng, quản lý và vận hành toàn bộ hệ thống này. Công tác quản lý được chuẩn hóa bằng một hệ thống quy chế, quy trình chặt chẽ, đảm bảo mọi nguồn lực được khai thác hiệu quả, an toàn và luôn hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu và sinh hoạt của cán bộ,

**** Những điểm mạnh:***

- Nhà trường đã ban hành và áp dụng hiệu quả một hệ thống các quy chế, quy trình để quản lý một cách chuyên nghiệp và đồng bộ toàn bộ cơ sở vật chất, từ thiết bị, phòng học, xưởng thực hành đến nguyên, nhiên, vật liệu.

- Nhà trường có đầy đủ các khu chức năng từ khu hiệu bộ, giảng đường, xưởng thực hành đến khu liên hợp thể thao, ký túc xá. Các công trình được đầu tư bài bản, đáp ứng tốt yêu cầu về quy mô đào tạo và đảm bảo môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp.

- Nhà trường triển khai một cách nghiêm túc và có hệ thống các biện pháp đảm bảo an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường, từ việc huấn luyện an toàn lao động, PCCC, khám sức khỏe định kỳ. Các chính sách về bình đẳng giới và hỗ trợ người khuyết tật cũng được quan tâm thực hiện.

- Trang thiết bị đào tạo đầy đủ, hiện đại và được quản lý hiệu quả: Thiết bị đào tạo của trường đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình đào tạo, thường xuyên được cập nhật, bảo trì, bảo dưỡng. Việc quản lý, bố trí thiết bị khoa học, an toàn đã tạo ra một môi trường thực hành lý tưởng, được người dạy và người học đánh giá cao.

- Thư viện được đầu tư xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, có đầy đủ các khu chức năng và nguồn học liệu phong phú. Việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản lý và vận hành đã giúp thư viện trở thành trung tâm học liệu hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu.

** Những tồn tại:*

- Một số thiết bị phụ vụ đào tạo nghề qua nhiều năm sử dụng đã cũ, cần nhiều kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung các trang thiết bị hiện đại, công nghệ cao tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, đặc biệt là các thiết bị mô phỏng, tự động hóa để HSSV được tiếp cận với công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Nâng cấp và triển khai phần mềm quản lý tài sản tập trung, tích hợp mã QR code để số hóa hoàn toàn công tác kiểm kê, theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Tăng cường mua quyền truy cập các cơ sở dữ liệu, tạp chí khoa học trực tuyến trong và ngoài nước; xây dựng quan hệ đối tác với thư viện các trường đại học, viện nghiên cứu để chia sẻ và làm phong phú thêm nguồn học liệu.

- Cải tạo một phần không gian thư viện hoặc các khu vực chung thành không gian mở, linh hoạt, được trang bị công nghệ, khuyến khích HSSV học tập theo nhóm, nghiên cứu và sáng tạo.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14 điểm
Tiêu chuẩn 5.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.5	0 điểm
Tiêu chuẩn 5.6	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.7	2 điểm
Tiêu chuẩn 5.8	2 điểm

Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc quản lý và vận hành hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị là yếu tố nền tảng để đảm bảo chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục

vụ người học. Để thực hiện tốt công tác này, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng một hệ thống văn bản quản lý đồng bộ, từ quy chế chung đến các quy trình vận hành chi tiết.

Cơ sở pháp lý cao nhất cho hoạt động này là Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Quy chế này quy định rõ nguyên tắc chung, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ tài sản, thiết bị của Nhà trường (**5.1.01 - Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công**).

Để cụ thể hóa quy chế, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào áp dụng một hệ thống các quy trình quản lý chi tiết (**5.1.02 - Hệ thống các quy trình về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị**). Hệ thống các quy trình này đã được phổ biến và áp dụng nhất quán tại các đơn vị liên quan. Việc thực hiện được ghi nhận qua các loại sổ sách, biên bản theo dõi, kiểm kê và kế hoạch bảo trì hằng năm (**5.1.03 - Hồ sơ, sổ sách theo dõi, quản lý và bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị hằng năm**).

Có thể khẳng định, Nhà trường đã thiết lập và vận hành một cơ chế quản lý cơ sở vật chất, thiết bị một cách bài bản và có hệ thống. Việc chuẩn hóa công tác quản lý từ quy chế chung đến các quy trình vận hành cụ thể đã giúp Nhà trường khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có, đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng về đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác, qua đó góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của Nhà trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường sở hữu một hệ thống cơ sở vật chất khang trang, được quy hoạch tổng thể một cách khoa học, phù hợp với chiến lược phát triển và chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, đồng thời luôn chú trọng đến yếu tố cảnh quan, môi trường.

Về quy hoạch tổng thể: (**5.2.01 - Sơ đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng của trường; 5.2.02 - Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**).

Tất cả các khối công trình, vật kiến trúc chính nêu trên đều được thiết kế, bố trí và xây dựng theo đúng theo tiêu chuẩn quy định, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu và quy mô đào tạo của trường thời điểm hiện tại và tương lai (**5.2.03 - Bộ hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường; 5.2.04 - Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường; 5.2.05 - Hình ảnh các khối công trình của Trường**).

Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: Nhà trường đã đầu tư xây dựng một hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại. (**5.2.06 - Sơ đồ hệ thống giao thông nội bộ của trường**).

Hệ thống điện tại các cơ sở với các trạm biến áp có công suất 400- 500KVA đảm bảo việc phân phối, truyền tải và tiêu thụ điện năng ổn định. Ngoài ra còn được trang bị máy phát điện có công suất đủ lớn sẵn sàng hoạt động để cung cấp điện khi có sự cố mất điện lưới xảy ra. Các vị trí được cấp điện đều được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn và bố trí hợp lý tránh được tổn thất và lãng phí điện năng (5.2.07 - *Sơ đồ hệ thống điện trong trường*).

100% các cơ sở đều được trang bị hệ thống điện, nước ổn định; hệ thống mạng internet cáp quang và wifi phủ sóng rộng rãi, đáp ứng tốt nhu cầu làm việc, giảng dạy, học tập và sinh hoạt (5.2.08 - *Hồ sơ, hợp đồng cung cấp điện, nước, internet*).

Bên cạnh đó, công tác xây dựng môi trường bền vững luôn được chú trọng. Các khuôn viên của trường đều được trồng nhiều cây xanh, thảm cỏ, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa. Phong trào vệ sinh môi trường được duy trì nền nếp, đảm bảo cảnh quan luôn xanh, sạch, đẹp (5.2.09 - *Hình ảnh về khuôn viên, cây xanh và các hoạt động bảo vệ môi trường*; 5.2.10 - *Thông báo một số qui định chung về phân chia ranh giới hành chính các khu vực, phòng làm việc, phòng ở và quản lý tài sản của các đơn vị trong trường*; 5.2.11 - *Kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ các quý*).

Các phòng học, nhà xưởng, kho tàng đều có hệ thống thông gió và được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo qui định an toàn PCCC. Những vị trí quan trọng đều được trang bị hệ thống bơm và vòi rồng có công suất lớn đảm bảo công tác phòng và chữa cháy kịp thời (5.2.12 - *Sơ đồ và kế hoạch PCCC đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt*).

Như vậy, Nhà trường đã chứng minh được một quy hoạch tổng thể hợp lý, với sự phân chia công năng rõ ràng và phù hợp cho từng cơ sở. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đảm bảo, cùng với việc duy trì một không gian sư phạm xanh, sạch, đẹp đã đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn, phục vụ hiệu quả cho mọi hoạt động của Nhà trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã đầu tư xây dựng một hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, được phân bổ và sử dụng hợp lý theo từng khu chức năng. Việc đầu tư này không chỉ đáp ứng yêu cầu về quy mô, trình độ đào tạo mà còn tạo ra một môi trường

làm việc, học tập và sinh hoạt tiện nghi, an toàn, đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Về sự đầy đủ và phù hợp công năng của các khu chức năng: Nhà trường có đầy đủ các khu chức năng cần thiết, được thể hiện rõ qua (5.3.01- *Bản vẽ hoàn công hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình*; (5.3.02 - *Sơ đồ bố trí phòng họp, phòng làm việc, phòng học tập, xưởng thực hành các khu vực của Trường*).

Về sự phù hợp của cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo: Nhà trường đảm bảo trang thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình đào tạo thông qua việc thực hiện đối sánh định kỳ giữa danh mục thiết bị hiện có với yêu cầu về thiết bị tối thiểu của từng ngành, nghề (5.3.03- *Bảng danh mục và Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo*). Sự phù hợp này được khẳng định mạnh mẽ qua kết quả khảo sát các bên liên quan (1.1.13 - *Hồ sơ khảo sát hằng năm*).

Về yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường: Nhà trường luôn chú trọng đảm bảo các yêu cầu về an toàn và môi trường sư phạm. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ cho thấy các chỉ số về vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi và khí độc tại khu vực làm việc, học tập đều nằm trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn của Bộ Y tế.

Như vậy, Nhà trường đã chứng minh được một quần thể cơ sở vật chất hoàn chỉnh và được sử dụng đúng công năng. Thiết bị đào tạo không chỉ đầy đủ mà còn được người dạy và người học đánh giá là phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu chuyên môn. Các điều kiện về công nghệ, an toàn và bảo vệ môi trường luôn được đảm bảo, đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để xây dựng một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện, Nhà trường đã xác định và triển khai toàn diện các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp dựa trên các quy định của pháp luật, đặc biệt là Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường và Thông tư số 38/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Về Môi trường: Nhà trường đã ban hành các quy định và triển khai nhiều biện pháp để đảm bảo môi trường tự nhiên xanh, sạch, đẹp. Công tác vệ sinh, trồng và chăm sóc cây xanh, thu gom rác thải được thực hiện thường xuyên (5.4.01 - *Hợp đồng thu*

gom rác thải; **5.4.02** - Báo cáo công tác vệ sinh môi trường hằng tháng). Hoạt động quan trắc môi trường được thực hiện định kỳ để kiểm soát các yếu tố vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, bụi... đảm bảo các chỉ số luôn nằm trong giới hạn cho phép, tạo môi trường học tập và làm việc an toàn

Về An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp:

An ninh trật tự, an toàn chung: Công tác đảm bảo an ninh trật tự trong trường học có sự phối hợp chặt chẽ với công an trên địa bàn. Ngoài ra, Đoàn thanh niên Nhà trường thường xuyên có những hoạt động thanh niên xung kích phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trong những dịp cao điểm. Do đó, người học và đặc biệt là các em học sinh nhỏ tuổi luôn được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường (**5.4.03** - Kế hoạch Công tác HSSV các năm học; **5.4.04** - Bảng phân công nhiệm vụ trực bảo vệ của Trường; **5.4.05** - Các biên bản phối hợp với an ninh địa phương về đảm bảo trật tự an toàn trong trường học; **5.4.06** - Báo cáo đánh giá công tác an ninh trường học của Trường hằng năm).

An toàn lao động và PCCC: Hệ thống các quy định, nội quy chi tiết về an toàn lao động, PCCC đã được ban hành và phổ biến rộng rãi. Công tác huấn luyện, diễn tập PCCC và kiểm tra trang thiết bị được tổ chức định kỳ, đảm bảo khả năng ứng phó khi có sự cố (**5.4.07** - Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc thiết bị; **5.2.12** - Sơ đồ và kế hoạch PCCC đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt).

Sức khỏe và Vệ sinh: Nhà trường có bộ phận y tế chuyên trách, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ, nhà giáo, người lao động và triển khai các kế hoạch vệ sinh phòng, chống dịch bệnh (**5.4.08**- Kết quả kiểm tra của cơ quan y tế có thẩm quyền về y tế trường học; **5.4.09** - Hồ sơ tổ chức khám sức khỏe định kỳ; **5.4.10** - Kế hoạch vệ sinh phòng dịch bệnh hằng năm). Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo thông qua hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ có đầy đủ chứng nhận, đồng thời có kiểm tra chất lượng nước uống định kỳ (**5.2.09** - Hình ảnh về khuôn viên, cây xanh và các hoạt động bảo vệ môi trường; **5.2.10** - Thông báo một số qui định chung về phân chia ranh giới hành chính các khu vực, phòng làm việc, phòng ở và quản lý tài sản của các đơn vị trong trường; **5.2.11** - Kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ các quý).

Về Môi trường văn hóa và Bình đẳng giới:

Văn hóa ứng xử: Nhà trường đã ban hành và phổ biến rộng rãi Bộ Quy tắc ứng xử nhằm xây dựng môi trường làm việc, học tập văn minh, thân thiện, không có bạo lực học đường (**5.4.10** - Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV).

Bình đẳng giới: Nhà trường cam kết không phân biệt đối xử về giới trong mọi hoạt động, từ tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm đối với cán bộ, nhà giáo đến tuyển sinh, đào tạo và xét học bổng đối với HSSV. Điều này được thể hiện rõ trong các

quy chế, quy định của trường (5.4.11 - *Các quy chế, quy định về tuyển dụng, đào tạo, công tác HSSV thể hiện chính sách không phân biệt đối xử về giới*).

Hỗ trợ người khuyết tật: Tại các khu nhà xây dựng mới và cải tạo, Nhà trường đã chú trọng thiết kế các lối đi, đường dốc, nhà vệ sinh chuyên dụng để tạo điều kiện di chuyển và sinh hoạt thuận lợi cho người khuyết tật (5.4.12 - *Hình ảnh về các công trình hỗ trợ người khuyết tật*).

Kết quả khảo sát đánh giá của HSSV và cựu HSSV nhà trường đều cho thấy các hoạt động phong trào của Nhà trường và công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học đều được đánh giá tốt (1.1.13 - *Hồ sơ khảo sát hằng năm*). Nhà trường được nhiều khen thưởng về các hoạt động phong trào và công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học (5.4.13 - *Các khen thưởng của trường về công tác đảm bảo an ninh trật tự*).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định trang thiết bị đào tạo là điều kiện tiên quyết để HSSV rèn luyện kỹ năng nghề, do đó, công tác đầu tư, quản lý và bảo trì thiết bị được thực hiện một cách chuyên nghiệp và có hệ thống, đảm bảo đáp ứng tốt nhất yêu cầu của CTĐT.

Về sự đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo: Nhà trường đã đầu tư một hệ thống trang thiết bị, dụng cụ thực hành đa dạng, hiện đại. Để đảm bảo tính đầy đủ, Nhà trường đã thực hiện việc đối sánh giữa danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định và yêu cầu trong từng CTĐT (5.5.01 - *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo*). Thiết bị đào tạo thường xuyên được cập nhật, bổ sung thông qua các dự án, đề án và nguồn kinh phí hằng năm nhằm đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo và theo kịp sự phát triển của thị trường lao động (5.5.02 - *Hồ sơ mua sắm vật tư thiết bị đào tạo các năm*).

Về công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng: Công tác quản lý thiết bị được thực hiện chặt chẽ theo (5.1.01 - *Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công*) và các quy trình chi tiết (5.1.02 - *Hệ thống các quy trình về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị*). Các đơn vị trong trường được giao quản lý thiết bị đào tạo theo từng chuyên ngành. Qua đó, các thiết bị được phân công quản lý đến từng cá nhân đảm bảo phù hợp đến từng mô đun/môn học và được bố trí tại các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành của mỗi nghề, do đó đảm bảo phát huy được đúng công năng sử dụng. Thiết bị có sổ theo dõi riêng, được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng, có nhật ký bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất (5.5.03 - *Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị*). Các máy móc, thiết bị

lớn có nhật trình sử dụng và được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hoặc thường xuyên theo theo hướng dẫn của nhà sản xuất (5.5.04 - *Nhật trình sử dụng, bảo dưỡng máy móc thiết bị*).

Về việc bố trí và đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn: Khi thiết kế, xây dựng các công trình, nhà xưởng phục vụ đào tạo, Nhà trường đã có tính toán chi tiết số lượng, vị trí các phòng học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của các nghề. Các phòng học, xưởng thực hành đảm bảo về diện tích, chiều cao, được thiết kế để có thể dễ dàng điều chỉnh, thay đổi khi có nhu cầu (5.5.05 – *Hồ sơ thiết kế các khối công trình đào tạo*). Thiết bị được bố trí hợp lý theo từng khu vực, từng nghề đào tạo. Cụ thể, các phòng học chuyên môn của cùng một khoa được đặt gần nhau; các thiết bị nặng được bố trí ở tầng dưới, thiết bị nhẹ bố trí ở các tầng cao hơn (5.3.02 - *Sơ đồ bố trí phòng học, phòng làm việc, phòng học tập, xưởng thực hành các khu vực của Trường*). Vị trí lắp đặt thiết bị trong các xưởng thực hành đảm bảo khoảng cách theo quy định, thuận tiện cho vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, nhóm và cá nhân, đáp ứng các tiêu chuẩn về mỹ thuật công nghiệp, an toàn và vệ sinh môi trường (5.5.06 - *Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ trong các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành*).

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức kiểm tra, đánh giá việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm bằng các hình thức như: Kiểm tra phòng học chuyên môn, kiểm tra xe máy, thiết bị (thực hiện 2 lần/năm) và kiểm kê tài sản (thực hiện 1 lần/năm) (5.5.07 - *Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm*; 5.5.08 – *Các biên bản kiểm tra thiết bị hàng năm*; 5.5.09 – *Báo cáo công tác kiểm kê hàng năm*; 5.5.10 - *Sổ kiểm kê tài sản/ Sổ theo dõi tài sản cố định*)

Qua ý kiến đánh giá của đội ngũ nhà giáo và người học, đa số ý kiến đều đánh giá cao về sự đáp ứng của thiết bị cho hoạt động dạy và học và cho rằng việc bố trí các phòng học, trang thiết bị đảm bảo tốt các yêu cầu về sư phạm, thẩm mỹ, an toàn và vệ sinh công nghiệp (1.1.13- *Hồ sơ khảo sát hằng năm*).

Trường tự đánh giá không đạt yêu cầu Tiêu chuẩn do chưa đảm bảo đủ số lượng theo thiết bị tối thiểu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc cung ứng, quản lý và sử dụng hiệu quả nguyên, nhiên, vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng các giờ học thực hành. Công tác này được Nhà trường quản lý một cách chặt chẽ, có hệ thống thông qua các quy chế, quy trình cụ thể.

Về việc ban hành và áp dụng quy trình: Nhà trường Quy chế quản lý nhập, xuất, sử dụng vật tư hàng hóa nội bộ. (5.6.01 - Quy chế quản lý nhập, xuất vật tư hàng hóa nội bộ). Để cụ thể hóa việc cấp phát, ngày 06/4/2023, Nhà trường đã ban hành và áp dụng quy trình Quản lý, cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu (5.6.02 - Quy trình quản lý, cấp phát vật tư, nguyên, nhiên vật liệu). Hệ thống văn bản này quy định rõ ràng về quy trình từ khâu dự trù, tổng hợp, mua sắm đến cấp phát và sử dụng, đảm bảo vật tư, nguyên nhiên vật liệu được quản lý một cách thống nhất, minh bạch và hiệu quả.

Về sự đáp ứng nhu cầu đào tạo: Trước ngày 25 hàng tháng, các đơn vị trong trường đề xuất nhu cầu vật tư phục vụ đào tạo cho các nghề của đơn vị mình, trình Ban giám hiệu duyệt để cấp phát hoặc mua bổ sung nhằm đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo (5.6.03 - Đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị hàng tháng; 5.6.04 - Kế hoạch cung ứng vật tư hàng tháng; 5.6.05 - Hồ sơ quản lý vật tư, gồm: phiếu xin lĩnh, cấp phát nhiên liệu, vật tư; phiếu thu hồi vật tư, sổ theo dõi việc cấp, phát vật tư của các khoa).

Vật tư được lưu giữ, bảo quản tại kho chung của toàn trường và các kho nhỏ lẻ được quản lý trực tiếp tại các đơn vị phòng ban, khoa. Tại các kho, vật tư được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

(5.6.06 - Hình ảnh kho chung của trường; 5.6.07 - Hình ảnh kho lưu trữ tại các đơn vị).

Về việc tái sử dụng hiệu quả: Nhà trường luôn đề cao và khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực. Các loại vật tư còn thừa sau các giờ học thực hành được thu hồi và tận dụng để HSSV có thêm cơ hội thực hành, rèn luyện tay nghề hoặc sử dụng cho các hoạt động sáng tạo, nghiên cứu khoa học. Việc này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn góp phần giáo dục ý thức trách nhiệm, bảo vệ tài sản cho người học (5.6.08 - Hình ảnh HSSV tận dụng vật tư thừa để thực hành, sáng tạo).

Hàng năm, Phòng Quản trị Đời sống và Nhà trường đều có báo cáo hoạt động của đơn vị và Trường, trong đó có công tác quản lý, cấp phát vật tư, trang thiết bị phục vụ đào tạo (5.6.9 - Báo cáo hoạt động cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu hằng năm; 5.6.10 - Báo cáo của các khoa hằng năm).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về việc bảo quản, sử dụng vật tư của trường. Kết quả cho thấy các lớp thực hành được cung cấp đầy đủ và kịp thời vật tư, nhiên liệu theo đúng kế hoạch đào tạo, vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (1.1.13 - Hồ sơ khảo sát hằng năm).

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập và vận hành một cơ chế quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu một cách khoa học và hiệu quả. Việc cung ứng VTTBHH luôn bám sát kế hoạch đào tạo, được bảo quản hợp lý và tái sử dụng một cách sáng tạo, đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định thư viện là trung tâm học liệu, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy văn hóa đọc, hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Do đó, thư viện đã được đầu tư xây dựng một cách bài bản, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về không gian và công năng sử dụng.

Về cơ cấu và diện tích: Nhà trường bố trí thư viện (5.7.01 - *Thống kê diện tích thư viện* ; 5.7.02 - *Hình ảnh thư viện tại các cơ sở trường*; 5.7.03 – *Thống kê tài sản tại thư viện trường*;))

Không gian thư viện được thiết kế và bố trí khoa học, đảm bảo các tiêu chuẩn về diện tích sử dụng theo quy định. Hoạt động của thư viện được vận hành theo đúng quy chế (5.7.04 - *Quy định hoạt động thư viện Trường*). Ngoài ra, hệ thống wifi của trường đã được nâng cấp và mở rộng theo từng năm. Đồng thời, thư viện điện tử của Trường đảm bảo cho nhà giáo và người học (5.2.08 - *Hồ sơ, hợp đồng cung cấp điện, nước, internet*; 5.7.05 - *Sơ đồ hệ thống wifi toàn trường*)

Về các khu chức năng: Thư viện được phân chia thành các khu vực chức năng rõ ràng, đáp ứng đa dạng nhu cầu của bạn đọc, bao gồm:

- *Phòng đọc chung:* Là không gian chính phục vụ cả nhà giáo và người học, với 200 chỗ ngồi được trang bị đầy đủ bàn ghế, ánh sáng, tạo môi trường học tập, nghiên cứu yên tĩnh và tiện nghi (5.7.06 - *Hình ảnh về không gian phòng đọc chung*). Các phòng đọc này cũng được bố trí phù hợp để luôn sẵn sàng chuyển thành các phòng học lý thuyết khi có nhu cầu.

- *Phòng đọc điện tử:* Nhà trường đã đầu tư mạnh mẽ cho thư viện điện tử với hệ thống máy tính cấu hình cao có kết nối internet, cho phép bạn đọc tra cứu, truy cập vào nguồn học liệu số phong phú của trường và các tài nguyên trực tuyến khác (5.7.07 - *Hồ sơ, hình ảnh về thư viện điện tử*).

- *Kho sách:* Khu vực kho sách được thiết kế và xây dựng đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo TCVN 9210:2012. Cụ thể, kho được trang bị hệ thống giá đỡ chuyên dụng, đảm bảo khoảng cách giữa các giá sách và chiều rộng lối đi chính/phụ theo quy định, thuận tiện cho việc di chuyển và lấy sách. Các điều kiện về thông gió, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo, cùng các giải pháp phòng chống mối mọt, phòng chống cháy nổ đều được tuân thủ nghiêm ngặt nhằm bảo quản tài liệu một cách an toàn và tốt nhất trong thời gian dài (5.7.08 - *Hình ảnh về khu vực kho sách của thư viện*).

Như vậy, Nhà trường đã xây dựng được một thư viện hoàn chỉnh, đáp ứng đầy đủ các yêu-cầu của tiêu chuẩn. Việc phân chia không gian thành các khu chức năng riêng biệt như phòng đọc chung, phòng đọc điện tử và kho sách, cùng với việc đảm bảo các tiêu chuẩn về diện tích sử dụng, đã tạo ra một môi trường học liệu hiện đại, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học trong toàn trường.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường công tác phát triển nguồn học liệu và hiện đại hóa thư viện luôn được chú trọng đầu tư, nhằm hỗ trợ hiệu quả nhất cho mọi hoạt động chuyên môn trong toàn trường.

Về nguồn học liệu đầy đủ, phù hợp và được cập nhật: Thư viện trường sở hữu một nguồn học liệu phong phú, bao gồm cả tài liệu truyền thống và tài liệu số. Để đảm bảo tính phù hợp, Nhà trường đã số hóa 100% chương trình, giáo trình đang giảng dạy và các tài liệu tham khảo cốt lõi của các ngành, nghề đào tạo. Đặc biệt, cơ sở dữ liệu điện tử của trường hiện có hơn 30.000 đầu tài liệu, phục vụ đầy đủ nhu cầu học tập, tra cứu của cán bộ, nhà giáo và HSSV (**5.8.01** - *Danh mục sách tài liệu truyền thống trong thư viện*; **5.8.02** - *Thống kê số lượng tài liệu điện tử tại thư viện số của Trường*; **5.8.03** - *Danh mục các bản in chương trình, giáo trình được phê duyệt hàng năm*). Công tác bổ sung, cập nhật tài liệu mới được thực hiện thường xuyên căn cứ vào đề xuất của các khoa chuyên môn và kế hoạch phát triển chung của thư viện (**5.8.04** - *Danh mục nguồn học liệu được bổ sung hằng năm*).

Về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sử dụng: Nhà trường đã đầu tư mạnh mẽ cho việc hiện đại hóa thư viện bằng việc triển khai thư viện điện tử hiện đại. Hệ thống này cho phép quản lý tài liệu một cách khoa học, đồng thời giúp bạn đọc có thể dễ dàng tìm kiếm, tra cứu và truy cập vào nguồn tài liệu số của trường mọi lúc, mọi nơi thông qua hệ thống mạng internet và wifi phủ sóng toàn trường (**5.8.05** - *Chức năng của thư viện điện tử*).

Về hiệu quả hỗ trợ hoạt động dạy, học và nghiên cứu: Hiệu quả hoạt động của thư viện được khẳng định qua kết quả khảo sát các bên liên quan hằng năm (**1.1.13** - *Hồ sơ khảo sát hằng năm*). Các báo cáo hoạt động định kỳ của thư viện cũng cho thấy lượt truy cập và khai thác tài liệu luôn ở mức cao, chứng tỏ thư viện đã trở thành một địa chỉ

tin cậy và hữu ích cho toàn thể cán bộ, nhà giáo và người học (5.8.06 - Các báo cáo hoạt động của thư viện hàng năm).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, Tiêu chí 5: 2 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6

Mở đầu:

Nhà trường xác định nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế là hai nhiệm vụ chiến lược, có vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, cập nhật công nghệ và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một cơ chế toàn diện để thúc đẩy các hoạt động này, từ việc ban hành hệ thống chính sách khuyến khích, quy trình quản lý bài bản đến việc tổ chức triển khai hiệu quả trong thực tiễn, tạo ra một môi trường học thuật năng động, khuyến khích sự sáng tạo trong toàn thể cán bộ, nhà giáo và người học.

* Những điểm mạnh:

- Nhà trường đã thiết lập một khung pháp lý và quy trình chặt chẽ để quản lý hoạt động NCKH, bao gồm Quy định chung về công tác NCKH, chính sách khuyến khích tài chính cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ, và bộ quy trình chi tiết cho việc triển khai, nghiệm thu và ứng dụng kết quả.

- Hoạt động NCKH được triển khai thường xuyên và có tính ứng dụng cao: Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức thực hiện hiệu quả các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến. Các kết quả nghiên cứu được chú trọng ứng dụng vào thực tiễn, phục vụ trực tiếp cho việc đổi mới nội dung, chương trình, chế tạo mô hình thiết bị dạy học và phục vụ cộng đồng.

* Những tồn tại:

- Nhà trường chưa có hợp tác quốc tế đi vào chiều sâu để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

* Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Xây dựng quy chế và chính sách riêng để khuyến khích và hỗ trợ HSSV tham gia thực hiện các đề tài NCKH, tạo sân chơi để sinh viên phát huy khả năng sáng tạo.

- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ đặc biệt cho các nhà giáo có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín (thuộc danh mục Scopus/ISI).

- Triển khai hợp tác quốc tế đi vào chiều sâu để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	6 điểm

Tiêu chuẩn 6.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 6.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 6.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 6.4	0 điểm

Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), sáng kiến cải tiến là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết với thực tiễn sản xuất. Do đó, Trường đã xây dựng và thực thi một hệ thống chính sách, quy định đồng bộ nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho toàn thể cán bộ, nhà giáo và người học tích cực tham gia vào hoạt động này.

Về việc ban hành quy định và chính sách: Nhà trường đã thể chế hóa công tác NCKH thông qua một hệ thống văn bản quản lý chặt chẽ, bài bản:

- **Văn bản khung:** Các quyết định về công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ được ban hành (**6.1.01** - Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và sáng kiến, cải tiến tại Trường; **6.1.02** - Quyết định thành lập Hội đồng khoa học nhà trường).

- **Chính sách khuyến khích:** Các chính sách khuyến khích về mặt tài chính được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm. Trong đó, có các điều khoản rõ ràng về mức chi thưởng cho các bài báo khoa học, các đề tài NCKH các cấp được nghiệm thu, các sáng kiến cải tiến được công nhận, tạo động lực vật chất trực tiếp cho các cá nhân, tập thể tham gia. Ngoài ra còn được thể hiện trong Quy chế thi đua, khen thưởng hằng năm quy định “Cá nhân phải có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học được Hội đồng khoa học cấp trường công nhận thì mới được xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở” (**3.2.01** - Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm; **6.1.03** - Quyết định v/v ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng).

- **Quy trình thực hiện:** Để đảm bảo hoạt động NCKH được triển khai một cách khoa học và thống nhất, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng một hệ thống các quy trình chi tiết (**6.1.04** - Các quy trình BDCL liên quan đến hoạt động NCKH và công nghệ).

Về việc thực hiện chính sách: Các quy định, chính sách trên không chỉ tồn tại trên văn bản mà còn được triển khai mạnh mẽ trong thực tiễn. Hằng năm, Nhà trường đều phát động và tổ chức cho cán bộ, nhà giáo và HSSV đăng ký thực hiện các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến. Việc xét duyệt, triển khai, nghiệm thu và ứng dụng kết quả

đều được thực hiện nghiêm túc theo các quy trình đã ban hành. Các cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động NCKH đều được khen thưởng kịp thời theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ. Hoạt động này được minh chứng rõ qua các quyết định khen thưởng và hồ sơ nghiệm thu các đề tài, sáng kiến qua các năm (**6.1.05** - *Quyết định giao đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm*; **6.1.06** - *Quyết định công nhận đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm*; **6.1.07** - *Hồ sơ, quyết định khen thưởng hằng năm*).

Báo cáo khảo sát đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hằng năm cho thấy đa số đối tượng được khảo sát hài lòng về các chính sách và việc thực hiện chính sách khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng của Nhà trường (**1.1.13** - *Hồ sơ khảo sát hằng năm*).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở hệ thống các quy định, chính sách khuyến khích đã ban hành, hoạt động NCKH và sáng kiến cải tiến đã trở thành một phong trào sôi nổi, được Nhà trường tổ chức triển khai thường xuyên, có kế hoạch và mang lại những kết quả thiết thực.

Về tổ chức thực hiện: Hằng năm, Hội đồng Khoa học của trường đều xây dựng kế hoạch, phát động và thông báo rộng rãi đến toàn thể cán bộ, nhà giáo, viên chức, người lao động và HSSV về việc đăng ký thực hiện các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến. Các đề xuất được xét duyệt một cách công khai, minh bạch. Các đề tài được phê duyệt sẽ được cấp kinh phí và triển khai theo đúng các quy trình đã ban hành. Hoạt động này diễn ra đều đặn, được minh chứng rõ qua danh mục các đề tài, sáng kiến được phê duyệt và triển khai qua các năm. (**6.2.01** - *Danh mục các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến được phê duyệt và triển khai các năm 2023, 2024, 2025*; **6.1.05** - *Quyết định giao đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm*; **6.1.06** - *Quyết định công nhận đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm*).

Về việc ứng dụng kết quả: Nhà trường đặc biệt chú trọng đến tính ứng dụng của các công trình nghiên cứu. Các đề tài sau khi nghiệm thu đều được đánh giá về khả năng ứng dụng. Nhiều đề tài, sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả, phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo và phục vụ cộng đồng, tiêu biểu như:

- Cải tiến, chế tạo mô hình, thiết bị dạy học: Nhiều sáng kiến của nhà giáo và HSSV đã tạo ra các mô hình, thiết bị tự làm có giá trị, giúp cho các giờ học thực hành trở nên trực quan và hiệu quả hơn.

- Cập nhật, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo: Kết quả từ các đề tài nghiên cứu là cơ sở khoa học quan trọng để Nhà trường cập nhật, bổ sung các kiến thức, công nghệ mới vào chương trình giảng dạy.

- Chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng: Một số đề tài đã được chuyển giao, ứng dụng tại các doanh nghiệp đối tác, góp phần giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thực tiễn sản xuất. Việc ứng dụng này được tổng hợp và báo cáo định kỳ, cho thấy giá trị thực tiễn của hoạt động NCKH

(6.2.02 - Hồ sơ đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến hằng năm (bao gồm đăng ký, thuyết minh, báo cáo, nghiệm thu); 6.2.03 - Báo cáo kết quả NCKH, sáng kiến cải tiến hằng năm).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công bố các bài báo khoa học được Nhà trường xác định là một trong những thước đo quan trọng, phản ánh chất lượng và chiều sâu của hoạt động NCKH. Hoạt động này được khuyến khích mạnh mẽ thông qua các chính sách cụ thể, đặc biệt là chính sách khen thưởng được quy định trong (3.2.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm), trong đó có định mức chi thưởng rõ ràng cho các bài báo được đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học uy tín.

Nhờ chính sách khuyến khích hiệu quả và sự nỗ lực của đội ngũ, hằng năm, cán bộ, nhà giáo của trường đều có các công trình nghiên cứu được công bố dưới dạng bài báo khoa học. Các bài báo này được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, kỷ yếu của các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế, thể hiện sự đóng góp tri thức của đội ngũ Nhà trường vào lĩnh vực chuyên môn của ngành và xã hội (6.3.01 - Danh sách các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học của giáo viên đăng trên tạp chí và công bố trong các hội thảo khoa học các cấp; 6.3.02 - Bản in nội dung các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động bao gồm trang bìa tạp chí, trang mục lục, trang nội dung bài báo có số trang kèm theo, kỳ xuất bản năm các năm).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ chiến lược, là đòn bẩy quan trọng để tiếp cận công nghệ, chương trình đào tạo tiên tiến và nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế. Do đó, hoạt động này được Nhà trường chủ động, tích cực triển khai và đã đạt được nhiều kết quả nổi bật.

Trong những năm qua, Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ hợp tác sâu rộng với nhiều đối tác uy tín là các trường, tổ chức và doanh nghiệp đến từ các quốc gia có nền giáo dục nghề nghiệp và công nghệ phát triển như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan. Các hoạt động hợp tác rất đa dạng, tập trung vào các nội dung thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo:

Hợp tác chiến lược đón đầu công nghệ mới: Hợp tác bao gồm chuyển giao chương trình, đào tạo giảng viên và hướng tới cấp văn bằng quốc tế.

Tiếp nhận dự án ODA để hiện đại hóa cơ sở vật chất: Nhà trường đang tiếp tục thực hiện Dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện” vay vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á với mục tiêu nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo

Hợp tác trao đổi, liên kết đào tạo: Nhà trường đã ký kết các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với nhiều trường cao đẳng, đại học uy tín .. để trao đổi sinh viên, giảng viên và liên kết trong đào tạo.

Kết nối cung ứng nhân lực cho thị trường nước ngoài: Nhà trường chủ động làm việc với các doanh nghiệp Nhật Bản để thảo luận về hợp tác đào tạo và cung ứng nhân lực ngành lái xe, mở ra cơ hội việc làm quốc tế cho HSSV.

Các hoạt động này được Nhà trường công khai, minh bạch thông qua các tin, bài trên website chính thức, khẳng định sự năng động trong hội nhập quốc tế (**6.4.01 - Các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế; 6.4.02 - Hình ảnh, tin bài về các hoạt động hợp tác quốc tế trên website của trường; 6.4.03 - Báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm**).

Có thể khẳng định, Nhà trường đã triển khai rất tích cực và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế. Các chương trình hợp tác không chỉ đa dạng về đối tác, quốc gia mà còn đi vào chiều sâu, tập trung vào các nội dung cụ thể như chuyển giao chương trình, nâng cao năng lực giảng viên và hiện đại hóa trang thiết bị, qua đó góp phần trực tiếp và mạnh mẽ vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng xuất sắc các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá không đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 6: 0 điểm

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Mở đầu:

Công tác quản lý và hỗ trợ người học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và sự phát triển toàn diện của HSSV. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một hệ thống quản lý đồng bộ, nhân văn và hiệu quả. Mọi hoạt động từ công khai thông tin, thực hiện chế độ chính sách, khen thưởng, hỗ trợ học tập đến tổ chức các hoạt động ngoại khóa đều được triển khai một cách bài bản, với mục tiêu cao nhất là tạo ra một môi trường giáo dục an toàn, công bằng và thân thiện, nơi mỗi người học đều có cơ hội phát triển tối đa tiềm năng của bản thân.

** Những điểm mạnh:*

- Nhà trường đã xây dựng một cơ chế công khai thông tin hiệu quả, đảm bảo người học có thể dễ dàng tiếp cận mọi thông tin cần thiết về chương trình, quy chế, chính sách thông qua nhiều kênh đa dạng như website, facebook, sổ tay HSSV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và hệ thống niêm yết tại trường.

- Mọi chế độ, chính sách của Nhà nước và của Nhà trường (học bổng khuyến khích, học bổng chính sách, chính sách nội trú, miễn giảm học phí...) đều được thực hiện một cách nghiêm túc, công khai, đúng đối tượng, đảm bảo quyền lợi và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học, đặc biệt là các HSSV thuộc diện chính sách.

- Trường đã thực hiện song song và hiệu quả cả hai nhiệm vụ: động viên, khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và xây dựng một hệ thống hỗ trợ đa kênh (GVCN, hotline 24/24, hỗ trợ trực tuyến) để giúp đỡ những HSSV gặp khó khăn, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

- Trường đặc biệt chú trọng đến đời sống tinh thần và thể chất của người học thông qua việc đầu tư bài bản về cơ sở vật chất (sân bãi, khuôn viên) và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các lớp kỹ năng mềm và hoạt động xã hội, tạo ra một môi trường giáo dục an toàn, năng động.

** Những tồn tại: Không*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phát triển một cổng thông tin điện tử hoặc ứng dụng di động tích hợp, cho phép HSSV thực hiện trực tuyến các thủ tục hành chính, đăng ký các dịch vụ hỗ trợ, xem kết quả học tập và nhận thông báo tập trung.

- Tổ chức thường xuyên hơn các buổi hội thảo hướng nghiệp với sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp và cựu HSSV thành đạt để chia sẻ kinh nghiệm và tạo mạng lưới kết nối, hỗ trợ việc làm.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để thành lập thêm nhiều câu lạc bộ do HSSV tự quản lý, đặc biệt là các câu lạc bộ về học thuật, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	10 điểm
Tiêu chuẩn 7.1	2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 7.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 7.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 7.5	2 điểm

Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định công tác công khai, minh bạch thông tin, đặc biệt là thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo là một nhiệm vụ quan trọng, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học và giúp người học thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Mọi thông tin thiết yếu liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện và các chế độ, chính sách đều được Nhà trường phổ biến một cách rõ ràng, đầy đủ và kịp thời thông qua nhiều kênh đa dạng, từ trước khi nhập học cho đến suốt quá trình học tập.

Về các kênh công khai thông tin: Nhà trường đã thiết lập và vận hành hiệu quả nhiều kênh thông tin đa dạng để đảm bảo người học và các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận thông tin:

- **Giai đoạn trước nhập học:** Công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh được thực hiện bài bản thông qua các tài liệu, hoạt động tư vấn và các chương trình trải nghiệm thực tế tại trường cho học sinh phổ thông (**7.1.01 - Kế hoạch và tài liệu tuyên truyền tuyển sinh hằng năm; 7.1.02 - Các ấn phẩm tờ rơi giới thiệu về trường; 7.1.03 - Hình ảnh các buổi tư vấn tuyển sinh và trải nghiệm thực tế**).

- **Giai đoạn khi nhập học và trong quá trình học:**

+ **Phổ biến trực tiếp:** Tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, HSSV được các phòng ban chức năng phổ biến chi tiết về quy chế, quy định, kế hoạch đào tạo và các chính sách liên quan (**7.1.04 - Kế hoạch và tài liệu Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa; 7.1.05 - Hình ảnh các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa**).

+ **Kênh trực tuyến:** Cổng thông tin điện tử (Website) và trang Facebook của trường là kênh thông tin chính thức, đăng tải đầy đủ và cập nhật nhất các thông tin (**7.1.06 - Địa chỉ Website, Facebook của Nhà trường**). Ngoài ra, các lớp thành lập các nhóm Zalo nhằm chia sẻ thông tin một cách kịp thời và nhanh nhất (**7.1.07 - Thông tin các nhóm Zalo các lớp**).

+ **Kênh trực quan tại trường:** Các nội quy, quy định được niêm yết công khai tại bảng tin, xưởng thực hành, phòng học. Thông tin cũng được phổ biến qua các buổi sinh hoạt lớp và chào cờ hàng tháng (**7.1.8 - Hình ảnh các vị trí niêm yết nội quy; 7.1.09 -**

Các biên bản sinh hoạt lớp; 7.1.10 - Các kế hoạch và hình ảnh sinh hoạt dưới cờ hằng tháng).

Về nội dung và hiệu quả công khai thông tin: Nhà trường đảm bảo công khai đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, từ thông tin tuyển sinh, chương trình đào tạo, đến các quy chế, quy định và chính sách học bổng, học phí. Hiệu quả của công tác này được thể hiện rõ qua kết quả khảo sát HSSV hằng năm, với trên 90% người học được khảo sát đều xác nhận đã nắm rõ những thông tin được Nhà trường cung cấp (**1.1.13- Hồ sơ khảo sát hằng năm**).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường cam kết xây dựng một môi trường giáo dục nhân văn, công bằng, nơi mọi người học đều được tôn trọng, được đối xử bình đẳng và được đảm bảo hưởng đầy đủ các quyền lợi chính đáng theo quy định của pháp luật.

Về việc thực hiện các chế độ, chính sách: Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ, kịp thời và công khai các chế độ, chính sách của Nhà nước và của riêng Nhà trường đối với người học. Các chính sách này được thể chế hóa trong Quy chế HSSV (**7.2.01 - Quy chế HSSV; 7.2.02 - Quy chế học bổng**). Cụ thể, người học được hưởng các chế độ chính sách sau:

- *Học bổng khuyến khích học tập:* Được xét cấp hằng kỳ cho HSSV có kết quả học tập và rèn luyện từ loại Khá trở lên, không bị kỷ luật nhằm động viên, khuyến khích những HSSV có thành tích tốt.

- *Học bổng chính sách:* Nhà trường xét cấp học bổng hằng tháng cho các đối tượng HSSV là: Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; Người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa; Học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- *Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:* Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về miễn, giảm học phí cho các đối tượng như con thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng, HSSV thuộc hộ nghèo, cận nghèo, HSSV học các nghề nặng nhọc, độc hại...

- *Trợ cấp xã hội:* Chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho các HSSV thuộc diện được hưởng theo quy định của pháp luật.

- *Chính sách nội trú*: 100% HSSV có nhu cầu được bố trí ở nội trú miễn phí. Nhà trường còn bố trí chỗ nghỉ trưa cho HSSV học 2 ca sáng và chiều

Toàn bộ quy trình từ phổ biến thông tin, tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt đến chi trả các chế độ chính sách trên đều được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình và đúng đối tượng, được minh chứng qua các quyết định và danh sách chi trả hằng năm (**7.2.03 - Hồ sơ cấp học bổng, miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội cho HSSV hằng năm**).

Về việc đảm bảo môi trường bình đẳng, không phân biệt đối xử: Nhà trường cam kết tạo ra một môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. Nguyên tắc này được thể chế hóa trong (**5.4.12 - Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV**), trong đó nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tôn giáo, vùng miền, thành phần xuất thân. Trong thực tế triển khai các hoạt động đào tạo, phục vụ, quản lý HSSV, không có sự phân biệt về giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học hằng năm luôn cho thấy tỷ lệ đồng thuận cao về việc được đối xử công bằng, tôn trọng (**1.1.13- Hồ sơ khảo sát hằng năm**).

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện một cách nghiêm túc và hiệu quả việc đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho người học. Việc triển khai đầy đủ các chế độ, chính sách cùng với việc duy trì một môi trường giáo dục bình đẳng, tôn trọng đã đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn, góp phần giúp người học phát triển toàn diện.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc tạo động lực và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập. Một hệ thống chính sách khen thưởng, động viên song hành cùng các cơ chế hỗ trợ học tập kịp thời đã được xây dựng và triển khai hiệu quả, nhằm khuyến khích sự nỗ lực và đảm bảo không có người học nào bị bỏ lại phía sau.

Về chính sách khen thưởng, động viên: Nhà trường đã thể chế hóa công tác thi đua, khen thưởng trong Quy chế công tác học sinh, sinh viên (**7.2.01 - Quy chế HSSV ; 7.2.02 - Quy chế học bổng**) và Quy chế chi tiêu nội bộ (**3.2.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm**). Chính sách khen thưởng được thực hiện đa dạng và thường xuyên:

- *Khen thưởng định kỳ*: Dựa trên kết quả học tập và rèn luyện hằng kỳ, Hội đồng thi đua khen thưởng của trường họp xét và ra quyết định trao Học bổng khuyến khích học tập và các hình thức khen thưởng khác cho HSSV có thành tích tốt (**7.3.01 - Các biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng hằng năm; 7.3.02 - Các quyết định khen thưởng và trao học bổng hằng năm**).

- *Khen thưởng đột xuất*: Nhà trường đặc biệt quan tâm và có hình thức khen thưởng xứng đáng cho các HSSV đạt thành tích cao trong các cuộc thi tay nghề giỏi các cấp. Ngoài khen thưởng về vật chất, Nhà trường còn tạo điều kiện để các em được tiếp tục ở lại trường công tác sau khi tốt nghiệp, đây là một hình thức động viên và ghi nhận rất lớn (**7.3.03** - *Các quyết định khen thưởng cho HSSV đạt thành tích cao trong các cuộc thi tay nghề giỏi*).

Về công tác hỗ trợ người học: Nhà trường đã xây dựng một cơ chế hỗ trợ đa kênh, đảm bảo người học được giúp đỡ kịp thời và hiệu quả:

- *Hỗ trợ trực tiếp*: Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm - cố vấn học tập là kênh hỗ trợ sâu sát nhất, thường xuyên theo dõi, nắm bắt khó khăn của HSSV để tư vấn và phối hợp giải quyết (**7.3.04** – *Danh sách GVCN các lớp*; **7.1.07** - *Thông tin các nhóm Zalo các lớp*). Trường định kỳ tổ chức các Hội nghị công tác GVCN nhằm tìm ra những phương án tốt nhất hỗ trợ cho người học (**7.3.05** – *Kế hoạch tổ chức và hình ảnh các hội nghị công tác GVCN hằng năm*).

- *Hỗ trợ 24/24*: Phòng Công tác HSSV bố trí cán bộ trực 24/24 tại trường và có số điện thoại hotline để kịp thời hỗ trợ các em trong mọi tình huống, cả trong học tập và sinh hoạt (**7.3.06** – *Lịch trực phòng Công tác HSSV*).

- *Hỗ trợ trực tuyến*: Website và trang Facebook chính thức của trường có chức năng hỗ trợ trực tuyến, đảm bảo HSSV có thể gửi câu hỏi và nhận được sự trợ giúp bất cứ khi nào có nhu cầu (**7.3.07** – *Mô tả chức năng hỗ trợ trực tuyến trên Website và Facebook Trường*).

Qua số liệu khảo sát 3 năm gần đây về việc thực hiện các chế độ chính sách khen thưởng, khuyến khích học tập cũng như hoạt động hỗ trợ. Trên 90% HSSV tham gia khảo sát đánh giá cao các hoạt động này của Nhà trường (**1.1.13**- *Hồ sơ khảo sát hằng năm*).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc phát triển toàn diện cho người học là một mục tiêu quan trọng, không chỉ chú trọng đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề mà còn quan tâm đến việc bồi dưỡng phẩm chất, thể chất và các kỹ năng xã hội. Do đó, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất và tạo điều kiện thuận lợi để HSSV tham gia vào các hoạt động ngoại khóa đa dạng.

Về điều kiện cơ sở vật chất: Nhà trường sở hữu một hệ thống cơ sở vật chất khang trang, đáp ứng tốt nhu cầu rèn luyện và sinh hoạt của người học. Khuôn viên trường rộng rãi, xanh, sạch, đẹp với các khu hoạt động thể chất đa dạng như sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng chuyền, sân pickleball, sân tennis, sân cầu lông, phòng bóng bàn... tạo điều kiện lý tưởng cho các hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh sau giờ học (7.4.01 - Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường).

Về tổ chức các hoạt động: Các tổ chức đoàn thể trong trường, đặc biệt là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, đóng vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động phong trào. Hằng năm, các kế hoạch tổ chức hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, các cuộc thi văn nghệ, thể thao, các hoạt động xã hội, thiện nguyện vì cộng đồng đều được xây dựng và triển khai sôi nổi, thu hút đông đảo HSSV tham gia (7.4.02 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào hằng năm; 7.4.03 - Hình ảnh HSSV tham gia các hoạt động phong trào VHVN-TDĐT, hoạt động xã hội, thiện nguyện...; 7.4.04 - Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên nhà trường). Bên cạnh đó, các câu lạc bộ sở thích cũng được tạo điều kiện về không gian để hoạt động và phát triển.

Về phát triển kỹ năng và đảm bảo an toàn: Ngoài các hoạt động phong trào, Nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến việc trang bị kỹ năng mềm cho HSSV. Các lớp học về kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình... được tổ chức thường xuyên, giúp các em tự tin hơn trong học tập và cuộc sống (7.4.05 - Kế hoạch tổ chức các lớp kỹ năng mềm; 7.4.06 - Những hình ảnh HSSV tham gia các lớp kỹ năng mềm).

Hiệu quả của các hoạt động này được khẳng định qua kết quả khảo sát hằng năm, nơi HSSV và cựu HSSV đều đánh giá tốt về các hoạt động phong trào và công tác an ninh của trường (1.1.13- Hồ sơ khảo sát hằng năm). Nhà trường cũng đã nhận được nhiều khen thưởng về thành tích trong các hoạt động VHVN-TDĐT và công tác đảm bảo an ninh trật tự (7.4.07 – Các giấy khen, bằng khen của trường về hoạt động VHVN-TDĐT, hoạt động xã hội, thiện nguyện.).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định việc không ngừng cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học là một nhiệm vụ trọng tâm. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một cơ chế rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ, dựa trên cơ sở thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ chính người học và các bên liên quan.

Về cơ chế rà soát, thu thập ý kiến: Công cụ chính và quan trọng nhất để rà soát chất lượng các hoạt động hỗ trợ là hoạt động khảo sát sự hài lòng của người học hằng năm. Các phiếu khảo sát được thiết kế để thu thập ý kiến đánh giá của HSSV về mọi mặt của đời sống học đường (7.5.01 - *Mẫu phiếu khảo sát hằng năm*). Ngoài ra, Nhà trường còn duy trì các kênh thu thập thông tin khác như hòm thư góp ý, các buổi đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám hiệu và HSSV, và các báo cáo định kỳ từ đội ngũ GVCN (7.5.02 - *Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của người học hằng năm*).

Về hoạt động cải tiến: Kết quả từ các kênh thu thập ý kiến được Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổng hợp, phân tích và báo cáo lên Ban Giám hiệu. Dựa trên các kết quả này, Nhà trường xác định những tồn tại, hạn chế và xây dựng kế hoạch hành động cải tiến cụ thể. Nhiều cải tiến thiết thực đã được triển khai dựa trên góp ý của người học trong những năm qua (1.4.01 - *Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm*), tiêu biểu như:

Cải tiến các hoạt động hỗ trợ người học:

- *Về đời sống nội trú:* Thường xuyên tu sửa, nâng cấp, mua sắm thêm trang thiết bị cho các nhà ký túc xá; mở rộng hệ thống wifi và nâng cấp tốc độ mạng.

- *Về cơ sở vật chất chung:* Xây dựng thêm nhiều khu thể thao mới, tu sửa hệ thống hạ tầng (đường nội bộ, điện, nước) nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người học.

- *Cải tiến hệ thống giám sát, quản lý người học:* Lắp đặt thêm nhiều hệ thống camera giám sát tại các khu vực trọng yếu nhằm đảm bảo tốt hơn công tác an ninh, an toàn trường học. Tại các khu vực nhà học chính, xưởng thực hành, Nhà trường cũng lắp đặt thêm camera giám sát và ứng dụng công nghệ thông tin vào các công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo để nâng cao hiệu quả quản lý.

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập được một vòng lặp cải tiến chất lượng hiệu quả: Thu thập ý kiến → Phân tích → Xây dựng kế hoạch → Thực hiện cải tiến. Cơ chế này đảm bảo rằng hệ thống phục vụ, hỗ trợ và quản lý người học luôn được rà soát và đổi mới một cách có hệ thống, bám sát nhu cầu thực tế của người học, đáp ứng toàn diện các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 7: 2 điểm

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8

Mở đầu:

Nhà trường xác định việc đo lường kết quả và cải tiến liên tục là hai mặt không thể tách rời của một hệ thống quản trị chất lượng hiệu quả. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một cơ chế toàn diện để giám sát các chỉ số hiệu suất chính, thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ tất cả các bên liên quan, và quan trọng nhất là sử dụng các

kết quả đó làm cơ sở khoa học để hoạch định và triển khai các hoạt động cải tiến một cách bài bản. Toàn bộ hoạt động này được vận hành theo một chu trình chất lượng khép kín (PDCA), thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Nhà trường trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

- Nhà trường đã cụ thể hóa văn hóa chất lượng thông qua việc thực hiện nghiêm túc hoạt động tự đánh giá định kỳ. Kết quả tự đánh giá trở thành cơ sở cốt lõi để xây dựng các kế hoạch bảo đảm chất lượng và kế hoạch hành động cải tiến hằng năm, đảm bảo các điểm tồn tại được khắc phục và các điểm mạnh được phát huy một cách có hệ thống.

- Nhà trường đã xây dựng được một hệ thống thu thập thông tin phản hồi toàn diện, không bỏ sót bất kỳ bên liên quan quan trọng nào. Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động và cựu HSSV đều được thu thập một cách bài bản thông qua các quy trình và công cụ khảo sát đa dạng, chuyên nghiệp.

** Những tồn tại:* Không

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phát triển một hệ thống phần mềm hoặc dashboard tập trung để tích hợp dữ liệu từ tất cả các nguồn (khảo sát các bên liên quan, tỷ lệ tốt nghiệp/bỏ học, tỷ lệ việc làm) nhằm cung cấp một bức tranh tổng thể, đa chiều về chất lượng, hỗ trợ Ban Giám hiệu ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn.

- Ngoài việc đối sánh nội bộ, chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động đối sánh một số chỉ số quan trọng (chương trình đào tạo, tỷ lệ việc làm...) với các trường cao đẳng chất lượng cao trong cùng khối ngành và trên cả nước.

- Xây dựng và công bố báo cáo hằng năm trên website của trường, tổng hợp các góp ý chính từ các bên liên quan và các hành động cải tiến tương ứng mà Nhà trường đã thực hiện, qua đó thể hiện sự minh bạch và trân trọng đối với các ý kiến đóng góp.

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	12 điểm
Tiêu chuẩn 8.1	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.2	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.3	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.4	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.5	2 điểm
Tiêu chuẩn 8.6	2 điểm

Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học là những chỉ số hiệu suất chính, phản ánh trực tiếp hiệu quả của quá trình đào tạo và công tác hỗ trợ người học. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành một quy trình hoàn chỉnh từ khâu xác lập dữ liệu, giám sát định kỳ, đối sánh xu hướng và quan trọng nhất là sử dụng các kết quả đó làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến chất lượng liên tục.

Về việc xác lập và giám sát một cách có hệ thống: Công tác xác lập và giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học là một nhiệm vụ thường xuyên, được quy định bài bản với sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm chính trong việc tổng hợp, thống kê.

- **Xác lập:** Tỷ lệ tốt nghiệp được tính bằng tỷ số giữa số HSSV được công nhận tốt nghiệp so với tổng số HSSV nhập học của khóa đó. Tỷ lệ bỏ học được tính theo năm học, dựa trên số HSSV bị buộc thôi học hoặc tự ý bỏ học so với sĩ số đầu năm. Các số liệu này được xác lập dựa trên các minh chứng tin cậy như quyết định công nhận tốt nghiệp và quyết định xử lý học vụ (**8.1.01 - Quy trình quản lý người học; 8.1.02 - Các quyết định công nhận tốt nghiệp giai đoạn 2023-2025**).

- **Giám sát:** Quy trình giám sát được thực hiện đa cấp và định kỳ. GVCN theo dõi sĩ số hằng tuần; Khoa chuyên môn họp giao ban hằng tháng để nắm bắt tình hình; Phòng ĐBCL & CTHSSV tổng hợp và báo cáo Ban Giám hiệu theo từng học kỳ và cuối năm học. Quy trình này giúp Nhà trường nắm bắt kịp thời những biến động về sĩ số để có biện pháp can thiệp sớm (**8.1.03 - Các báo cáo công tác GVCN hằng tháng; 8.1.04 - Báo cáo tổng hợp tình hình HSSV hằng năm**).

Về việc đối sánh để nhận diện xu hướng: Nhà trường đặc biệt chú trọng công tác phân tích, đối sánh để đối chiếu số liệu giữa các năm học. Cụ thể:

- **Đối sánh nội bộ:** Trong các báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường đều xây dựng các biểu đồ, bảng biểu so sánh tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học của năm hiện tại so với các năm trước đó, giúp nhận diện rõ xu hướng theo từng ngành, nghề (**2.3.03 - Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025; 1.1.13- Hồ sơ khảo sát hằng năm**).

- **Đối sánh với mục tiêu:** Trong Mục tiêu chất lượng hằng năm, Nhà trường đều đặt ra các chỉ tiêu cụ thể. Việc đối sánh kết quả thực tế với các mục tiêu này là thước đo quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (**1.3.10 - Hệ thống tài liệu ĐBCL của Trường**).

Về cải tiến chất lượng: Đây là mục tiêu cốt lõi và được Nhà trường xem là khâu quan trọng nhất. Từ những phân tích về tỷ lệ bỏ học, Nhà trường đã chủ động tìm hiểu sâu về các nhóm nguyên nhân chính (học lực, kinh tế, tâm lý, định hướng nghề nghiệp...). Dựa trên đó, một loạt các giải pháp cải tiến đồng bộ đã được triển khai (**8.1.05**

- Nghị quyết của Đảng ủy, Ban Giám hiệu về việc tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động (ĐVSDLD) và các bên liên quan là nguồn thông tin đầu vào quan trọng bậc nhất để đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo, đảm bảo chương trình đào tạo luôn bám sát thực tiễn. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai một hệ thống khảo sát bài bản, đa đối tượng để thu thập và sử dụng hiệu quả nguồn thông tin quý giá này (**1.1.13- Hồ sơ khảo sát hằng năm**).

Về hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi: Nhà trường đã thiết lập một cơ chế khảo sát định kỳ, lấy ý kiến từ các bên liên quan cốt lõi (**1.4.01 - Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm**), bao gồm:

- **ĐVSDLD:** Hằng năm, Nhà trường gửi "Phiếu khảo sát thông tin về chất lượng HSSV và nhu cầu tuyển dụng" đến các doanh nghiệp đối tác. Phiếu khảo sát tập trung đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, thái độ nghề nghiệp; đồng thời khảo sát về nhu cầu tuyển dụng và mời doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo (**8.2.01 - Mẫu Phiếu khảo sát Doanh nghiệp; 8.2.02 - Danh sách các doanh nghiệp có liên kết với Trường trong những năm gần đây; 8.2.03- Các biên bản/hình ảnh tại các hội nghị với doanh nghiệp**).

- **Cựu HSSV:** Đây là đối tượng cung cấp phản hồi chân thực nhất về chất lượng chương trình đào tạo. Nhà trường triển khai "Phiếu khảo sát dành cho cựu HSSV" để thu thập thông tin về tình hình việc làm, mức độ phù hợp của công việc, và đánh giá của cựu HSSV về sự hữu ích của các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị so với yêu cầu công việc thực tế (**8.2.04- Mẫu Phiếu khảo sát Cựu HSSV; 8.2.05 - Danh sách cựu HSSV tham gia khảo sát hằng năm**).

- **Các bên liên quan khác:** Ngoài ra, Nhà trường cũng lấy ý kiến của phụ huynh người học thông qua các buổi họp định kỳ để nắm bắt sự hài lòng về môi trường giáo dục và công tác quản lý (**8.2.06 - Các biên bản/hình ảnh họp phụ huynh hằng năm; 8.2.07 - Tổng hợp thông tin trao đổi giữa phụ huynh với GVCN qua các kênh liên lạc**

của lớp). Xin ý kiến các chuyên gia, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để nắm bắt xu hướng phát triển của ngành, các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ năng nghề để cập nhật chương trình đào tạo cho phù hợp với xu thế xã hội và yêu cầu của nghề; xin ý kiến Các đối tác hợp tác khác như các trường THPT (nguồn tuyển sinh đầu vào), các trường đại học (liên thông), các tổ chức quốc tế, các nhà cung cấp thiết bị, vật tư cho hoạt động đào tạo của trường (**8.2.08 – Hình ảnh các buổi hội nghị, hội thảo gặp mặt trao đổi giữa Nhà trường và các bên liên quan khác**)

Về việc sử dụng thông tin phản hồi để cải tiến: Thông tin thu thập từ các cuộc khảo sát không chỉ để lưu trữ mà được sử dụng một cách thực chất để cải tiến chất lượng.

- *Tổng hợp và phân tích:* Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (nay là Phòng DBLC & CTHSSV) chịu trách nhiệm tổng hợp, phân tích dữ liệu từ các phiếu khảo sát và lập báo cáo chi tiết. Báo cáo chỉ ra những điểm mạnh cần phát huy, những kỹ năng, kiến thức mà thị trường lao động yêu cầu nhưng chương trình đào tạo chưa đáp ứng tốt (**8.2.09 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ĐVSĐLĐ và các bên liên quan hằng năm**).

- *Cơ sở để cải tiến:* Các báo cáo này là minh chứng đầu vào quan trọng cho các cuộc họp của lãnh đạo, cán bộ chủ chốt Nhà trường, các buổi làm việc của các Khoa chuyên môn về việc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo. Dựa trên phản hồi của doanh nghiệp và cựu HSSV, Nhà trường đã có nhiều điều chỉnh kịp thời như: tăng cường thời lượng thực hành, bổ sung các học phần về kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm), cập nhật các công nghệ mới vào giảng dạy, và mời chính các chuyên gia từ doanh nghiệp tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực tập (**8.2.10 - Kế hoạch hành động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo sau khảo sát**).

Như vậy, Nhà trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả một hệ thống thu thập và sử dụng thông tin phản hồi từ ĐVSĐLĐ và các bên liên quan. Quy trình khép kín từ Khảo sát → Phân tích → Cải tiến đã được thực hiện một cách bài bản, đảm bảo chất lượng đào tạo của trường luôn được đổi mới và ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động, đáp ứng toàn diện yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý vừa là chủ thể thực thi, vừa là đối tượng chịu tác động trực tiếp của các chính sách nội bộ. Do đó, việc thu thập ý

kiến phản hồi từ đội ngũ một cách bài bản, khoa học để cải tiến các chính sách liên quan được xem là một hoạt động thiết yếu trong chu trình đảm bảo và nâng cao chất lượng (1.1.13- *Hồ sơ khảo sát hằng năm*).

Về việc ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát đa kênh: Nhà trường đã thể chế hóa hoạt động này thông qua việc ban hành Quy trình khảo sát cán bộ, viên chức, người lao động (8.3.01 - *Quy trình khảo sát cán bộ, viên chức, người lao động*). Quy trình này quy định rõ ràng về mục đích, đối tượng, tần suất và trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai thu thập ý kiến. Để đảm bảo vừa có được cái nhìn tổng thể, vừa đi sâu vào các vấn đề cụ thể, Nhà trường đã áp dụng một quy trình thu thập thông tin đa kênh:

- *Khảo sát bằng phiếu định kỳ:* Hằng năm, theo quy trình đã ban hành, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai "Phiếu khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý" trên diện rộng. Đây là công cụ nền tảng để thu thập dữ liệu định lượng, đánh giá mức độ hài lòng chung về các chính sách dạy và học, chính sách nhân sự và môi trường làm việc (8.3.02 - *Mẫu Phiếu khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm*; 8.3.03 – *Danh sách cán bộ, viên chức tham gia khảo sát hằng năm*).

- *Xin ý kiến thông qua các cuộc hội nghị, các cuộc họp:* Việc thu thập các ý kiến góp ý còn được thực hiện qua các thảo luận tại các hội nghị sơ kết, tổng kết hằng năm, hội nghị sinh hoạt chuyên đề hằng tháng, hội nghị sinh hoạt nghiệp vụ đầu năm học, hội nghị sinh hoạt chuyên môn tại đơn vị... để tìm ra nguyên nhân gốc rễ và cùng đề xuất các giải pháp cải tiến (2.5.03 - *Các biên bản sinh hoạt chuyên môn của Trường và của các Khoa hằng năm*; 8.3.04 *Các biên bản sơ kết 6 tháng đầu năm, tổng kết năm công tác và hội nghị dân chủ cơ quan hằng năm*).

- *Đối thoại trực tiếp:* Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám hiệu và toàn thể viên chức, người lao động. Đây là kênh giao tiếp chính thống, thể hiện sự minh bạch và trách nhiệm giải trình của lãnh đạo (8.3.05 – *Một số hình ảnh đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường với các đơn vị và đội ngũ CB, VC, NLD*).

Về việc sử dụng kết quả khảo sát để đánh giá và cải tiến: Dữ liệu từ tất cả các kênh trên được tổng hợp, phân tích và trình bày trong các báo cáo chi tiết. Báo cáo không chỉ nêu con số mà còn chỉ ra các xu hướng và các lĩnh vực chính sách cần được quan tâm cải tiến (8.3.06 - *Tổng hợp ý kiến góp ý của nhà giáo, CBQL hằng năm*). Dựa trên các phản hồi, nhiều cải tiến đã được thực hiện, ví dụ như: điều chỉnh định mức giờ giảng, tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo đúng nguyện vọng của nhà giáo, công khai hóa quy trình bổ nhiệm cán bộ... (8.3.07 – *Tổng hợp các hành động cải tiến sau khi thu thập ý kiến góp ý của đội ngũ CB, VC, NLD*).

Như vậy, Nhà trường đã thiết lập và vận hành hiệu quả một vòng lặp cải tiến chất lượng đối với các chính sách nội bộ. Việc kết hợp nhiều hình thức khảo sát và sử dụng kết quả một cách bài bản đã thể hiện rõ sự cầu thị và quyết tâm của Nhà trường trong

việc xây dựng một môi trường làm việc ngày càng tốt hơn, qua đó trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng toàn diện yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định người học là trung tâm của hoạt động đào tạo, do đó, việc lắng nghe và sử dụng ý kiến phản hồi của người học để cải tiến chất lượng được xem là một nhiệm vụ cốt lõi. Nhà trường đã xây dựng và vận hành một quy trình khảo sát bài bản, được chuẩn hóa thông qua chương trình hợp tác quốc tế và triển khai một hệ thống khảo sát bài bản, đa đối tượng để thu thập và sử dụng hiệu quả nguồn thông tin (**1.4.01 - Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm; 1.1.11- Hồ sơ khảo sát hằng năm**).

Về việc ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát đa kênh: Nhà trường đã thể chế hóa hoạt động này thông qua việc ban hành Quy trình khảo sát người học (**8.4.01 - Quy trình khảo sát người học**). Quy trình này quy định rõ ràng về mục đích, đối tượng, tần suất và trách nhiệm của các đơn vị. Để đảm bảo thu thập thông tin một cách toàn diện và phù hợp với từng đối tượng, Nhà trường đã áp dụng một quy trình thu thập thông tin đa kênh:

- ***Khảo sát bằng phiếu trên diện rộng (Công cụ cốt lõi):*** Đây là phương pháp nền tảng để thu thập dữ liệu định lượng một cách có hệ thống, chủ yếu qua hình thức trực tuyến để đảm bảo tính ẩn danh. Các loại khảo sát chính được triển khai:

+ ***Khảo sát cuối môn học/mô-đun:*** Tập trung đánh giá chất lượng giảng dạy của từng nhà giáo và nội dung môn học, cung cấp phản hồi trực tiếp để giảng viên cải tiến.

+ ***Khảo sát cuối học kỳ/năm học:*** Đánh giá tổng thể về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ (thư viện, ký túc xá, y tế, wifi...), hoạt động của các phòng ban và môi trường học tập.

+ ***Khảo sát sinh viên năm nhất và sinh viên sắp tốt nghiệp:*** Để có cái nhìn toàn diện từ lúc HSSV mới vào trường cho đến khi hoàn thành chương trình học. (**8.4.02 - Hệ thống các mẫu phiếu khảo sát người học theo từng mục đích; 8.4.03- Các đường link khảo sát trực tuyến**).

- ***Đối thoại trực tiếp (Công cụ thu thập thông tin định tính):***

+ Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám hiệu và HSSV, là diễn đàn chính thức để HSSV nêu ý kiến và lãnh đạo giải đáp công khai (**8.4.04 - Các biên bản/hình ảnh đối thoại giữa Nhà trường và HSSV hằng năm**).

+ Các buổi sinh hoạt lớp định kỳ do GVCN chủ trì là kênh gần gũi nhất để giải quyết các vấn đề phát sinh hàng ngày (**7.1.08 - Các biên bản sinh hoạt lớp**).

+ Các kênh góp ý thường xuyên: Nhà trường duy trì hòm thư góp ý (chức năng hỗ trợ trực tuyến và hòm thư điện tử) và theo dõi các kênh mạng xã hội để tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh đột xuất (**8.4.05 - Tổng hợp các góp ý, trao đổi trên các kênh trực tuyến**).

Về việc sử dụng kết quả khảo sát để đánh giá và cải tiến: Nhà trường đã thiết lập một chu trình cải tiến chất lượng hiệu quả, đảm bảo ý kiến của người học được lắng nghe và có hành động cụ thể.

- *Phân tích & Báo cáo:* Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có trách nhiệm tổng hợp dữ liệu, phân tích và viết báo cáo. Báo cáo kết quả khảo sát môn học được gửi riêng cho từng giảng viên và Trưởng Khoa; báo cáo tổng hợp về dịch vụ được gửi cho Ban Giám hiệu và các phòng ban liên quan (**8.4.06 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát người học hằng năm**).

- *Hoạch định & Thực hiện cải tiến:* Dựa trên báo cáo, các đơn vị liên quan phải xây dựng kế hoạch hành động cải tiến cụ thể. Ví dụ: Dựa trên phản hồi, Nhà trường đã tiến hành nâng cấp hệ thống wifi, cải thiện chất lượng bữa ăn tại nhà ăn, điều chỉnh phương pháp giảng dạy của một số giáo viên...

- *Phản hồi và Công khai:* Nhà trường công khai các kết quả khảo sát chính và quan trọng hơn là công khai các hành động cải tiến đã, đang và sẽ thực hiện dựa trên góp ý của HSSV qua website, bảng tin. Việc làm này cho HSSV thấy ý kiến của họ thực sự có giá trị, khuyến khích họ tham gia tích cực và trung thực hơn vào những lần sau (**8.4.07 - Tổng hợp một số nội dung cải tiến chất lượng các dịch vụ và hoạt động đào tạo sau khảo sát người học**).

Như vậy, Nhà trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả một hệ thống thu thập và sử dụng thông tin phản hồi từ người học. Quy trình khép kín từ Khảo sát → Phân tích → Cải tiến → Phản hồi đã được thực hiện một cách bài bản, đảm bảo các chính sách và hoạt động của trường luôn được đổi mới và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, đáp ứng toàn diện yêu cầu của tiêu chuẩn.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện,

nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng là công cụ quản lý cốt lõi, là nền tảng của văn hóa chất lượng. Hoạt động này được triển khai một cách định kỳ, có hệ thống và thực chất, vận hành theo chu trình cải tiến liên tục (PDCA). Đây là cơ sở để Nhà trường tự rà soát, đối chiếu toàn bộ hoạt động của mình với bộ tiêu chuẩn chất lượng, từ đó hoạch định và triển khai các giải pháp cải tiến một cách khoa học và hiệu quả.

Về việc thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng: Hoạt động tự đánh giá được Nhà trường thực hiện một cách định kỳ, có hệ thống và toàn diện.

- Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập các Hội đồng Tự đánh giá (bao gồm tự đánh giá cơ sở GDNN và tự đánh giá các nghề trọng điểm) với sự tham gia của đại diện lãnh đạo và các đơn vị, đoàn thể trong toàn trường và đại diện doanh nghiệp. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị thường trực, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, hướng dẫn các đơn vị thu thập minh chứng và viết báo cáo (**8.5.01 - Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá hằng năm; 8.5.02 - Kế hoạch thực hiện hoạt động tự đánh giá hằng năm**).

- Quá trình tự đánh giá được triển khai chuyên nghiệp, có sự tham gia của tất cả các đơn vị, được thể hiện qua các biên bản họp của Hội đồng và các ban công tác. Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh là sản phẩm cuối cùng, phản ánh một cách trung thực hiện trạng của Nhà trường so với bộ tiêu chuẩn. Định kỳ, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng gửi báo cáo về cơ quan quản lý GDNN cấp trên theo quy định (**8.5.03 - Các biên bản họp của Hội đồng Tự đánh giá; 8.5.04 - Các báo cáo tự đánh giá chất lượng; 8.5.05 - Đường link đăng tải báo cáo tự đánh giá chất lượng trên website trường**).

Về kế hoạch và biện pháp cải tiến chất lượng dựa trên kết quả tự đánh giá: Nhà trường sử dụng kết quả tự đánh giá hằng năm làm cơ sở cốt lõi để xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng, theo định hướng duy trì và phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được nhận diện.

Dựa trên Báo cáo Tự đánh giá, Nhà trường xây dựng một Kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng. Kế hoạch xác định cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm để cải tiến chất lượng, từ việc rà soát chiến lược, cập nhật chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, đầu tư cơ sở vật chất, đến việc triển khai các hoạt động khảo sát và sử dụng kết quả để cải tiến. Kế hoạch phân công rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời gian hoàn thành cho từng nhiệm vụ (**1.4.01 - Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm**).

Các biện pháp cải tiến được triển khai một cách thực chất, được minh chứng qua các quyết định, kế hoạch chi tiết được ban hành sau đó để giải quyết các vấn đề đã chỉ

ra. Một số nội dung cụ thể: phát huy điểm mạnh về quan hệ doanh nghiệp bằng việc ký kết thêm nhiều thỏa thuận hợp tác; Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết để rà soát chương trình đào tạo; khắc phục tồn tại về cơ sở vật chất bằng việc lên kế hoạch nâng cấp, sửa chữa... **(8.5.06 - Các quyết định, kế hoạch chi tiết để triển khai các nội dung trong Kế hoạch cải tiến tổng thể)**.

Việc thực hiện kế hoạch cải tiến được Ban Giám hiệu và Hội đồng Tự đánh giá thường xuyên rà soát, đôn đốc thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, đảm bảo các hoạt động cải tiến được thực hiện đúng tiến độ và hiệu quả **(8.5.07 - Báo cáo tháng của các đơn vị; 8.5.08 - Nghị quyết đảng uỷ, kết luận giao ban hằng tháng; 2.3.03 - Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025; 3.2.05 - Báo cáo tổng kết năm công tác 2023, 2024)**.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu Tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp là chỉ số hiệu suất cốt lõi (KPI) quan trọng nhất, phản ánh trực tiếp sứ mệnh, chất lượng và uy tín của hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Do đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai một quy trình khảo sát, thống kê bài bản để không chỉ xác lập con số một cách chính xác mà còn sử dụng dữ liệu đó làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến liên tục.

Về quy trình khảo sát và cách thức xác lập tỷ lệ: Nhà trường đã thể chế hóa hoạt động này thông qua việc ban hành Quy trình khảo sát HSSV sau tốt nghiệp **(8.6.01 - Quy trình khảo sát HSSV sau tốt nghiệp)**. Quy trình này quy định rõ về phương pháp luận, đơn vị chịu trách nhiệm và công cụ thực hiện.

(8.6.02 – Danh sách HSSV tốt nghiệp hàng năm; 8.6.03 – Kế hoạch thu thập thông tin Cựu HSSV hàng năm).

Nhà trường sử dụng kết hợp nhiều hình thức để tối đa hóa tỷ lệ phản hồi, bao gồm: (1) Khảo sát nhanh nhu cầu việc làm hoặc học liên thông của HSSV trước khi thi tốt nghiệp; (2) Thực hiện khảo sát trực tiếp bằng phiếu khi HSSV đến nhận bằng tốt nghiệp; (3) Liên lạc, phỏng vấn trực tiếp qua điện thoại; (4) Gặp gỡ, phỏng vấn cựu HSSV tại các doanh nghiệp đối tác **(8.6.04 - Các mẫu phiếu thu thập thông tin cựu HSSV)**.

Để phản ánh đúng kết quả đầu ra tích cực của quá trình đào tạo, Nhà trường định nghĩa "người học có việc làm" bao gồm các trường hợp: a) Đang làm việc (toàn thời gian/bán thời gian) và có thu nhập; b) Tự khởi nghiệp, tự tạo việc làm; c) Tiếp tục học lên trình độ cao hơn (liên thông), được xem là một dạng "việc làm học thuật"; d) Thực

hiện nghĩa vụ quân sự; e) Đối với HSSV mô hình 9+, đang tiếp tục học chương trình văn hóa THPT theo đúng lộ trình đào tạo.

Thông qua quy trình khảo sát bài bản, Nhà trường luôn theo dõi và duy trì tỷ lệ người học có việc làm ở mức cao. Kết quả tổng hợp hằng năm cho thấy tỷ lệ cựu HSSV có phản hồi về việc làm luôn đạt từ 80%-85%. Trong số đó, tỷ lệ người học có việc làm (theo định nghĩa trên) trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp luôn đạt trên 80%, vượt chỉ tiêu của tiêu chuẩn. Đặc biệt, đối với các nghề trọng điểm của Trường như Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Vận hành máy thi công nền..., tỷ lệ này đạt trên 90%, khẳng định chất lượng và sự phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu xã hội (**8.6.05** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của các khóa tốt nghiệp hằng năm).

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chí 8: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá chi tiết theo 8 tiêu chí, Nhà trường xác định các định hướng và giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại để không ngừng nâng cao chất lượng. Kế hoạch cải tiến chất lượng tổng thể của Nhà trường tập trung vào các nhóm nhiệm vụ sau:

1. Về Chiến lược và chính sách:

- Thường xuyên rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý nội bộ (quy chế, quy định, quy trình) để đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán và phù hợp với thực tiễn.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông về chiến lược phát triển, chính sách chất lượng và các giá trị cốt lõi đến toàn thể các bên liên quan để tạo sự đồng thuận và chung tay hành động.

2. Về Tuyển sinh và đào tạo:

- Đa dạng hóa các hình thức tư vấn tuyển sinh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện để tiếp cận hiệu quả hơn với người học tiềm năng.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý theo lộ trình, chú trọng bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại, năng lực ngoại ngữ, tin học và kỹ năng số.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tính ứng dụng, tích hợp các kỹ năng mềm, kỹ năng số và đáp ứng tiêu chuẩn của các ngành nghề trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Về Cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu:

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung các trang thiết bị hiện đại, công nghệ cao tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, đặc biệt là các thiết bị mô phỏng, tự động hóa.
- Nâng cấp và triển khai phần mềm quản lý tài sản tập trung; tăng cường số hóa học liệu, mở rộng và liên kết nguồn học liệu số với các thư viện khác.
- Cải tạo một phần không gian thư viện hoặc các khu vực chung thành không gian mở, linh hoạt, được trang bị công nghệ để khuyến khích HSSV học tập theo nhóm, nghiên cứu và sáng tạo.

4. Về Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

- Xây dựng quy chế và chính sách riêng để khuyến khích và hỗ trợ sinh viên tham gia thực hiện các đề tài NCKH, tạo sân chơi để sinh viên phát huy khả năng sáng tạo.
- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ đặc biệt cho các nhà giáo có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín.

5. Về Quản lý người học:

- Phát triển một cổng thông tin điện tử hoặc ứng dụng di động tích hợp để HSSV thực hiện trực tuyến các thủ tục hành chính và nhận thông báo tập trung.

- Tổ chức thường xuyên hơn các buổi hội thảo hướng nghiệp với sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp và cựu HSSV thành đạt.

6. Về Kết quả và cải tiến chất lượng:

- Phát triển một hệ thống dashboard tập trung để tích hợp dữ liệu từ tất cả các nguồn (khảo sát, tỷ lệ tốt nghiệp/bỏ học, việc làm) nhằm cung cấp một bức tranh tổng thể về chất lượng.

- Chủ động triển khai hoạt động đối sánh một số chỉ số quan trọng với các trường cao đẳng chất lượng cao trong cùng khối ngành.

- Xây dựng và công bố báo cáo "Bạn góp ý - Chúng tôi hành động" hằng năm trên website của trường để thể hiện sự minh bạch và trân trọng đối với các ý kiến đóng góp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ xác định công tác tự đánh giá chất lượng là một nhiệm vụ thường xuyên và đóng vai trò quyết định trong chiến lược phát triển. Qua hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ tự đánh giá đạt 98/100 điểm, đồng thời có được những giải pháp cải thiện một số hoạt động nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế; gắn kết mọi hoạt động của Nhà trường thành một khối thống nhất, đồng bộ, hướng tới mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn chất lượng cao tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế.

Công tác tự đánh giá đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của lãnh đạo Nhà trường và của toàn thể CBVC, GV và HSSV, tuy nhiên báo cáo cũng không thể tránh khỏi được những thiếu sót, hạn chế. Nhà trường rất mong nhận được những ý kiến góp ý của các chuyên gia trong lĩnh vực GDNN, các nhà quản lý và đồng nghiệp để giúp cho Nhà trường khắc phục được các tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả chất lượng các mặt hoạt động trong đào tạo.

Để công tác kiểm định chất lượng ngày càng có ý nghĩa và mang lại hiệu quả thiết thực hơn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ có một số đề xuất, kiến nghị sau đây:

- Cơ quan quản lý Nhà nước cần có cơ chế chính sách khuyến khích các cơ sở GDNN tự đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo GDNN.
- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và đánh giá chất lượng CTĐT tạo điều kiện giao lưu, trao đổi kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn công tác tự đánh giá chất lượng.
- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Phú Thọ, ngày tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Số: ~~797~~/QĐ-CDPT

Phú Thọ, ngày ~~07~~ tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN PHÚ THỌ

Căn cứ Quyết định số 4310/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-CDPT ngày 31/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ gồm các Ông, Bà (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN theo quy định:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng và viết báo cáo kết quả tự đánh giá;
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.
- Làm việc với đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, KT&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thuý Lan

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số 797/QĐ-CDPT ngày 07/10/2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1.	Trần Thị Thúy Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Lê Đức Vũ	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3.	Bùi Trung Hiếu	Trưởng phòng KT&KĐCL	Thư ký
4.	Lê Đức Minh	Phó hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Phạm Hồng Hải	Trưởng phòng ĐT&HTQT	“
6.	Nguyễn Chí Kiên	Trưởng phòng QTĐS	“
7.	Trương Thuỳ Dương	P.Trưởng phòng TCHC	
8.	Nguyễn Thị Kim Liên	Trưởng phòng TCKT	“
9.	Nguyễn Đăng Thọ	Trưởng khoa Điện tử, điện lạnh	“
10.	Nguyễn Thái Việt	GD Trung tâm TS>VL	“
11.	Trương Đình Luân	Trưởng khoa Cơ khí	“
12.	Nguyễn Thị Lưu	Trưởng khoa CBNS	“
13.	Nguyễn Ngọc Thành	Trưởng phòng Công tác HSSV	“
14.	Nguyễn Hữu Đông	Trưởng khoa CNTT	“
15.	Nguyễn Văn Huệ	Trưởng khoa Động lực	“
16.	Hoàng Văn Tiến	P.Trưởng phòng KT&KĐCL	“
17.	Nguyễn Văn Đào	Trưởng khoa Điện	“
18.	Bùi Quốc Huy	Chủ tịch công đoàn	“
19.	Nguyễn Huy Tiến	Bí thư Đoàn thanh niên	“
20.	Đặng Quang Hợp	Công ty TNHH TM&XD số 678	“
21.	Nguyễn Phi Tuyên	Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	“

ts

Số: **798** /KH-CĐPT

Phú Thọ, ngày **07** tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2025

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN;

Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025 cụ thể như sau:

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đơn vị và cán bộ, giảng viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng tham gia thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được dựa vào tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được và đồng thời phát hiện, khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt hoặc cần cải thiện. Từ đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu.

2. Công cụ tự đánh giá

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng ban hành kèm theo *Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN*

3. Quy trình tự đánh giá

Thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở GDNN:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố kết quả tự đánh giá chất lượng và gửi các cơ quan có thẩm quyền.

4. Nhiệm vụ của các đơn vị và Hội đồng tự đánh giá

4.1. Nhiệm vụ của đơn vị chủ trì (Phòng Khảo thí & KĐCL)

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Rà soát, cập nhật bảng mã minh chứng; phân chia theo từng tiêu chí và từng đơn vị thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ và phối hợp với các đơn vị trong trường thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

- Tổng hợp, chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Tập hợp và mã hóa minh chứng theo quy định.

- Tổ chức quản lý, lưu trữ cơ sở dữ liệu, minh chứng của các tiêu chí/tiêu chuẩn kiểm định và cung cấp cho Hội đồng tự đánh giá trường khi có yêu cầu.

4.2. Nhiệm vụ của các phòng/khoa/trung tâm

- Căn cứ vào kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường, Trưởng các đơn vị phân công cán bộ, giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ của minh chứng cung cấp.

- Phối hợp với thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách tiêu chí và các đơn vị liên quan để thu thập thông tin, minh chứng về các hoạt động liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

- Cung cấp đầy đủ thông tin minh chứng liên quan đến tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định được phân công theo yêu cầu.

- Đánh giá, xác định mức độ hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở GDNN có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

4.3. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá

- Các thành viên Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nhiệm vụ được phân công.

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc trường tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ; báo cáo Hiệu trưởng khi có yêu cầu.

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Thu thập, bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).

- Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng những chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng.

- Hoàn chỉnh báo cáo, thông qua Hội đồng tự đánh giá chất lượng, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Công bố kết quả tự đánh giá chất lượng trong nội bộ trường và gửi cơ quan có thẩm quyền đúng thời hạn quy định.

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại trường.

5. Nội dung - Kế hoạch thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung	Cá nhân, đơn vị phụ trách
Từ 01/10/2025 đến 05/10/2025	- Xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ. - Trình ký kế hoạch, quyết định.	Phòng KT&KĐCL
Từ 06/10/2025 đến 06/11/2025	- Thực hiện tự đánh giá: Thu thập thông tin minh chứng các tiêu chí, tiêu chuẩn.	- Các đơn vị liên quan - Thành viên Hội đồng
Từ 07/11/2025 đến 23/11/2025	- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn - Thu thập, bổ sung minh chứng - Viết dự thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn	- Thành viên Hội đồng - Các đơn vị liên quan - Phụ trách tiêu chí dự thảo báo cáo
Từ 24/11/2025 đến 30/11/2025	- Tổng hợp, lập dự thảo báo cáo TĐG của trường. - Lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, chuyên gia	- Thư ký Hội đồng - Phòng KT&KĐCL - Các đơn vị liên quan
Từ 1/12/2025 đến 05/12/2025	- Thu thập, bổ sung minh chứng (nếu có) - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo - Lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, chuyên gia	- Các đơn vị liên quan - Thư ký Hội đồng - Phòng KT&KĐCL
Từ 06/12/2025 đến 12/12/2025	- Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo - Thông qua, phê duyệt báo cáo - Công bố kết quả, gửi báo cáo về các cơ quan có thẩm quyền, lưu trữ	- Thư ký Hội đồng - Hội đồng

6. Phân công nhiệm vụ

Tiêu chí	Nội dung	Phụ trách tiêu chí
Tiêu chí 1	Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	Đ/c Trương Thuỳ Dương
Tiêu chí 2	Hoạt động đào tạo	Đ/c Phạm Hồng Hải
Tiêu chí 3	Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	Đ/c Trương Thuỳ Dương
Tiêu chí 4	Chương trình, giáo trình	Đ/c Phạm Hồng Hải
Tiêu chí 5	Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Đ/c Nguyễn Chí Kiên
Tiêu chí 6	Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	Đ/c Hoàng Văn Tiến
Tiêu chí 7	Quản lý tài chính	Đ/c Nguyễn Thị Kim Liên
Tiêu chí 8	Dịch vụ người học	Đ/c Nguyễn Ngọc Thành
Tiêu chí 9	Giám sát, đánh giá chất lượng	Đ/c Nguyễn Thái Việt, Bùi Trung Hiếu

- Đ/c Bùi Trung Hiếu: Tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.
- Các thành viên khác: Phối hợp với các đồng chí phụ trách tiêu chí để thực hiện thu thập, cung cấp tài liệu, minh chứng liên quan trong quá trình tự đánh giá.

7. Tổ chức thực hiện

Căn cứ kế hoạch tự đánh giá của trường các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong đơn vị.

Phòng Khảo thí và KĐCL: cung cấp các nội dung, văn bản hướng dẫn và các biểu mẫu (nếu có) để các đơn vị thực hiện; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ.

Các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, minh chứng theo yêu cầu; minh chứng phải tường minh, rõ ràng, phù hợp nội hàm tiêu chí/tiêu chuẩn.

Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm đôn đốc và theo dõi việc thực hiện tiến độ của các đơn vị; báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng kết quả thực hiện.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN hằng năm là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các phòng, khoa, trung tâm nghiêm túc thực hiện đảm bảo đúng kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ NN&MT (để b/c);
- Hội đồng tự đánh giá;
- Trường/phó các đơn vị;
- Lưu: VT, KT&KĐCL.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Trần Thị Thuý Lan

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1.1	1.1.01		Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ giai đoạn 2009 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020/Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050
2.		1.1	1.1.02		Quy chế tổ chức và hoạt động - kèm theo quyết định ban hành
3.		1.1	1.1.03		Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020 - số 27/2011/QĐ-UBND Phú Thọ, ngày 28/12/2011
4.		1.1	1.1.04		Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành NN & PTNT giai đoạn 2014 - 2020
5.		1.1	1.1.05		Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội/nguồn nhân lực 1 số tỉnh
6.		1.1	1.1.06		Kế hoạch khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực
7.		1.1	1.1.07		Phiếu khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực
8.		1.1	1.1.08		Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực
9.		1.1	1.1.09		Thông báo tuyển dụng lao động của doanh nghiệp
10.		1.1	1.1.10		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
11.		1.1	1.1.11		Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của trường hằng năm
12.		1.1	1.1.12		Thông báo nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh GDNN hằng năm;
13.			1.1.13		Hồ sơ khảo sát hằng năm
14.		1.1	1.1.14		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động - về mục tiêu sứ mạng của trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực.
15.	1	1.2	1.2.01		Quyết định thành lập trường, các quyết định đổi tên trường
16.		1.2	1.2.02		Quyết định thành lập các phòng/khoa/trung tâm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
17.		1.2	1.2.03		Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ
18.		1.2	1.2.04		Các quy chế nội bộ của trường
19.			1.2.05		Các quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường;
20.		1.1		1.1.13	Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động - về mục tiêu sứ mạng của trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực.
21.	1	1.3	1.3.01		Quyết định thành lập Ban xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL
22.		1.3	1.3.02		Sổ tay/Chính sách/Mục tiêu chất lượng
23.		1.3	1.3.03		Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng
24.		1.3	1.3.04		Quyết định thành lập Phòng KT & KĐCL/Quy định về chức năng, nhiệm vụ
25.		1.3	1.3.05		Quyết định ban hành và các quy trình hệ thống ĐBCL
26.		1.3	1.3.06		Thông báo rà soát các quy chế, quy định hằng năm
27.		1.1		1.1.13	Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động - về mục tiêu sứ mạng của trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực.
28.		1.3	1.3.07		Báo cáo hệ thống ĐBCL
29.		1.3	1.3.08		Báo cáo tổng kết hằng năm của trường
30.		1.3	1.3.09		Báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa/trung tâm
31.		1.3	1.3.10		Hệ thống tài liệu ĐBCL của Trường
32.	1	1.4	1.4.01		Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm
33.		1.4	1.4.02		Hồ sơ đánh giá, cải tiến hệ thống ĐBCL hằng năm
34.		1.4	1.4.03		Các quyết định phê duyệt hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng hằng năm
35.		1.4	1.4.04		Danh sách các quy trình ĐBCL được cập nhật chỉnh sửa, bổ sung hằng năm
36.	1	1.5	1.5.01		Quyết định thành lập Hội đồng trường

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
37.		1.5	1.5.02		Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường
38.		1.5	1.5.03		Các Nghị quyết của Đảng ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị theo từng giai đoạn
39.		1.5	1.5.04		Hồ sơ đại hội các tổ chức đoàn thể
40.		1.5	1.5.05		Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn của Trường
41.		1.5	1.5.06		Nghị quyết của Hội đồng trường về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường
42.	2	2.1	2.1.01		Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh hằng năm
43.		2.1	2.1.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hằng năm
44.		2.1	2.1.03		Kế hoạch tuyển sinh hằng năm
45.		2.1	2.1.04		Các thông báo tuyển sinh hằng năm
46.	2	2.2	2.2.01		Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh hằng năm
47.		2.2	2.2.02		Các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hằng năm
48.		2.2	2.2.03		Hồ sơ kiểm tra, đánh giá công tác tuyển sinh hằng năm
49.		2.2	2.2.04		Báo cáo công tác tuyển sinh hằng năm
50.	2	2.3	2.3.01		Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp
51.			2.3.02		Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024; 2024-2025, 2025-2026
52.			2.3.03		Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025
53.				1.1.13	Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động
54.				1.3.07	Báo cáo hệ thống ĐBCL
55.				1.3.08	Báo cáo tổng kết hằng năm của trường
56.				1.3.09	Báo cáo tổng kết hằng năm của các phòng/khoa/trung tâm
57.	2	2.4	2.4.01		Chương trình đào tạo các nghề của Trường và quyết định ban hành
58.		2.3		2.3.02	Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024; 2024-2025, 2025-2026

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
59.		2.4	2.4.02		Kế hoạch đào tạo toàn khóa các nghề trình độ Cao đẳng, Trung cấp tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025
60.		2.4	2.4.03		Thời khóa biểu các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
61.		2.4	2.4.04		Sổ lên lớp các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
62.		2.4	2.4.05		Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
63.		2.4	2.4.06		Các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy
64.			2.4.07		Sổ theo dõi tiến độ giảng dạy của các Khoa chuyên môn
65.		2.4	2.4.08		Kế hoạch và Lịch thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp cho HSSV các lớp cuối khóa
66.	2	2.5	2.5.01		Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo
67.				2.4.04	Sổ lên lớp các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
68.				2.4.05	Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
69.				2.4.06	Các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy
70.		2.5	2.5.02		Các biên bản sinh hoạt chuyên môn của Trường và của các Khoa hằng năm
71.		2.5	2.5.03		Hợp đồng hợp tác, biên bản ghi nhớ về đào tạo và tuyển dụng với các doanh nghiệp
72.		2.5	2.5.04		Kế hoạch tổ chức thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
73.		2.5	2.5.05		Danh sách HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp và các biểu mẫu đánh giá kết quả thực tập
74.	2	2.6	2.6.01		Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường
75.		2.6		2.4.07	Sổ theo dõi tiến độ giảng dạy của các Khoa chuyên môn
76.		2.6	2.6.02		Hệ thống thư viện số và học liệu điện tử của Nhà trường
77.		2.6	2.6.03		Hệ thống bài giảng điện tử và video clip học tập
78.		2.6	2.6.04		Các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học
79.		2.6	2.6.05		Danh sách MĐ/MH có ứng dụng phần mềm theo từng nghề đào tạo
80.		2.6	2.6.06		Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
81.		2.6	2.6.07		Website chính thức của Trường
82.		2.6	2.6.08		Hệ thống các kênh mạng xã hội (Facebook, Zalo) phục vụ đào tạo và truyền thông
83.	2	2.7	2.7.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
84.		2.4		2.4.06	Các biên bản kiểm tra hoạt động giảng dạy
85.		2.7	2.7.02		Các báo cáo tổng hợp kết quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các năm học 2023-2024, 2024-2025
86.		2.7	2.7.03		Các biên bản họp chuyên môn, họp giao ban có nội dung về việc điều chỉnh hoạt động giảng dạy sau kiểm tra các năm học 2023-2024, 2024-2025
87.		2.7	2.7.04		Các quyết định thành lập tổ/ban và báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ giảng dạy hằng năm
88.		2.7	2.7.05		Hệ thống camera giám sát tại các phòng học, xưởng thực hành và quy chế quản lý, sử dụng).
89.	2	2.8	2.8.01		Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường
90.		2.8	2.8.02		Hệ thống các quy trình BDCL liên quan đến hoạt động đào tạo
91.		2.8		2.5.01	Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo
92.		2.8	2.8.03		Hệ thống ngân hàng câu hỏi, đề thi các môn học, mô-đun
93.		2.8	2.8.04		Hồ sơ coi, chấm thi tốt nghiệp các nghề của Trường
94.		2.8	2.8.05		Các biên bản họp xét kết quả học tập, rèn luyện của Hội đồng đào tạo
95.		2.8		2.3.03	Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025
96.	3	3.1	3.1.01		Hệ thống các quy trình đảm bảo chất lượng về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo và đánh giá đội ngũ
97.		3.1	3.1.02		Đề án vị trí việc làm
98.		3.1	3.1.03		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLD các năm học 2023, 2024, 2025
99.		3.1		2.6.06	Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
100.		3.1	3.1.04		Hồ sơ và báo cáo tổng kết công tác đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hằng năm
101.		3.1	3.1.05		Các báo cáo đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng hằng năm
102.		3.1	3.1.06		Kế hoạch cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng sau đánh giá hằng năm
103.		3.1	3.1.07		Các quy trình liên quan đến công tác nhân sự đã được cải tiến
104.	3	3.2	3.2.01		Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm
105.		3.2	3.2.02		Hồ sơ, chứng từ thực hiện các chế độ lương, thưởng, BHXH, BHYT hằng năm
106.		3.2	3.2.03		Các báo cáo tổng kết công tác Công đoàn hằng năm
107.		3.2		3.1.03	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLD các năm học 2023, 2024, 2025
108.		3.2	3.2.04		Thống kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm
109.		3.2	3.2.05		Báo cáo tổng kết năm công tác 2023, 2024).
110.	3	3.3		3.1.02	Đề án vị trí việc làm
111.		3.3	3.3.01		Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo toàn trường
112.		3.3	3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo nhà trường
113.		3.3	3.3.03		Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo hằng năm
114.		3.3	3.3.04		Thống kê khối lượng giảng dạy của nhà giáo hằng năm
115.		3.3	3.3.05		Các quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp các năm học
116.		3.3	3.3.06		Bảng quy đổi tỷ lệ nhà giáo/người học
117.		3.3	3.3.07		Thống kê vượt giờ của nhà giáo hàng năm
118.		3.3	3.3.08		Bảng phân công nhà giáo dạy các nghề của Trường
119.	3	3.4		2.5.01	Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo
120.		3.4		2.4.05	Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
121.		3.4		2.4.07	Sổ theo dõi tiến độ giảng dạy của các Khoa chuyên môn
122.		3.4		2.8.01	Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
123.		3.4		2.5.02	Các biên bản sinh hoạt chuyên môn của Trường và của các Khoa hằng năm
124.		3.4		2.7.04	Các quyết định thành lập tổ/ban và báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ giảng dạy hằng năm
125.		3.4		2.3.03	Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025
126.		3.4		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
127.		3.4	3.4.01		Các quyết định thi đua, khen thưởng đối với nhà giáo hằng năm
128.	3	3.5		3.2.01	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm
129.			3.5.01		Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức
130.				3.1.03	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLD các năm học 2023, 2024, 2025
131.				3.2.04	Thống kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm
132.			3.5.02		Kế hoạch và Báo cáo tổng kết tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường hằng năm
133.			3.5.03		Các quyết định khen thưởng nhà giáo có thành tích trong nghiên cứu khoa học và đổi mới phương pháp giảng dạy
134.				3.2.04	Thống kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm
135.			3.5.04		Những hình ảnh nhà giáo tham gia Hội giảng các cấp
136.	3	3.6		3.1.03	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLD các năm học 2023, 2024, 2025
137.		3.6	3.6.01		Quy định về việc cử nhà giáo đi thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp
138.		3.6	3.6.02		Các quyết định cử nhà giáo đi thực tập, thực tế tại doanh nghiệp hằng năm
139.		3.6	3.6.03		Báo cáo kết quả và hình ảnh của nhà giáo sau các đợt đi thực tập tại doanh nghiệp
140.	3	3.7	3.7.01		Sơ đồ cơ cấu tổ chức
141.		3.7		1.2.05	Các quyết định Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường;
142.		3.7		3.1.02	Đề án vị trí việc làm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
143.		3.7	3.7.02		Báo cáo tổng kết công tác hằng năm của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm
144.		3.7		3.1.04	Hồ sơ và báo cáo tổng kết công tác đánh giá, phân loại viên chức, người lao động hằng năm
145.		3.7		3.1.03	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, VC, NLD các năm học 2023, 2024, 2025
146.		3.7		3.2.04	Thông kê danh sách và các quyết định cử viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hằng năm
147.		3.7		2.6.06	Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, nhà giáo
148.	4	4.1	4.1.01		Hệ thống quy trình về quản lý chương trình đào tạo
149.		4.1	4.1.02		Hồ sơ xây dựng và chỉnh sửa các chương trình đào tạo các năm
150.		4.1	4.1.03		Các biên bản hội thảo, phiếu khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo hằng năm
151.		4.1	4.1.04		Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có thành phần là đại diện doanh nghiệp
152.	4	4.2	4.2.01		Hệ thống các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường
153.		4.2		2.4.01	Chương trình đào tạo các nghề của Trường và quyết định ban hành
154.		4.2	4.2.02		Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành nghề đào tạo của Trường
155.		4.2	4.2.03		Cổng thông tin điện tử của Nhà trường có công khai chuẩn đầu ra
156.	4	4.3		4.1.01	Hệ thống quy trình về quản lý chương trình đào tạo
157.		4.3	4.3.01		Bảng đối chiếu chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam
158.		4.3		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
159.		4.3		4.2.02	Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành nghề đào tạo của Trường
160.		4.3		4.2.03	Cổng thông tin điện tử của Nhà trường có công khai chuẩn đầu ra
161.	4	4.4		4.1.01	Hệ thống quy trình về quản lý chương trình đào tạo
162.		4.4	4.4.01		Các chương trình đào tạo đã ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
163.		4.4		4.1.03	Các biên bản hội thảo, phiếu khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo hằng năm
164.		4.4		4.1.02	Hồ sơ xây dựng và chỉnh sửa các chương trình đào tạo các năm
165.	4	4.5	4.5.01		Hệ thống quy trình về quản lý giáo trình đào tạo
166.		4.5	4.5.02		Các quyết định thành lập Tổ biên soạn giáo trình đào tạo các năm
167.		4.5	4.5.03		Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình các năm
168.		4.5	4.5.04		Hồ sơ biên soạn, thẩm định giáo trình của các ngành, nghề
169.	4	4.6	4.6.01		Các quyết định ban hành giáo trình MĐ/MH của từng chương trình đào tạo các năm
170.		4.6	4.6.02		Danh mục giáo trình MĐ/MH theo chương trình đào tạo ban hành các năm
171.		4.6	4.6.03		Hệ thống giáo trình của từng chương trình đào tạo các năm
172.		4.6		2.5.01	Hệ thống đề cương chi tiết các môn học, mô-đun thuộc các chương trình đào tạo
173.		4.6		4.2.02	Các quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành nghề đào tạo của Trường
174.		4.6		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
175.	4	4.7		4.5.01	Hệ thống quy trình về quản lý giáo trình đào tạo
176.		4.6		4.6.01	Các quyết định ban hành giáo trình MĐ/MH của từng chương trình đào tạo các năm
177.	5	5.1	5.1.01		Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công
178.		5.1	5.1.02		Hệ thống các quy trình về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị
179.		5.1	5.1.03		Hồ sơ, sổ sách theo dõi, quản lý và bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị hằng năm
180.	5	5.2	5.2.01		Sơ đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng của trường
181.		5.2	5.2.02		Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
182.		5.2	5.2.03		Bộ hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường
183.		5.2	5.2.04		Bảng thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trườn
184.		5.2	5.2.05		Hình ảnh các khối công trình của Trường
185.		5.2	5.2.06		Sơ đồ hệ thống giao thông nội bộ của trường

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
186.		5.2	5.2.07		Sơ đồ hệ thống điện trong trường
187.		5.2	5.2.08		Hồ sơ, hợp đồng cung cấp điện, nước, internet
188.		5.2	5.2.09		Hình ảnh về khuôn viên, cây xanh và các hoạt động bảo vệ môi trường
189.		5.2	5.2.10		Thông báo một số qui định chung về phân chia ranh giới hành chính các khu vực, phòng làm việc, phòng ở và quản lý tài sản của các đơn vị trong trường
190.		5.2	5.2.11		Kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ các quý
191.		5.2	5.2.12		Sơ đồ và kế hoạch PCCC đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt)
192.	5	5.3	5.3.01		Bản vẽ hoàn công hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình
193.		5.3	5.3.02		Sơ đồ bố trí phòng họp, phòng làm việc, phòng học tập, xưởng thực hành các khu vực của Trường).
194.		5.3	5.3.03		Bảng danh mục và Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo
195.		5.3		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm).
196.	5	5.4	5.4.01		Hợp đồng thu gom rác thải
197.		5.4	5.4.02		Báo cáo công tác vệ sinh môi trường hằng tháng
198.		5.4	5.4.03		Kế hoạch Công tác HSSV các năm học
199.		5.4	5.4.04		Bảng phân công nhiệm vụ trực bảo vệ của Trường;
200.		5.4	5.4.05		Các biên bản phối hợp với an ninh địa phương về đảm bảo trật tự an toàn trong trường học
201.		5.4	5.4.06		Báo cáo đánh giá công tác an ninh trường học của Trường hằng năm
202.		5.4	5.4.07		Nội quy phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nội quy sử dụng máy móc thiết b
203.		5.4		5.2.12	Sơ đồ và kế hoạch PCCC đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt)
204.		5.4	5.4.08		Kết quả kiểm tra của cơ quan y tế có thẩm quyền về y tế trường học
205.		5.4	5.4.09		Hồ sơ tổ chức khám sức khỏe định kỳ
206.		5.4	5.4.10		Kế hoạch vệ sinh phòng dịch bệnh hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
207.		5.4		5.2.09	Hình ảnh về khuôn viên, cây xanh và các hoạt động bảo vệ môi trường
208.		5.4		5.2.10	Thông báo một số qui định chung về phân chia ranh giới hành chính các khu vực, phòng làm việc, phòng ở và quản lý tài sản của các đơn vị trong trường
209.		5.4		5.2.11	Kết quả kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ các quý
210.		5.4	5.4.10		Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV
211.		5.4	5.4.11		Các quy chế, quy định về tuyển dụng, đào tạo, công tác HSSV thể hiện chính sách không phân biệt đối xử về giới
212.		5.4	5.4.12		Hình ảnh về các công trình hỗ trợ người khuyết tật
213.		5.4		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
214.		5.4	5.4.13		Các khen thưởng của trường về công tác đảm bảo an ninh trật tự
215.	5	5.5	5.5.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với yêu cầu của chương trình đào tạo
216.		5.5	5.5.02		Hồ sơ mua sắm vật tư thiết bị đào tạo các năm
217.		5.5		5.1.01	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công
218.		5.5		5.1.02	Hệ thống các quy trình về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị
219.		5.5	5.5.03		Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị
220.		5.5	5.5.04		Nhật trình sử dụng, bảo dưỡng máy móc thiết bị)
221.		5.5	5.5.05		Hồ sơ thiết kế các khối công trình đào tạo
222.		5.5		5.3.02	Sơ đồ bố trí phòng họp, phòng làm việc, phòng học tập, xưởng thực hành các khu vực của Trường).
223.		5.5	5.5.06		Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ trong các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành
224.		5.5	5.5.07		Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm
225.		5.5	5.5.08		Các biên bản kiểm tra thiết bị hằng năm
226.		5.5	5.5.09		Báo cáo công tác kiểm kê hàng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
227.		5.5	5.5.10		Sổ kiểm kê tài sản/ Sổ theo dõi tài sản cố định
228.		5.5		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
229.	5	5.6	5.6.01		Quy chế quản lý nhập, xuất vật tư hàng hoá nội bộ
230.		5.6	5.6.02		Quy trình quản lý, cấp phát vật tư, nguyên, nhiên vật liệu
231.		5.6	5.6.03		Đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị hàng tháng
232.		5.6	5.6.04		Kế hoạch cung ứng vật tư hàng tháng
233.		5.6	5.6.05		Hồ sơ quản lý vật tư, gồm: phiếu xin lĩnh, cấp phát nhiên liệu, vật tư; phiếu thu hồi vật tư, sổ theo dõi việc cấp, phát vật tư của các khoa).
234.		5.6	5.6.06		Hình ảnh kho chung của trường
235.		5.6	5.6.07		Hình ảnh kho lưu trữ tại các đơn vị
236.		5.6	5.6.08		Hình ảnh HSSV tận dụng vật tư thừa để thực hành, sáng tạo
237.		5.6	5.6.09		Báo cáo hoạt động cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu hằng năm
238.		5.6	5.6.10		Báo cáo của các khoa hằng năm
239.		5.6		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm).
240.	5	5.7	5.7.01		Thống kê diện tích thư viện
241.		5.7	5.7.02		Hình ảnh thư viện tại các cơ sở trường
242.		5.7	5.7.03		Thống kê tài sản tại thư viện trường
243.		5.7	5.7.04		Quy định hoạt động thư viện Trường
244.		5.7		5.2.08	Hồ sơ, hợp đồng cung cấp điện, nước, internet
245.		5.7	5.7.05		Sơ đồ hệ thống wifi toàn trường
246.		5.7	5.7.06		Hình ảnh về không gian phòng đọc chung
247.		5.7	5.7.07		Hồ sơ, hình ảnh về thư viện điện tử
248.		5.7	5.7.08		Hình ảnh về khu vực kho sách của thư viện
249.	5	5.8	5.8.01		Danh mục sách tài liệu truyền thống trong thư viện

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
250.		5.8	5.8.02		Thống kê số lượng tài liệu điện tử tại thư viện số của Trường
251.		5.8	5.8.03		Danh mục các bản in chương trình, giáo trình được phê duyệt hàng năm
252.		5.8	5.8.04		Danh mục nguồn học liệu được bổ sung hằng năm
253.		5.8	5.8.05		Chức năng của thư viện điện tử
254.		5.8		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
255.		5.8	5.8.06		Các báo cáo hoạt động của thư viện hàng năm
256.	6	6.1	6.1.01		Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và sáng kiến, cải tiến tại Trường
257.		6.1	6.1.02		Quyết định thành lập Hội đồng khoa học nhà trường
258.		6.1		3.2.01	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm
259.		6.1	6.1.03		Quyết định v/v ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng
260.		6.1	6.1.04		Các quy trình BDCL liên quan đến hoạt động NCKH và công nghệ
261.		6.1	6.1.05		Quyết định giao đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm
262.		6.1	6.1.06		Quyết định công nhận đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm
263.		6.1	6.1.07		Hồ sơ, quyết định khen thưởng hằng năm
264.		6.1		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
265.	6	6.2	6.2.01		Danh mục các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến được phê duyệt và triển khai các năm 2023, 2024, 2025
266.		6.2		6.1.05	Quyết định giao đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm
267.		6.2		6.1.06	Quyết định công nhận đề tài NCKH, sáng kiến hằng năm
268.		6.2	6.2.02		Hồ sơ đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến hằng năm (bao gồm đăng ký, thuyết minh, báo cáo, nghiệm thu
269.		6.2	6.2.03		Báo cáo kết quả NCKH, sáng kiến cải tiến hằng năm
270.	6	6.3		3.2.01	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
271.		6.3	6.3.01		Danh sách các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học của giáo viên đăng trên tạp chí và công bố trong các hội thảo khoa học các cấp
272.		6.3	6.3.02		Bản in nội dung các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động bao gồm trang bìa tạp chí, trang mục lục, trang nội dung bài báo có số trang kèm theo, kỳ xuất bản năm các năm
273.	6	6.4	6.4.01		Các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế
274.		6.4	6.4.02		Hình ảnh, tin bài về các hoạt động hợp tác quốc tế trên website của trường
275.		6.4	6.4.03		Báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế hằng năm)
276.	7	7.1	7.1.01		Kế hoạch và tài liệu tuyên truyền tuyển sinh hằng năm
277.		7.1	7.1.02		Các ấn phẩm tờ rơi giới thiệu về trường
278.		7.1	7.1.03		Hình ảnh các buổi tư vấn tuyển sinh và trải nghiệm thực tế
279.		7.1	7.1.04		Kế hoạch và tài liệu Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa
280.		7.1	7.1.05		Hình ảnh các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa
281.		7.1	7.1.06		Địa chỉ Website, Facebook của Nhà trường
282.		7.1	7.1.07		Thông tin các nhóm Zalo các lớp
283.		7.1	7.1.08		Hình ảnh các vị trí niêm yết nội quy
284.		7.1	7.1.09		Các biên bản sinh hoạt lớp
285.		7.1	7.1.10		Các kế hoạch và hình ảnh sinh hoạt dưới cờ hằng tháng
286.		7.1		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
287.	7	7.2	7.2.01		Quy chế HSSV
288.		7.2	7.2.02		Quy chế học bổng
289.		7.2	7.2.03		Hồ sơ cấp học bổng, miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội cho HSSV hằng năm
290.		7.2		5.4.12	Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV
291.		7.2		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
292.	7	7.3		7.2.01	Quy chế HSSV
293.		7.3		7.2.02	Quy chế học bổng
294.		7.3		3.2.01	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm
295.		7.3	7.3.01		Các biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng hằng năm
296.		7.3	7.3.02		Các quyết định khen thưởng và trao học bổng hằng năm
297.		7.3	7.3.03		Các quyết định khen thưởng cho HSSV đạt thành tích cao trong các cuộc thi tay nghề giỏi
298.		7.3	7.3.04		Danh sách GVCN các lớp
299.		7.3		7.1.07	Thông tin các nhóm Zalo các lớp
300.		7.3	7.3.05		Kế hoạch tổ chức và hình ảnh các hội nghị công tác GVCN hằng năm
301.		7.3	7.3.06		Lịch trực phòng Công tác HSSV
302.		7.3	7.3.07		Mô tả chức năng hỗ trợ trực tuyến trên Website và Facebook Trường
303.				1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
304.	7	7.4	7.4.01		Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường
305.		7.4	7.4.02		Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào hằng năm
306.		7.4	7.4.03		Hình ảnh HSSV tham gia các hoạt động phong trào VHVN-TDĐT, hoạt động xã hội, thiện nguyện
307.		7.4	7.4.04		Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên nhà trường
308.		7.4	7.4.05		Kế hoạch tổ chức các lớp kỹ năng mềm
309.		7.4	7.4.06		Những hình ảnh HSSV tham gia các lớp kỹ năng mềm
310.		7.4		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
311.		7.4	7.4.07		Các giấy khen, bằng khen của trường về hoạt động VHVN-TDĐT, hoạt động xã hội, thiện nguyện
312.	7	7.5	7.5.01		Mẫu phiếu khảo sát hằng năm
313.		7.5	7.5.02		Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của người học hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
314.		7.5		1.4.01	Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm
315.	8	8.1	8.1.01		Quy trình quản lý người học
316.		8.1	8.1.02		Các quyết định công nhận tốt nghiệp giai đoạn 2023-2025
317.		8.1	8.1.03		Các báo cáo công tác GVCN hằng tháng
318.		8.1	8.1.04		Báo cáo tổng hợp tình hình HSSV hằng năm
319.		8.1		2.3.03	Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025
320.		8.1		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
321.		8.1		1.3.10	Hệ thống tài liệu BDCL của Trường
322.		8.1	8.1.05		Nghị quyết của Đảng ủy, Ban Giám hiệu về việc tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo
323.	8	8.2		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
324.		8.2		1.4.01	Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm
325.		8.2	8.2.01		Mẫu Phiếu khảo sát Doanh nghiệp
326.		8.2	8.2.02		Danh sách các doanh nghiệp có liên kết với Trường trong những năm gần đây
327.		8.2	8.2.03		Các biên bản/hình ảnh tại các hội nghị với doanh nghiệp
328.		8.2	8.2.04		Mẫu Phiếu khảo sát Cựu HSSV
329.		8.2	8.2.05		Danh sách cựu HSSV tham gia khảo sát hằng năm
330.		8.2	8.2.06		Các biên bản/hình ảnh họp phụ huynh hằng năm
331.		8.2	8.2.07		Tổng hợp thông tin trao đổi giữa phụ huynh với GVCN qua các kênh liên lạc của lớp
332.		8.2	8.2.08		Hình ảnh các buổi hội nghị, hội thảo gặp mặt trao đổi giữa Nhà trường và các bên liên quan khác
333.		8.2	8.2.09		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ĐVSDLD và các bên liên quan hằng năm
334.		8.2	8.2.10		Kế hoạch hành động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo sau khảo sát
335.	8	8.3		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
336.		8.3	8.3.01		Quy trình khảo sát cán bộ, viên chức, người lao động
337.		8.3	8.3.02		Mẫu Phiếu khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý hằng năm
338.		8.3	8.3.03		Danh sách cán bộ, viên chức tham gia khảo sát hằng năm
339.		8.3		2.5.02	Các biên bản sinh hoạt chuyên môn của Trường và của các Khoa hằng năm
340.		8.3	8.3.04		Các biên bản sơ kết 6 tháng đầu năm, tổng kết năm công tác và hội nghị dân chủ cơ quan hằng năm
341.		8.3	8.3.05		Một số hình ảnh đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường với các đơn vị và đội ngũ CB, VC, NLĐ
342.		8.3	8.3.06		Tổng hợp ý kiến góp ý của nhà giáo, CBQL hằng năm
343.		8.3	8.3.07		Tổng hợp các hành động cải tiến sau khi thu thập ý kiến góp ý của đội ngũ CB, VC, NLĐ).
344.	8	8.4		1.4.01	Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm
345.		8.4		1.1.13	Hồ sơ khảo sát hằng năm
346.		8.4	8.4.01		Quy trình khảo sát người học
347.		8.4	8.4.02		Hệ thống các mẫu phiếu khảo sát người học theo từng mục đích
348.		8.4	8.4.03		Các đường link khảo sát trực tuyến
349.		8.4	8.4.04		Các biên bản/hình ảnh đối thoại giữa Nhà trường và HSSV hằng năm
350.		8.4		7.1.08	Các biên bản sinh hoạt lớp
351.		8.4	8.4.05		Tổng hợp các góp ý, trao đổi trên các kênh trực tuyến
352.		8.4	8.4.06		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát người học hằng năm
353.		8.4	8.4.07		Tổng hợp một số nội dung cải tiến chất lượng các dịch vụ và hoạt động đào tạo sau khảo sát người học
354.	8	8.5	8.5.01		Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá hằng năm
355.		8.5	8.5.02		Kế hoạch thực hiện hoạt động tự đánh giá hằng năm
356.		8.5	8.5.03		Các biên bản họp của Hội đồng Tự đánh giá

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
357.		8.5	8.5.04		Các báo cáo tự đánh giá chất lượng
358.		8.5	8.5.05		Đường link đăng tải báo cáo tự đánh giá chất lượng trên website trường
359.		8.5		1.4.01	Kế hoạch bảo đảm chất lượng hằng năm
360.		8.5	8.5.06		Các quyết định, kế hoạch chi tiết để triển khai các nội dung trong Kế hoạch cải tiến tổng thể
361.		8.5	8.5.07		Báo cáo tháng của các đơn vị
362.		8.5	8.5.08		Nghị quyết đảng uỷ, kết luận giao ban hằng tháng
363.		8.5		2.3.03	Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024, 2024-2025
364.		8.5		1.3.08	Báo cáo tổng kết hằng năm của trường
365.		8.6	8.6.01		Quy trình khảo sát HSSV sau tốt nghiệp
366.		8.6	8.6.02		Danh sách HSSV tốt nghiệp hằng năm
367.		8.6	8.6.03		Kế hoạch thu thập thông tin Cựu HSSV hằng năm
368.		8.6	8.6.04		Các mẫu phiếu thu thập thông tin cựu HSSV
369.		8.6	8.6.05		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của các khóa tốt nghiệp hằng năm